

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÂN THỊ MAI LINH LAN

**ĐẶC ĐIỂM TIỂU THUYẾT
HỒ THỦY GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THÂN THỊ MAI LINH LAN

ĐẶC ĐIỂM TIỂU THUYẾT
HỒ THỦY GIANG

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.01.21

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đào Thủy Nguyên

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các nội dung của luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017

Tác giả luận văn

Thân Thị Mai Linh Lan

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bản luận văn này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới PGS.TS. Đào Thủy Nguyên đã trực tiếp hướng dẫn, đã tận tâm, nhiệt tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trong khoa Ngữ văn, khoa Sau Đại học - Trường Đại học Sư phạm (Đại học Thái Nguyên) đã giảng dạy và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa học. Tôi cũng xin cảm ơn nhà văn Hồ Thủy Giang đã cung cấp tư liệu và giúp đỡ tôi nhiệt tình trong quá trình làm luận văn.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã quan tâm, động viên giúp đỡ tôi suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Với trình độ và kiến thức hạn chế của người viết, luận văn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự lượng thứ và góp ý chân thành của các thầy cô giáo cùng bạn bè đồng nghiệp đã quan tâm đến vấn đề được tìm hiểu trong luận văn. Tôi xin chân thành cảm ơn.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017

Tác giả luận văn

Thân Thị Mai Linh Lan

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
4. Nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Cấu trúc luận văn.....	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI VÀ KHÁI QUÁT VỀ TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG	8
1.1. Một số vấn đề lí luận về thể loại tiểu thuyết	8
1.1.1. Khái niệm tiểu thuyết	8
1.1.2. Đặc trưng của thể loại tiểu thuyết.....	8
1.2. Tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang trong dòng chảy của tiểu thuyết Thái Nguyên và tiểu thuyết Việt Nam đương đại.....	10
1.2.1. Khái quát về tiểu thuyết Việt Nam đương đại.....	10
1.1.2. Khái quát về tiểu thuyết Thái Nguyên.....	11
1.1.3. Khái quát về tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	14
Tiểu kết.....	18
Chương 2: CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG ...	19
2.1. Khái niệm cảm hứng, cảm hứng chủ đạo	19
2.2. Cảm hứng lịch sử trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	19
2.2.1. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc	21
2.2.2. Tinh thần luận giải lịch sử	30
2.3. Cảm hứng thế sự, đòi tư	38

2.3.1. Sự băng hoại đạo đức của con người trong xã hội mới.....	39
2.3.2. Gian nan hành trình kiếm tìm hạnh phúc của con người	47
Tiểu kết	55
Chương 3: NGHỆ THUẬT TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG	56
3.1. Nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	56
3.1.1. Khái niệm nhân vật và vai trò của nhân vật trong tiểu thuyết.....	56
3.1.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	57
3.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.....	68
3.2.1. Khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật	68
3.2.2. Ngôn ngữ nghệ thuật đa dạng trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	69
3.3. Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.....	83
3.3.1. Khái niệm giọng điệu nghệ thuật.....	83
3.3.2. Các sắc thái giọng điệu trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang	83
Tiểu kết	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1. Tiểu thuyết là một thể loại quan trọng trong sự cách tân của nền văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới với những thành tựu phong phú, đa dạng và sâu sắc. Nằm trong dòng chảy nói chung của tiểu thuyết Việt Nam đương đại, tiểu thuyết Thái Nguyên cũng có sự vận động, phát triển theo một quy luật chung, hướng đến sự đổi mới cả nội dung và hình thức thể hiện. Tuy chưa thực sự có nhiều thành tựu lớn, nhưng 10 năm trở lại đây, Thái Nguyên đã và đang hình thành một đội ngũ sáng tác tiểu thuyết phong phú, trong đó có một số cây bút đã được giải thưởng của Trung ương.

2. Mặc dù chưa có được số lượng tác giả đông đảo, chưa nhiều tác phẩm được đánh giá cao như truyện ngắn nhưng tiểu thuyết Thái Nguyên cũng bắt đầu có những thành tựu. Một số cây bút tiêu biểu của tiểu thuyết Thái Nguyên là: Ma Trường Nguyên, Nguyễn Văn, Phạm Đức, Phan Thái... Trong số đó Hồ Thủy Giang nổi lên không chỉ với thành công ở truyện ngắn mà còn ở tiểu thuyết. Ông đã xuất bản 5 tiểu thuyết (2 cuốn được giải thưởng của Trung ương năm 2015), bắt đầu gây được tiếng vang. Bởi vậy, việc tìm hiểu, đưa ra đánh giá toàn diện về những thành công và hạn chế của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang là việc làm cần thiết.

3. Những năm trở lại đây, phân phối chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo đã có nhiều đổi mới khi đưa vào giảng dạy phần văn học địa phương ở các trường phổ thông. Khoa Ngữ văn (Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên) cũng đã có phân bố các tiết học để dành thời gian thích đáng cho việc nghiên cứu, giảng dạy văn học địa phương. Bởi vậy, đề tài này góp một phần cung cấp tư liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập phần văn học địa phương ở các cấp học của Thái Nguyên (nói riêng), cũng là tư liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy văn học Việt Nam hiện đại (nói chung).

4. Là một người con của Thái Nguyên đang công tác trong ngành báo chí và tham gia sáng tác văn học, thực hiện đề tài này, tôi muốn phân tích, đánh giá đặc điểm tiểu thuyết Hồ Thủy Giang dưới góc nhìn của người yêu văn trẻ. Đồng thời, muốn giới thiệu tới đông đảo độc giả cả nước về sự phát triển, thành công của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang, cũng như thành tựu của tiểu thuyết Thái Nguyên.

Từ những lý do trên mà tôi chọn đề tài: **Đặc điểm tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.**

2. Lịch sử vấn đề

Nhà văn Hồ Thủy Giang viết nhiều thể loại như thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, phê bình văn học, kịch bản phim truyện truyền hình. Có thể nói, ông thành công nhất với thể loại truyện ngắn khi ra mắt 13 tập truyện, được đánh giá cao qua các giải thưởng. Với tiểu thuyết, 3 năm (2015, 2016, 2017), Hồ Thủy Giang xuất bản liền 5 cuốn, trong đó có 2 tác phẩm được 3 giải thưởng của Trung ương.

Đã có một số bài nghiên cứu về tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang, nhưng chưa có bài viết, công trình nào đánh giá khái quát về thành công và hạn chế của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.

2.1. Một số bài viết về 5 cuốn tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang

- Về tiểu thuyết: **Mắt rừng** (2015), Nxb Công an Nhân dân

PGS.TS Vũ Nho trong bài viết **Mắt rừng- cuộc chiến chống lâm tặc** đăng trên báo Công an Nhân dân đã bàn về nội dung của tiểu thuyết này: *“Vấn đề tiểu thuyết đặt ra là chống lâm tặc ra sao để bảo vệ rừng hiệu quả. Tác giả khắc họa cuộc chiến chống lâm tặc không hề dễ dàng, nhiều cam go, thậm chí đổ máu và hi sinh khi truy bắt bởi lâm tặc chống cự quyết liệt. Chống tận gốc lâm tặc là không có sơ hở để cho lâm tặc lợi dụng. Mà muốn thế thì bài học xương máu không bao giờ cũ là phải dựa vào dân, phải giao rừng cho dân giữ”*. [55].

Tác giả Minh Hằng khi viết lời giới thiệu cuốn sách này đăng trên báo Thái Nguyên Chủ nhật tháng 5-2016 cũng cho rằng: *“Mắt rừng phản ánh cuộc*

chiến giữ rừng đầy cam go của các chiến sĩ kiếm lâm bằng bút pháp tả thực sâu sắc. Vấn đề được luận bàn trong tác phẩm có tính thời sự sâu sắc đó là việc quản lý, bảo vệ rừng chỉ được thực hiện tốt khi Nhà nước giao cho người dân.” [33].

- Về tiểu thuyết **Tể tướng Lưu Nhân Chú**:

Tác giả Phạm Văn Vũ trong bài **Kiến giải lịch sử trong tiểu thuyết Tể tướng Lưu Nhân Chú** đăng trên báo Văn nghệ Thái Nguyên năm 2016 đã viết, đại ý: Trong đời sống văn học đương đại, việc tìm ra con đường của tiểu thuyết đang ngày càng trở thành một vấn đề quan thiết. Giữa rất nhiều những hướng đi, tiểu thuyết lịch sử là một con đường hứa hẹn nhiều triển vọng. Một số nhà văn đã dành trọn tâm huyết và rất thành công trong hướng đi này, tiêu biểu như Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Quang Thân... Với **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, Hồ Thủy Giang là nhà văn Thái Nguyên tiên phong lựa chọn khai thác thế giới đầy ảm mật này. Tác giả đánh giá sức hấp dẫn của tiểu thuyết này là: *“chất điện ảnh khá rõ trong kết cấu, kỹ thuật kể, cách dựng cảnh”*. [75]

Bên cạnh những điểm mạnh, tác giả Phạm Văn Vũ cho rằng trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú** còn một số hạn chế như: *“đôi chỗ cần kỹ lưỡng lại lướt vội, mà lẽ ra nó xứng đáng phải được đầu tư hơn. Hơn nữa, nhịp điệu kể chưa được điều chỉnh rõ ràng để đưa người đọc thực sự hòa cảm vào câu chuyện. Việc tác giả đưa vào phụ lục các nhân vật, sự kiện, vấn đề lịch sử hình như đã vô tình khuôn hẹp lại tính gợi mở của tác phẩm”*. [75]

Tại buổi ra mắt sách **Tể tướng Lưu Nhân Chú** (tháng 5-2016), tác giả Phạm Đức, Chi hội trưởng Văn xuôi, Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên có cảm nghĩ về cuốn tiểu thuyết như sau: *“Muốn viết tiểu thuyết lịch sử, nhà văn phải am hiểu lịch sử, sự am hiểu này phải hơn những gì mà nhà văn muốn kể lại. Tiểu thuyết lịch sử phải làm sao đảm bảo được tính trung thực của lịch sử đồng thời hóa giải lịch sử. Vì vậy đòi hỏi tác phẩm phải có hư cấu để nhân vật*

chính được rõ nét nhưng không thay đổi nội dung câu chuyện lịch sử. Những tình tiết hư cấu đó phải đảm bảo lô gic, phù hợp với thực tế khách quan được bạn đọc chấp nhận. Điều đó đòi hỏi một tài năng thật sự, một sự lao động sáng tạo và tìm tòi kỹ lưỡng của nhà văn. Và tiểu thuyết **Tể tướng Lưu Nhân Chú** đã làm được điều ấy. Chất văn của tiểu thuyết này giản dị nhưng đầy cảm xúc, dẫn người đọc đi vào câu chuyện với sự hấp dẫn, không muốn rời cuốn sách”. Ông cũng cho rằng: “Tiểu thuyết ra đời mở đầu cho những cuốn sách viết về lịch sử, về những người con Thái Nguyên giàu lòng yêu nước và khí phách trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc” [13].

Tác giả Minh Hằng có bài viết **Vài điều đáng nói xung quanh cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên về danh nhân đất Thái** đăng trên báo Thái Nguyên ngày 31-5-2016 như sau: “**Tể tướng Lưu Nhân Chú** là “đứa con tinh thần” thứ 29 của Nhà văn Hồ Thủy Giang, nhưng lại là cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên ông viết về danh nhân Thái Nguyên. Sự ra đời tiểu thuyết lịch sử **Tể tướng Lưu Nhân Chú** cũng lắm đặc biệt. Thông thường, người ta chuyển thể từ tiểu thuyết thành phim, nay nhà văn Hồ Thủy Giang làm ngược lại: chuyển thể từ phim thành tiểu thuyết. Với “quy trình ngược” này, tác phẩm là sản phẩm “nhuyễn” của kịch bản, phim và tiểu thuyết. Cũng vì thế, hình ảnh vị Anh hùng dân tộc đất Thái được khắc sâu hơn bao giờ hết” [34].

- Về tiểu thuyết **Những người mở đường**:

Tác giả Yên Thanh ở bài viết **Họ luôn là chiến sĩ thanh niên xung phong** đăng trên báo Thái Nguyên Chủ nhật ngày 24-7-2016 đã nêu lên thông điệp mà nhà văn Hồ Thủy Giang gửi gắm trong tác phẩm: “*Phẩm chất của người chiến sĩ thanh niên xung phong luôn tỏa sáng. Dù họ nghèo (như ông Thịnh, bà Tâm, bà La, bà Hôi), hay giàu có (như Vinh), vẫn giữ mình thanh sạch, “không bị cuốn vào rác rưởi thời cuộc”.* [65]. Và: “**Tiểu thuyết Những người mở đường** là một tượng đài tinh thần nhỏ bé tôn vinh, an ủi linh hồn những người đã ngã xuống, làm dịu bớt nỗi đau của người ở lại” [65].

2.2. Đánh giá

Qua việc tìm hiểu tình hình nghiên cứu về tiểu thuyết Hồ Thủy Giang chúng tôi nhận thấy, tiểu thuyết Hồ Thủy Giang đã thu hút ít nhiều nhà nghiên cứu. Nhưng các bài viết chỉ đánh giá riêng về nội dung hoặc nghệ thuật của từng cuốn tiểu thuyết (hầu hết trong các buổi giới thiệu sách) mà chưa từng có công trình nào đi sâu khảo sát, đánh giá một cách toàn diện về đặc điểm tiểu thuyết Hồ Thủy Giang. Tuy nhiên, những gợi ý từ các bài viết sẽ là tiền đề để tác giả nghiên cứu và thực hiện đề tài này tham khảo, tìm hiểu và đưa ra cái nhìn toàn diện về những thành công và hạn chế của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang trong dòng chảy của tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là đặc điểm về nội dung và nghệ thuật, những thành tựu và hạn chế của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài sẽ nghiên cứu 5 cuốn tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang:

1. **Mắt rừng**, Nxb Công an Nhân dân, 2015.
2. **Con đường cát bụi**, Nxb Công an Nhân dân, 2016.
3. **Những người mở đường**, Nxb Văn học, 2016.
4. **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, Nxb Đại học Thái Nguyên, 2016.
5. **Thái Nguyên - 1917**, NXB Đại học Thái Nguyên, 2017.

4. Nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu

4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là tìm hiểu về:

- Khái quát tiểu thuyết Hồ Thủy Giang trong dòng chảy của tiểu thuyết Việt Nam đương đại.
- Cảm hứng chủ đạo của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.
- Một số phương diện nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.

4.2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu một số ưu điểm và hạn chế về nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.

- Qua những thành tựu ở thể loại tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang, khẳng định vị trí của ông trong dòng chảy của văn xuôi Thái Nguyên (nói riêng) và của tiểu thuyết Việt Nam đương đại (nói chung). Đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình sáng tác của Hồ Thủy Giang cũng như nhà văn Thái Nguyên ở thể loại này.

- Đề tài được hoàn thành là tài liệu tham khảo bổ ích cho việc giảng dạy phân văn học địa phương các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh cũng như những người quan tâm đến nền văn học địa phương Thái Nguyên.

- Công trình là tư liệu tham khảo giúp lãnh đạo tỉnh tiếp tục quan tâm, động viên và có những chính sách khuyến khích hơn nữa để nền văn học địa phương, trong đó có tiểu thuyết Thái Nguyên tiếp tục phát triển hơn nữa.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi sử dụng và phối hợp các phương pháp cơ bản sau:

- Phương pháp thống kê.

- Phương pháp hệ thống.

- Phương pháp khái quát - tổng hợp: nghiên cứu từng đặc điểm trong cảm hứng chủ đạo và nghệ thuật của nhà văn để có đánh giá chung nhất về những ưu điểm và hạn chế của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang.

- Phương pháp đối chiếu - so sánh: so sánh tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang với một số nhà văn khác để tìm ra những điểm giống và khác biệt khi viết về cùng đề tài, từ đó khẳng định vị trí của nhà văn trong làng văn.

- Phương pháp nghiên cứu tác giả văn học.

- Phương pháp phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.
- Phương pháp nghiên cứu theo quan điểm thi pháp học.

6. Cấu trúc luận văn

Luận văn bao gồm ba phần: Mở đầu, Nội dung và Kết luận. Ngoài ra còn có Mục lục và Tài liệu tham khảo.

Phần nội dung gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài và khái quát về tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang

Chương 2: Cảm hứng chủ đạo trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

Chương 3: Nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

VÀ KHÁI QUÁT VỀ TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG

1.1. Một số vấn đề lý luận về thể loại tiểu thuyết

1.1.1. Khái niệm tiểu thuyết

Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có hư cấu, thông qua nhân vật, hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh xã hội rộng lớn và những vấn đề của cuộc sống con người, biểu hiện tính chất tường thuật, kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi theo những chủ đề xác định.

Các tác giả cuốn **Từ điển thuật ngữ văn học** định nghĩa tiểu thuyết là: *“Tác phẩm tự sự cỡ lớn có khả năng phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian. Tiểu thuyết có thể phản ánh số phận của nhiều cuộc đời, những bức tranh phong tục, đạo đức xã hội, miêu tả các điều kiện sinh hoạt giai cấp, tái hiện nhiều tính cách đa dạng”* [29, tr.277].

1.1.2. Đặc trưng của thể loại tiểu thuyết

Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn, phản ánh nhiều vấn đề, ở tầm rộng và dàn trải. Nó khác với truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ, cô đọng, phản ánh một vài vấn đề nhỏ, súc tích. Đây là thể loại không bị giới hạn về dung lượng phản ánh hiện thực, cả về không gian cũng như thời gian. Qua tiểu thuyết, người đọc có thể hiểu được một giai đoạn lịch sử với nhiều sự kiện, nhiều cảnh ngộ, địa điểm, tình huống... mà khó có thể loại nào có thể đạt được. Các yếu tố khác của tác phẩm văn học, từ đề tài, chủ đề, nhân vật, kết cấu... cũng chịu sự chi phối của đặc điểm này.

Tiểu thuyết miêu tả cuộc sống trong tính chất văn xuôi. Nó thể hiện cuộc sống như một thực tại cùng thời và hấp thu vào bản thân mọi yếu tố ngôn ngữ, bề bộn của cuộc đời... bao gồm những bi - hài; cao cả - thấp hèn; vĩ đại - tầm thường, lớn - nhỏ. Chính dung lượng phản ánh hiện thực rộng lớn giúp nhà

văn miêu tả nhân vật và hoàn cảnh một cách đầy đủ, toàn diện, tỉ mỉ từ những trạng thái tâm hồn cũng như những mối quan hệ đa dạng, phức tạp khác.

Tiểu thuyết là thể loại đa dạng về mặt thẩm mỹ, có khả năng tổng hợp và thu hút vào bản thân nó những đặc trưng và sắc thái thẩm mỹ của nhiều loại hình nghệ thuật khác: *"Đức tính căn bản của tiểu thuyết là ăn được mọi thứ, nó đồng hóa mọi loại tác phẩm khác vào mình"* (Ph. Mác xô- Nhà nghiên cứu tiểu thuyết Pháp).

Về phương thức thể hiện, tiểu thuyết có số lượng nhân vật nhiều hơn so với truyện ngắn. Nhân vật của tiểu thuyết hiện đại có thể được nhà văn tước bỏ các yếu tố: lai lịch, địa vị, dung mạo, thậm chí cả tính cách và cái tên. Qua đó, khám phá tâm hồn con người nhiều hơn: thông qua giác quan, những ấn tượng về cuộc sống.

Người viết tiểu thuyết đứng trên nhiều điểm nhìn, đa chủ thể, sử dụng nhiều giọng nói. Thực tại trong tiểu thuyết là thực tại chưa hoàn kết.

Cách tiếp cận nhân vật của tiểu thuyết hiện đại đó là: Sử dụng điểm nhìn nhân vật, hình thức độc thoại nội tâm, thủ pháp dòng ý thức, liên tưởng để tự do khám phá bản chất con người (Trào lưu tiểu thuyết "hướng nội"); hoặc khai thác các yếu tố phi lý (Tiểu thuyết phi lý); Sử dụng huyền thoại xưa hoặc sáng tạo huyền thoại mới (tiểu thuyết huyền thoại).

Nếu truyện ngắn tập trung vào một tình huống, một chủ đề nhất định thì tiểu thuyết chứa được nhiều vấn đề, phủ sóng được một diện rộng lớn của đời sống. Do đó, truyện ngắn thường hạn chế về nhân vật, thời gian và không gian trong truyện ngắn cũng không trải dài như tiểu thuyết. Đôi khi truyện ngắn chỉ là một khoảnh khắc của cuộc sống, còn tiểu thuyết thu tóm tất cả cái ngồn ngồn của đời sống.

Cốt truyện của tiểu thuyết tự do, linh hoạt trong việc khởi đầu, kết thúc. Cách kể chuyện phức tạp: ngôi thứ nhất, thứ hai, thứ ba, phi tiêu điểm, nội tiêu điểm, ngoại tiêu điểm...

Kết cấu: Tiểu thuyết sử dụng điểm nhìn linh hoạt, đa dạng, có thể theo kết cấu đơn tuyến hay đa tuyến, đan bện nhiều thời gian.

1.2. Tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang trong dòng chảy của tiểu thuyết Thái Nguyên và tiểu thuyết Việt Nam đương đại

1.2.1. Khái quát về tiểu thuyết Việt Nam đương đại

Kể từ khi hòa bình lập lại đến nay, tiểu thuyết Việt Nam đã có những đổi mới, cách tân vượt bậc, thoát ra khỏi “vòng kim cô” trói buộc cả nội dung và hình thức như giai đoạn trước năm 1975, thu hút một lực lượng đông đảo nhà văn sáng tác ở các lứa tuổi và vùng miền.

Quá trình cách tân tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1975 về nội dung thể hiện ở việc từ khuynh hướng tiểu thuyết sử thi đã vận động sang khuynh hướng thể sự, đòi tư, chú ý nhiều hơn đến cái riêng, cái cá nhân, nhất là đi sâu vào những góc ngách sâu kín nhất trong tâm hồn con người. Không chỉ nghiêng về ngợi ca một chiều như tiểu thuyết sử thi giai đoạn trước, tiểu thuyết giai đoạn này đã có cái nhìn đa chiều về lịch sử, chiến tranh và số phận con người. Các tác giả cũng bắt đầu suy xét kỹ hơn và có những “phản pháo” lại chân lý cũ, chỉ ra cái lỗi thời của cơ chế kinh tế bao cấp và cái bất cập, bất ổn trong những tiêu chí đánh giá con người nặng về ý thức hệ. Các nhà văn đã hướng ngòi bút sang cảm hứng phê phán, nhận thức lại sự kiện, con người dưới khía cạnh đạo đức. Có thể thấy, tiểu thuyết đương đại bước gần tới hơn giá trị nhân bản của nó, hướng đến con người cá nhân với những số phận, tính cách riêng trong xã hội thời cơ chế thị trường chứ không phải con người cộng đồng của dòng tiểu thuyết sử thi.

Tiểu thuyết Việt Nam đương đại đã có những bước tiến không ngừng trong sự cách tân về nghệ thuật, dần hướng đến xu thế hậu hiện đại của văn học thế giới. Điều ấy thể hiện trong việc thay đổi cách xây dựng cốt truyện truyền thống, sử dụng các kết cấu lắp ghép, phân mảnh... đi sâu vào việc miêu tả thế giới tâm hồn bí ẩn của con người với các mối quan hệ phức tạp trong xã hội.

Nhân vật văn học giai đoạn này thoát dần khỏi tính điển hình hóa sử thi trước đó, là con người cá nhân, bi kịch và có cả điểm tốt và xấu. Ngôn ngữ các tác giả sử dụng cũng thay đổi khi hướng đến sự đối thoại nhằm tranh luận, phản biện. Giọng điệu ngôn ngữ đa thanh, trong đó nổi bật là giọng phân tích, lý giải, giễu nhại góp phần việc phê phán những cái xấu trong xã hội. Nhiều nhà văn cũng đã thực hiện khát vọng dân chủ hoá văn chương bằng việc thổi vào đó tinh thần hoài nghi và ý hướng giải thiêng văn học. Họ biến tác phẩm thành một cuộc chơi khá đa dạng: chơi cấu trúc, chơi nhân vật, chơi thể loại... Trọng tâm sáng tạo của họ chuyển từ cách kể câu chuyện sang cách thiết kế những văn bản: có văn bản là một câu đố, có văn bản là một bản nhạc, có văn bản là một hoạt cảnh...

1.1.2. Khái quát về tiểu thuyết Thái Nguyên

Mảng tiểu thuyết, một thể tài ví như xương sống của một nền văn học, với Thái Nguyên nếu trước đây thành tựu rất mờ nhạt thì năm năm trở lại đây là một mùa vàng bội thu. Hoàng Luận, Phạm Đức, Phan Thái, Hồ Thủy Giang là những người đi tiên phong trong phong trào viết tiểu thuyết ở Thái Nguyên vào thập kỉ thứ 2 của thế kỉ XXI. Chỉ trong vòng năm, sáu năm (2011- 2016) Hồ Thủy Giang xuất bản tới 5 cuốn (**Mắt rừng, Con đường cát bụi, Những người mở đường, Tể tướng Lưu Nhân Chú, Thái Nguyên - 1917**); Hoàng Luận đã xuất bản 4 cuốn tiểu thuyết (**Làng một người, Cây không lá, Năng tím, Đất óng**); Phan Thái 3 cuốn (**Cơm áo chợ đời, Sóng bên ngày nắng, Đền giời**); Phạm Đức 2 cuốn (**Bão rừng, Giông gió làng chè**)...

Về nội dung, tiểu thuyết Thái Nguyên từ khi đổi mới đến nay chủ yếu khai thác hai nguồn cảm hứng về lịch sử và thế sự, đời tư hướng đến các đề tài: nông thôn, miền núi, công nghiệp, đô thị hóa...

Nhà văn Ma Trường Nguyên là cây bút gạo cội của nền văn xuôi nói chung cũng như tiểu thuyết Thái Nguyên nói riêng. Giai đoạn 1991-2016, ông đã cho ra đời 9 tiểu thuyết, đều là về đề tài miền núi: **Mũi tên ám khói** (1991); **Gió hoang** (1992); **Tình xứ mây** (1993); **Trăng yêu** (1993); **Bến đời** (1995); **Rẽ người dài** (1996); **Mùa hoa hải đường** (1998); **Phượng Hoàng núi**

(2012); **Ông Ké thượng cấp** (2016). Trong đó có tác phẩm **Rễ người dài** đoạt giải thưởng của Ủy ban toàn quốc liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, **Mũi tên ám khói** và **Mùa hoa hải đường** đoạt giải B Giải thưởng Văn học Nghệ thuật tỉnh 5 năm. Trong sáng tác của Ma Trường Nguyên, ta nhận ra đề tài ông quan tâm nhất chính là về mảnh đất vùng cao. Con người, cuộc sống và thiên nhiên nơi ấy đã được nhà văn miêu tả một cách sinh động, chân thực với tất cả tấm lòng yêu mến và gắn bó. Với mạch nguồn cảm hứng về hiện thực và văn hóa, cảm hứng nhân đạo hướng về con người, cảm hứng trữ tình về thiên nhiên miền núi, nhà văn đã đặt niềm tin vào công cuộc đổi mới, vào phẩm giá con người vùng cao. Ta cũng tìm thấy nhiều nét phong tục độc đáo của các dân tộc trong sáng tác của ông.

Đại diện cho các tác giả viết về đề tài nông thôn miền núi phải kể đến nhà văn Hoàng Luận. Cả đời ông cặm cụi tìm cảm hứng sáng tác ở chính mảnh đất Định Hóa nơi mình sinh sống. Đến nay ông đã xuất bản 7 tiểu thuyết, chủ yếu xoay quanh những câu chuyện về quê hương mình. Tiểu thuyết của ông miêu tả sự vận động, đổi thay đầy phức tạp và chứa đựng cả những mâu thuẫn phát sinh trong bối cảnh nông thôn đang phát triển hôm nay. Điều ông trăn trở là làm sao để đổi mới nhưng vẫn giữ được cái trong trẻo của tình người, tình quê. Cũng viết về đề tài nông thôn nhưng khác với Hoàng Luận, tác giả Phạm Đức ở **Giông gió làng chè** và Phan Thái (**Đèn giời**) lại miêu tả sự phát triển, đổi thay nhanh chóng ở mỗi làng quê đi liền với sự tha hóa, xuống cấp đạo đức của những con người vì tiền tài, danh vọng mà bất chấp tất cả.

Về các đề tài công nghiệp, nông thôn, khoáng sản, rừng, lịch sử thời kì phong kiến, thời kì chống Pháp, chống Mỹ, các tác giả Nguyễn Văn, Đỗ Dũng, Quán Văn Tại, Lê Hoàng... lần lượt cho ra đời nhiều tiểu thuyết phản ánh hiện thực cuộc sống sinh động.

Quan tâm và thể hiện sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường vào đời sống, tâm hồn con người, nhà văn Phan Thái đã có các tiểu thuyết **Cơm áo chợ**

đời, Sóng bên ngày nắng và Đèn giời. Ở cả ba tiểu thuyết, ông đều đi sâu khai thác số phận con người gắn với sự phát triển của công ty, doanh nghiệp sau cổ phần hóa hay những làng quê thay đổi khi dự án phát triển khu công nghiệp về.

Hồ Thủy Giang sáng tác truyện ngắn là chủ yếu, ngoài ra còn viết nhiều kịch bản phim truyện điện ảnh và được đánh giá cao. Giai đoạn 2015-2017, Hồ Thủy Giang đã tạo được dấu ấn của mình trong làng văn với 5 cuốn tiểu thuyết trình làng, trong đó 2 tác phẩm đã đoạt 3 thưởng của Trung ương. Ông cũng là người luôn trăn trở trước sự phát triển của xã hội dân chủ khi đồng tiền lên ngôi, biến con người trở thành nô lệ, một là nạn nhân của hoàn cảnh, hai là tha hóa về đạo đức theo bản năng. Điều ấy thể hiện rõ nét trong tiểu thuyết **Mắt rùng** và **Con đường cát bụi**.

Đánh giá chung về tiểu thuyết Thái Nguyên có thể thấy, 5 năm trở lại đây, một số tác giả như Hồ Thủy Giang, Phan Thái bắt đầu tìm đến sân chơi tiểu thuyết, có những tìm tòi hướng đến sự cách tân về nghệ thuật và đạt được những thành công bước đầu. Sự đổi mới của hai nhà văn thể hiện ở quan điểm mới khi nhìn nhận về con người cá nhân, số phận con người trong xã hội phát triển; ở việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ và các sắc thái giọng điệu nghệ thuật phong phú. Hai nhà văn đã từng bước xây dựng các nhân vật đa điểm nhìn thể hiện tư duy sắc sảo, những quan điểm, triết lý sâu sắc trước cuộc đời, con người. Tuy nhiên, sự cách tân về nghệ thuật của Hồ Thủy Giang và Phan Thái về cơ bản vẫn nằm trong khuôn khổ của thể loại truyền thống.

Ngoài Hồ Thủy Giang và Phan Thái thì hầu hết các nhà văn Thái Nguyên viết tiểu thuyết vẫn trung thành theo kiểu truyền thống, thể hiện ở việc sử dụng cốt truyện và cách tổ chức sự kiện đơn giản, một chiều, cũng như xây dựng những nhân vật mang tính chất loại hình.

Tiểu thuyết Thái Nguyên có thể nói đã bước vào dòng chảy của tiểu thuyết Việt Nam đương đại, góp phần làm phong phú hơn nền văn học nước nhà. Mặc dù các nhà văn Thái Nguyên cũng nỗ lực hướng đến sự cách tân cả về

nội dung và nghệ thuật nhưng đó vẫn chỉ là bước đi chập chững trong sân chơi chung với lối viết theo nghệ thuật truyền thống. Song nhìn vào những thành tựu đạt được thời gian qua của nền văn học địa phương, ta hoàn toàn hy vọng sự phát triển của thể loại này đối với văn xuôi Thái Nguyên thời gian tới.

1.1.3. Khái quát về tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

1.1.3.1. Vài nét về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của nhà văn Hồ Thủy Giang

Hồ Thủy Giang sinh ngày 20/06/1947 tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Năm 1960, ông theo gia đình lên Thái Nguyên định cư. Hiện, ông sống ở tổ 16, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên. Gần cả đời ông sống ở Thái Nguyên nên ông coi đây như quê hương thứ hai của mình. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam. Ông nguyên là Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật - Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

Ngay từ nhỏ, ông đã yêu thích đọc và sáng tác văn chương. Năm 19 tuổi, thơ của ông đã được in. Năm 21 tuổi ông đã có truyện ngắn đầu tay **Ngàn làm máy** in trên tạp chí Văn nghệ Việt Bắc. Sau đó Hồ Thủy Giang viết tiếp một loạt tác phẩm về đề tài công nghiệp hóa nông thôn và nhận được giải thưởng của Báo Văn nghệ - Hội nhà văn Việt Nam năm 1971 với tác phẩm **Cô bánh xích**. Giai đoạn 1969-1980, Hồ Thủy Giang là giáo viên dạy văn ở Trường THCS Đại Từ. Trong 11 năm vừa dạy học, vừa sáng tác, ông đã tự học hết chương trình Đại học.

Năm 1980, Hồ Thủy Giang chuyển về công tác ở Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thái Nguyên. Từ đó ông thực sự dành nhiều thời gian, tâm huyết vào sáng tác văn chương và đoạt nhiều giải thưởng của Trung ương và địa phương.

Với niềm đam mê văn chương mãnh liệt, từ khi cầm bút sáng tác đến nay, Hồ Thủy Giang đã cho ra mắt độc giả 13 tập truyện ngắn, 2 tập thơ, 5 tiểu thuyết, 3 cuốn phê bình văn học và 6 kịch bản phim truyền hình. Hơn 40 năm cầm bút, Hồ Thủy Giang vinh dự được nhận trên hai mươi giải thưởng của

Trung ương và địa phương ở các thể loại thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim truyện điện ảnh.

1.1.3.2. Vài nét về tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang

Tự nhận mình bén duyên muộn với tiểu thuyết song chỉ trong vòng chưa đầy 4 năm, Hồ Thủy Giang đã tạo được dấu ấn của mình trong làng văn với 5 cuốn tiểu thuyết trình làng, 2 tác phẩm đoạt được 3 giải thưởng của Trung ương. Cụ thể là tác phẩm **Mắt rừng** được giải Khuyến khích cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện và kí về đề tài “*Vì anh ninh tổ quốc và bình yên cuộc sống 2012-2015*” do Hội Nhà văn và Bộ Công an tổ chức, đồng thời được giải Ba về văn xuôi của Hội Văn học Nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam; tác phẩm **Những người mở đường** được giải Ba cuộc thi tiểu thuyết (2013-2015) do Hội Nhà văn và Bộ Giao thông vận tải đồng tổ chức.

Trong 5 tiểu thuyết, có 2 cuốn được Hồ Thủy Giang chuyển thể lại từ kịch bản phim truyện điện ảnh là **Tể tướng Lưu Nhân Chú** (từ tác phẩm điện ảnh cùng tên) và **Thái Nguyên - 1917** (từ bộ phim điện ảnh **Dưới cờ phục quốc**.)

Thông thường ta thấy các nhà làm phim thường chuyển thể văn học thành kịch bản phim truyện nhưng với Hồ Thủy Giang ông lại làm quy trình ngược lại. Hai kịch bản phim truyện về đề tài lịch sử ông được đặt hàng sản xuất nhưng khi bộ phim được công chiếu thành công, ông lại chuyển thể ngược lại thành tiểu thuyết lịch sử. Điều này ta cũng từng bắt gặp ở nhà văn Đỗ Bích Thúy với kịch bản **Người yêu ơi**. Kịch bản điện ảnh này đang được tác giả chuyển ngược thành tiểu thuyết. Cũng như vậy, **Chúa đất** - tác phẩm vừa ra mắt của nhà văn, vốn được hình thành từ ý tưởng về một kịch bản phim.

Nhà phê bình điện ảnh Pháp Jean Miltry từng nói: “*Tiểu thuyết là một truyện kể tự cấu tạo mình trong thế giới, còn điện ảnh là một thế giới tự cấu tạo mình thành truyện kể*”. [41]. Chúng ta đều biết cả văn học và điện ảnh đều là những loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp, nó mang đặc trưng của âm nhạc, của hội họa; trong điện ảnh có văn học và trong văn học có điện ảnh. Tác

phẩm văn học là nguồn nguyên liệu tiềm năng của điện ảnh và ngược lại, điện ảnh có khả năng gợi mở ý tưởng cho văn học. Mặc dù văn học dựa trên chất liệu chính là ngôn từ, điện ảnh tựa trên chất liệu chính là hình ảnh nhưng giữa ngôn từ và hình ảnh không hề có sự tách biệt mà giao thoa, bổ sung lẫn nhau. Trong văn học vẫn có những hình ảnh được gọi lên từ ngôn từ và trong điện ảnh vẫn có sự xuất hiện của ngôn từ để làm rõ nghĩa cho hình ảnh. Chính vì vậy, hai loại hình nghệ thuật này gắn bó mật thiết với nhau trong hành trình hiển lộ bản thân.

Tuy nhiên, mỗi thể loại lại có những đặc trưng riêng, thế mạnh riêng. Với một quyển sách mấy trăm trang trong tay, chúng ta có thể tùy ý đọc đi đọc lại những dòng, những đoạn văn mang đậm chất triết lý, những áng văn đẹp, giàu xúc cảm. Trong khi đó, điện ảnh là nghệ thuật thời gian - không gian nên đòi hỏi người xem vừa thưởng thức trọn vẹn một bộ phim theo diễn tiến thời gian vừa quan sát, chiêm nghiệm những góc máy, khuôn hình tĩnh trong không gian nhất định như hội họa, điêu khắc, kiến trúc.

Hồ Thủy Giang nhận thấy kịch bản của mình khi chuyển thể sang điện ảnh chưa thực sự khắc sâu nội tâm nhân vật. Đồng thời, dung lượng thời gian trình chiếu khuôn hẹp nên tác phẩm điện ảnh chưa đạt được ý đồ như tác giả kịch bản mong muốn.

Chuyển ngược kịch bản phim truyện điện ảnh thành tiểu thuyết, nhà văn muốn một lần nữa người đọc tiếp cận lịch sử từ một góc nhìn mới, thông qua ngôn từ nghệ thuật. Nhà văn tái hiện hiện thực một cách sáng tạo, đem đến cho người đọc những trang viết giàu hình ảnh, âm thanh sống động, với nghệ thuật cắt dán, sự chuyển dịch điểm nhìn, góc máy của thủ pháp điện ảnh...

Tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang chủ yếu khai thác hai nguồn cảm hứng về lịch sử và thế sự, đời tư.

Với **Tể tướng Lưu Nhân Chú, Những người mở đường, Thái Nguyên -1917**, tác giả tái hiện lại các sự kiện lịch sử gắn liền với mảnh đất và

con người Thái Nguyên. 3 cuốn tiểu thuyết gọi nhắc những hình ảnh quả cảm, liêm liệt và bi tráng về tinh thần chống giặc ngoại xâm của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Nói chuyện xưa để bàn chuyện nay, trên quan điểm đó, các tiểu thuyết lịch sử của Hồ Thủy Giang chứa đựng nhiều thông điệp, triết lý sâu sắc, với cái nhìn mới về lịch sử và con người lịch sử gắn với đời sống hiện nay.

Hai cuốn tiểu thuyết **Mắt rừng** và **Con đường cát bụi** của Hồ Thủy Giang lại hướng người đọc đến mảng đề tài thế sự, đời tư. Nhà văn thể hiện sự suy tư, trăn trở trước sự tha hóa về đạo đức, sự phức tạp trong đời sống tâm hồn con người khi đồng tiền lên ngôi. Tiếp cận mảng đề tài này, Hồ Thủy Giang thể hiện là một nhà văn luôn nỗ lực tìm tòi và dám đổi mới. Hòa vào dòng chảy của tiểu thuyết Việt Nam đương đại, tác phẩm của ông đã thể hiện cái nhìn, quan điểm mới về con người khi ngòi bút đi sâu khám phá những bí mật ẩn chứa trong tâm hồn con người.

Tiểu thuyết Hồ Thủy Giang đã bắt đầu tìm tòi và hướng đến sự cách tân về thể loại thể hiện rõ nhất ở cách sử dụng ngôn ngữ đối thoại mang tính phân tích, lý giải để đưa ra triết lý về con người, cuộc sống; xây dựng nhân vật với điểm nhìn không chỉ của người dẫn chuyện mà còn của các nhân vật với ngôn ngữ, giọng điệu phong phú; không gian và thời gian nghệ thuật theo thủ pháp lai tạo giữa tiểu thuyết và điện ảnh. Điều đó đã mang đến sự tươi mới và hấp dẫn cho mỗi cuốn tiểu thuyết của ông, tạo được sức lay động trong lòng độc giả. Tiểu thuyết của ông cũng dần hướng đến tính chất luận đề, thông điệp nhà văn gửi tới bạn đọc thấm đẫm tinh thần nhân văn và có giá trị hiện thực sâu sắc.

5 cuốn tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang thể hiện ông đã bước đầu làm chủ được thể loại tự sự cỡ lớn với dung lượng nhỏ (mỗi tác phẩm chỉ từ 200-400 trang), nhìn nhận lịch sử và con người bằng tính chất triết luận và suy tư nhiều vấn đề thời sự, điều mà các tiểu thuyết đương đại Việt Nam đã và đang hướng tới.

Tiểu kết

Trong sự phát triển chung của văn xuôi Thái Nguyên, Hồ Thủy Giang nổi lên như một cây bút dày dặn kinh nghiệm trong sáng tác truyện ngắn và đã bước đầu thử sức, có thành công ở thể loại tiểu thuyết.

Tiểu thuyết Hồ Thủy Giang bước đầu hướng đến sự cách tân của thể loại ở cả nội dung và nghệ thuật. Tuy nhiên, sự cách tân trong tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang vẫn nằm trong đường biên hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, vì thế nó không gây sốc mà vẫn được người đọc tiếp nhận một cách dễ dàng.

Chương 2

CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG

2.1. Khái niệm cảm hứng, cảm hứng chủ đạo

Cảm hứng là một trong những trạng thái tâm lý của con người. Nó thể hiện trạng thái tâm lý có cảm xúc và hết sức hứng thú, tạo điều kiện để trí óc tưởng tượng, sáng tạo của con người hoạt động có hiệu quả. Nguồn cảm hứng chính là nhiên liệu của niềm đam mê. Nếu ví niềm đam mê như một ngọn lửa rực cháy trong tim mỗi người, thì cảm hứng chính là nhiên liệu để ngọn lửa ấy cháy mãi.

Cảm hứng tư tưởng, hay còn gọi là cảm hứng nghệ thuật, cảm hứng chủ đạo: *“là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá xác định gây tác động đến cảm xúc những người tiếp nhận tác phẩm”*. [29, tr.44]. Đây được coi là một yếu tố của bản thân nội dung nghệ thuật, của thái độ tư tưởng xúc cảm ở nghệ sĩ với thế giới được mô tả. *“Cảm hứng chủ đạo thống nhất với đề tài và tư tưởng của tác phẩm. Cảm hứng chủ đạo mang lại cho tác phẩm một không khí cảm xúc tinh thần nhất định, thống nhất tất cả các cấp độ và yếu tố nội dung của tác phẩm.”* [29, tr.45].

Trong tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang, ta thấy có 2 cảm hứng chủ đạo xuyên suốt đó là: cảm hứng lịch sử và cảm hứng thế sự, đời tư.

2.2. Cảm hứng lịch sử trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

Tiểu thuyết lịch sử vốn không mới trong nền văn học Việt Nam nhưng phải đến văn học Việt Nam đương đại nó mới thực sự là tiểu thuyết với đúng bản chất thể loại của nó, tức là không phải được viết lại như những sự kiện đã được lưu lại trong chính sử hay sách giáo khoa lịch sử. Các nhà tiểu thuyết thời kỳ mới đều dựa trên cơ sở dữ liệu của lịch sử để hư cấu, sáng tạo làm cho tác phẩm sinh động nhằm nói chuyện xưa để soi sáng chuyện nay. Bởi lịch sử là

cái đã có, đã xong xuôi, trong khi tiểu thuyết chú trọng đến sự sáng tạo, ở đó lịch sử hiện diện và vận động không ngừng. Nhà văn bằng tài năng của mình sẽ sáng tạo lại lịch sử và gieo vào lòng độc giả những câu hỏi, những vấn đề đòi thoại trong trang viết để cùng nghiên ngẫm, liên tưởng, tìm mỗi thông cảm và chia sẻ với những con người trong câu chuyện xưa. Nhà văn dùng quyền sáng tạo và hư cấu để bổ sung thêm những chi tiết, phục dựng lại những thời kì mà sách lịch sử không nói đến. Đời sống riêng, tâm lí các nhân vật không được nhắc đến trong các tư liệu lịch sử nhưng nhà tiểu thuyết sẽ huy động tối đa năng lực tưởng tượng để bổ sung, lấp đầy những khoảng trống này, làm cho lịch sử đầy đặn, sinh động hơn. *“Tiểu thuyết lịch sử làm “sống lại” những giai đoạn lịch sử mà nhà văn cảm thấy hứng thú; trong đó, có thể tìm ra những bài học thành công hay thất bại... Lịch sử không bày, đặt sẵn mà lịch sử chỉ giữ lại cho ta những tín hiệu, chẳng khác những mật mã”*. [31].

Tiểu thuyết vốn đề cao tính chất hư cấu, sáng tạo chủ quan, còn lịch sử lại đòi hỏi sự chính xác, khách quan khi lưu giữ những tư liệu liên quan đến số phận của một dân tộc. Viết tiểu thuyết lịch sử nghĩa là nhà văn biến những tư liệu chính xác của lịch sử thành tiểu thuyết, thành những sản phẩm hư cấu, tưởng tượng của cá nhân nghệ sĩ. Khi đó, lịch sử trở thành chất liệu, thậm chí là phương tiện để nhà văn viết tiểu thuyết. Nhiều khi, nhà văn chỉ mượn lịch sử làm đường viền trang trí chứ không phản ánh trung thực một thời kì lịch sử cụ thể. Nói như nhà văn Alexandre Dumas, lịch sử chỉ như cái đinh đóng vào tường để người viết có thể tùy thích treo vào đó những bức hoạ của riêng mình. Đó là thứ lịch sử đã được nhào nặn, thiết kế lại. Và nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử là sáng tạo một lịch sử khác, đến lượt người đọc, họ cũng hưởng thụ lịch sử theo cách của riêng mình. Với khuynh hướng sáng tạo này, nhà văn có thể phán xét cả lịch sử, tranh luận về những bài học nhân sinh, thể sự để giúp người đọc có thêm sự nhận thức đa dạng.

Về tiểu thuyết lịch sử, Hồ Thủy Giang có 3 cuốn: **Tể tướng Lưu Nhân Chú, Thái Nguyên -1917, Những người mở đường**. Nhà văn từng tâm sự,

Thái Nguyên là quê hương của vị vua Lý Nam Đế (thôn Cổ Pháp, xã Tiên Phong, Thị xã Phổ Yên), là vùng đất địa linh nhân kiệt có vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của các triều đại phong kiến với những anh hùng của dân tộc như: phò mã Dương Tự Minh; Tể tướng Lưu Nhân Chú; Đới Cấn; Lương Ngọc Quyến. Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên trở thành An toàn khu, nơi Bác Hồ, Trung ương Đảng sống và làm việc, chỉ huy kháng chiến chống Pháp thành công, làm nên một Điện Biên lịch sử lẫy lừng... Sống trên mảnh đất với bao sự kiện lịch sử gắn liền với cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước của các dân tộc, Hồ Thủy Giang đã thấy rõ trách nhiệm của một nhà văn trong việc khắc họa lại những sự kiện, nhân vật lịch sử của địa phương mình với lòng tự hào và ý thức giáo dục truyền thống cho thế hệ nhân dân các dân tộc Thái Nguyên.

2.2.1. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc

Cũng như nhiều tiểu thuyết lịch sử của khác, các tác phẩm của Hồ Thủy Giang thấm đẫm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, tác giả của cuốn tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng **Hồ Quý Ly** từng nói: *“Tôi quan niệm, tiểu thuyết lịch sử phải tạo ra một hiện thực làm sao để gây cho người đọc một ảo tưởng là có thật. Tiểu thuyết lịch sử phải dựng lại bối cảnh không khí của thời đại.”* [dẫn theo 56, tr.75].

Cũng với quan điểm ấy, trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, những yếu tố được lịch sử cũng được nhà văn Hồ Thủy Giang đưa vào tác phẩm nhằm dựng lại không khí thời đại dân tộc, về mảnh đất và con người Thái Nguyên thế kỷ XV đề ngợi ca tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc được tác giả thể hiện ở thái độ ngợi ca nhân vật Lưu Nhân Chú, một anh hùng văn võ song toàn.

Lưu Nhân Chú là nhân vật có thật của quê hương Đại Từ (Thái Nguyên). Ông là một trong những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Bình Định Vương Lê Lợi lãnh đạo, từng làm chức Tể tướng dưới triều Lê Sơ. Năm 1418,

Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, ông là một trong những người đầu tiên dưới cờ khởi nghĩa và là tướng trụ cột của khởi nghĩa Lam Sơn. Suốt 10 năm nghĩa quân Lam Sơn kháng chiến (1418-1427) là một vị tướng tài ba xuất chúng, ông cùng các tướng lĩnh khác đã có mặt ở hầu hết các mặt trận, tham gia chỉ huy nhiều trận đánh quan trọng. Từ cảm hứng lịch sử, gắn với quê hương nguồn cội đó (Hồ Thủy Giang từng có nhiều năm dạy học ở Đại Từ), nhà văn đã viết cuốn tiểu thuyết để khắc họa đậm nét nhân vật Tể tướng Lưu Nhân Chú với tinh thần kính trọng, ngợi ca.

Là người nhạy cảm trước lịch sử, Lưu Nhân Chú đã nhận thức được rằng: các cuộc dấy binh ở xung quanh phủ Thái Nguyên khi ấy còn lẻ tẻ và non yếu, lại chưa có minh chủ nên dễ bề thất bại. Lưu Nhân Chú đã đề xuất với cha hành hương vào đất Lam Sơn để tham gia cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi khởi xướng. Đồng thời hướng dẫn để Ngọc Tiêm, vợ mình cùng với Slao ở bản Nậm Cang thiết lập một đội binh hùng mạnh hỗ trợ cho nghĩa quân sau này. Suy nghĩ của Ngọc Tiêm đã phần nào khắc họa rõ nét lòng căm thù giặc, tình yêu nước của Lưu Nhân Chú: *“Năm ngoái, có một ông thầy vi hành qua đất Đại Từ, vừa gặp mặt chàng đã khơi khơi nói rằng chàng có tướng rồng, không làm vương thì cũng làm tới tứ trụ trong triều. Không. Nàng chẳng có mơ chi đến những thứ cao sang đó. Và nàng cũng biết, chàng ra đi chỉ vì một cứu cánh duy nhất là không chịu được nhục, một nỗi nhục mất nước đã bao đời lưu truyền lại trong tâm mỗi người dân Đại Việt này”* [25, tr.51].

Trong tác phẩm, tác giả dành nhiều đoạn văn miêu tả cảnh Lưu Nhân Chú trên chiến trường, mong manh với tấm áo chàm nhưng rất oai phong, dũng mãnh. Trận Lạc Thủy cũng như nhiều trận đánh khác, Lưu Nhân Chú đã dũng cảm xông pha nơi chiến trận, giết nhiều tướng giặc khiến chúng khiếp sợ: *“Lưu Nhân Chú giữa người trên ngựa, khuỷu ngang thanh đao rồi bất ngờ lướt ngược lưỡi đao từ phía dưới lên. Đầu tên tướng giặc rơi xuống đất”*. [25, tr.112]

Lưu Nhân Chú dành trọn cuộc đời mình để cống hiến cho cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi dấy binh, sau đó là phục vụ triều Lê phát triển. Đến khi bị Lê Sát hãm hại, Lưu Nhân Chú chỉ cảm thấy hơi buồn vì mình từng tung hoành trận mạc nhưng phải chết âm thầm trong ngục thất. Ông chấp nhận cái chết một cách thanh thản vì đã làm xong phận sự đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi.

Trong **Thái Nguyên -1917**, tác giả viết về một sự kiện quan trọng trong lịch sử cận đại Việt Nam là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Cuộc khởi nghĩa này được đánh giá là lớn nhất, chiến đấu dẻo dai nhất trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất ở nước ta (1914-1918). Theo nhiều sử liệu còn lưu giữ lại được thì Trịnh Văn Cấn cầm đầu cuộc nổi dậy của đội lính khổ xanh vào đêm 30-8-1917 ở Thái Nguyên, giết giám binh người Pháp Nô en, đoạt khí giới đạn dược, rồi phá ngục, giải cứu Lương Ngọc Quyến cùng 203 tù nhân. Nghĩa quân sau đó cướp kho bạc và làm chủ toàn tỉnh lỵ, ngoại trừ đồn lính khổ đỏ. Trong 6 ngày, đội quân của Trịnh Văn Cấn thu nạp thêm thành viên, được trang bị súng ống đạn dược từ kho vũ khí của Pháp. Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa cũng tuyên bố độc lập, lấy quốc hiệu là "Đại Hùng". Họ giương Ngũ Tinh Liên Châu của Việt Nam Quang Phục Hội trên cửa thành. Cho đến ngày 2-9-1917 thì quân Pháp bắt đầu phản công và ngày 5-9 thì đánh vào tỉnh lỵ. Lương Ngọc Quyến trúng đạn và nghĩa quân phải rút lui, quân Pháp chiếm lại được thành. Nghĩa quân chạy lên Đại Từ, Tam Đảo rồi xuống Vĩnh Yên và trở lại Thái Nguyên nhưng lực lượng bị hao mòn dần. Để khỏi bị địch bắt, Trịnh Văn Cấn rút về núi Pháo rồi tự tử ngày 11-1-1918, khởi nghĩa từ đó tan rã.

Căn cứ vào những tư liệu ít ỏi đó, nhà văn Hồ Thủy Giang bằng sự sáng tạo của mình đã tái hiện lại cuộc khởi nghĩa, gợi nhắc những hình ảnh quả cảm, lẫm liệt và bi tráng về tinh thần chống giặc ngoại xâm của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên thời kỳ ấy. Tiểu thuyết hư cấu thêm nhiều sự kiện, với những cuộc đối thoại trực tiếp, sinh động giúp người đọc hình dung rõ hơn về các nhân vật tham gia khởi nghĩa. Diễn biến của tiểu thuyết cũng chủ yếu dựa vào

diễn biến của cuộc khởi nghĩa, phản ánh khá đầy đủ các sự kiện của cuộc khởi nghĩa, đặc biệt là tinh thần quật khởi của nghĩa quân do Đội Cận làm thủ lĩnh. Cảnh các lãnh đạo nghĩa quân cắt máu ăn thề, đồng lòng quyết chiến diệt lũ “Phú Lang Sa”; những nghĩa quân, tuy vũ khí thô sơ, nhưng vẫn băng qua lửa đạn, quyết chiến đấu xả thân vì nước; hay hình ảnh lá cờ nền vàng với 5 ngôi sao đỏ và bốn chữ lớn “Nam bình phục quốc” phấp phới bay trên toà nhà viên công sứ... được miêu tả chân thực đã làm nức lòng người đọc.

Trên tinh thần ngợi ca thể hiện niềm tự hào dân tộc, Hồ Thủy Giang đã đưa vào trong tiểu thuyết của mình những cảnh chiến trận hào hùng, kể cả cái chết cũng được miêu tả rất bi tráng. Ở **Thái Nguyên -1917**, chiến trận được tác giả miêu tả chân thực, đậm chất sử thi truyền thống: *“Đám quân vẫn hối hả xông lên. Sau một loạt người ngã xuống trước mũi súng máy của địch, mấy nghĩa binh đã nhảy qua được những bao cát quanh ụ súng, xĩa lưỡi lê xối xả vào ngực mấy tên lính Tây. Máu phun thành hình cầu vồng, loang lổ dưới ánh trăng. Tiếng súng im bật. Nghĩa quân dẫm qua xác giặc ào ạt xông về phía chỉ huy sở. Tiếng reo hò như vỡ trời... Những thân thể to như con bò mộng của lũ Lê Dương quần quại trong vũng máu.”* [27, tr.174-175].

Bên cạnh đó, cái chết của Cai Mánh và Luyến được miêu tả trong tiểu thuyết có phần bi tráng, lãng mạn, như một liều thuốc kích thích lòng yêu nước, căm thù giặc trong quân ta dâng cao hơn bao giờ hết: *“Giữa bãi cỏ trống, linh cữu của Mánh và Luyến phủ lá cờ màu vàng năm sao đỏ... Hai mươi mốt phát súng bắn giòn giã lên bầu trời đêm tĩnh mịch.”* [27, tr.179-180].

Thực tế lịch sử cho thấy, cuộc khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên do Đội Cận lãnh đạo tuy thất bại sau 6 tháng chiến đấu anh dũng nhưng đã thành công trong lật đổ chính quyền thực dân ở một thị xã. Cuộc khởi nghĩa đã đáp ứng được nguyện vọng độc lập và tự do của quần chúng lao động và nhất là những người đang là nạn nhân của bọn quan cai trị thực dân tàn bạo. Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 không phải là cuộc nổi loạn bình thường

mà có sự chuẩn bị chu đáo. Khởi nghĩa được tổ chức chặt chẽ, có quốc kỳ, khẩu hiệu, có sự liên minh chặt chẽ giữa những người tù chính trị, với binh lính người Việt yêu nước, nghĩa quân của khởi nghĩa Yên Thế và bao người dân bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột.

Điều đặc biệt hơn ở tiểu thuyết **Thái Nguyên - 1917** là nhà văn Hồ Thủy Giang đã lựa chọn xuất bản cuốn sách vào năm 2017, đúng 100 năm sau sự kiện khởi nghĩa Thái Nguyên. Với việc làm ấy, nhà văn muốn những trang văn của mình sẽ thêm một lần nữa tô thắm lịch sử địa phương và vinh danh những con người vì nghĩa lớn quên thân một thời.

Tiểu thuyết **Những người mở đường** dựa trên một sự kiện lịch sử ở Thái Nguyên: Cuối năm 1972, đế quốc Mỹ mở một cuộc tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 bắn phá thủ đô Hà Nội, T.P Hải Phòng, T.P Thái Nguyên và một số tỉnh, thành phố khác tại miền Bắc. Khi đó, tại ga Lưu Xá còn tồn đọng tới gần 20.000 tấn lương thực và hàng hóa các loại. Nhiệm vụ cấp bách của quân và dân Thái Nguyên là nhanh chóng giải tỏa hàng quân sự, chi viện cho chiến trường. Nhận nhiệm vụ của cấp trên, Đại đội 915 thanh niên xung phong (thuộc Đội 91 thanh niên xung phong Bắc Thái) đã cử cán bộ, đội viên tham gia giải tỏa lương thực tại ga Lưu Xá. Biết rõ đây là địa bàn trọng điểm đánh phá của máy bay địch, rất có thể sẽ bị hy sinh, nhưng các đội viên Đại đội 915 với quá 3/4 đội viên nữ ở lứa tuổi 15-18 vẫn hăng hái xung phong nhận nhiệm vụ. 19 giờ, thời điểm theo kế hoạch phải rút quân về địa điểm tập kết tại Trường Đại học Cơ điện nhưng hàng hóa phải bốc dỡ còn quá nhiều nên họ đã không thực hiện mệnh lệnh rút quân. Họ di chuyển đến hầm trú ẩn của khu nhà trẻ gần đó chuẩn bị ăn tối rồi tiếp tục làm việc. Nhưng khi chưa ăn xong bữa cơm thì họ bị loạt bom B52 rải thảm đánh trúng vị trí hầm. 61 người đã hy sinh, chỉ còn 7 đội viên trú tại một ngách giao thông hào may mắn sống sót. Sự kiện ấy gây chấn động T.P Thái Nguyên. Mấy chục năm trôi qua, với rất nhiều lý do và có cả những nỗi oan lịch sử, đã khiến cho sự kiện bi tráng ấy

có lúc bị lãng quên, có khi chỉ còn nhuốm màu huyền thoại. Được sự chỉ đạo và quan tâm của Đảng, Nhà nước, sau khi hoàn chỉnh tư liệu, hồ sơ đến nay tỉnh Thái Nguyên đã hoàn tất các thủ tục đề nghị Đảng, Nhà nước xét tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Đội 915 thanh niên xung phong Bắc Thái. Sự tôn vinh xứng đáng dành cho những người đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Dựa trên sự kiện lịch sử đó, nhà văn Hồ Thủy Giang đã sáng tạo tiểu thuyết **Những người mở đường**, khắc họa rõ nét hơn về phẩm chất ngời sáng của những thanh niên xung phong Đại đội 915 trong những năm kháng chiến và cả thời bình hôm nay. Trong tiểu thuyết, qua hồi ức của các nhân vật người đọc hình dung rõ hơn về những cống hiến của họ. Với tinh thần tất cả phục vụ cho tiền tuyến, những cô gái thanh niên xung phong xinh xắn, có vóc dáng mảnh dẻ đã hoàn thành những công việc nặng nhọc một cách vui vẻ, lạc quan: *“Sáu bảy chục chiến sĩ thanh niên xung phong chủ yếu là nữ đang vác những bao gạo, bột mì từ một kho hàng lớn chất đầy lên những chiếc xe Zin... Không khí làm việc rất khẩn trương... Họ bước như chạy. Những bao gạo, những bao bột mì đè lên những đôi vai bé nhỏ. Những lưng áo dẫm mồ hôi. Những bàn chân mảnh dẻ đạp lên đất đá xào xạo.* [24, tr.24-25]. Lo lắng khi còn rất nhiều nhu yếu phẩm, vũ khí đạn dược từ hậu phương cần vận chuyển ra tiền tuyến nên họ đã quyết định sẽ ở lại bốc hàng cả đêm, mặc dù biết đó là việc nguy hiểm và trái lệnh của cấp trên. Suy nghĩ của Tâm đã thể hiện điều ấy: *“Cũng như mọi người, cô đâu có sợ chết. Và cô cũng hiểu rõ hơn ai hết, tiền tuyến đang mỏi mắt trong đợi từng giờ từng phút các nhu yếu phẩm, vũ khí, đạn dược từ hậu phương chuyển ra.”* [24, tr.28-29].

Trong thời chiến, những thanh niên xung phong đã dửng cảm quên mình vì tổ quốc, về thời bình, họ vẫn luôn giữ được phẩm chất ngời sáng của mình. Nhân vật Thịnh, Tâm, Vinh là điển hình cho cựu thanh niên xung phong kiên quyết đấu tranh để bảo vệ lẽ phải, để những cống hiến của đồng đội đã hy sinh

trong đêm Nô en máu lửa được công nhận. Cuối cùng, ước mong đó của họ đã được đền đáp, những thanh niên xung phong hy sinh đều đã được Nhà nước vinh danh là liệt sĩ. Bao oan khuất một thừa đều được giải tỏa. Tượng đài tưởng niệm khánh thành, là nơi để các thế hệ có thể tưởng nhớ về những hy sinh thầm lặng của những thanh niên xung phong.

Qua tiểu thuyết **Những người mở đường**, tác giả đưa ra chân lý giản đơn mà thấm thía: trải qua bao thăng trầm dâu bể, bản chất của những thanh niên xung phong vẫn luôn ngời sáng, là niềm tự hào cho quê hương và dân tộc. Với cuốn tiểu thuyết này, Hồ Thủy Giang đã xây thêm một tượng đài thật đẹp về người thanh niên xung phong trong lòng độc giả.

Đọc tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang, ta bắt gặp niềm tự hào về truyền thống văn hóa địa phương của tác giả khi miêu tả tài thao lược của Lưu Nhân Chú hay hát đối đáp sli, lượn, tung còn, đánh đu, kéo co trong lễ hội Lồng tồng của người Tày. 10 lần trong tác phẩm, nhà văn dành những lời văn giàu hình ảnh, âm thanh để miêu tả tiếng sáo của Lưu Nhân Chú. Không chỉ để bộc lộ đời sống nội tâm phong phú của Lưu tướng quân, tiếng sáo còn là niềm tự hào về sức mạnh tinh thần, nét đẹp văn hóa của quê hương, mạch nguồn chảy mãi trong lịch sử.

Màn đối đáp giao duyên của Lưu Nhân Chú và Slao (**Tể tướng Lưu Nhân Chú**) được tác giả tái hiện trong lễ hội:

“Lưu Nhân Chú bước lên mấy bước, đưa tay lên cao:

Giờ đây còn được bên nhau

Lúc nữa duyên đôi ta tạm biệt

Cho anh xin kết duyên làm bạn

Thân anh xin kết bạn là nên

Kết nhau để thành đôi đừng bỏ

Duyên tơ hồng kết chặt thành đôi

... Slao xoay một vòng nhìn về phương xa cất tiếng:

Anh thương thật hay nói lời dõ vĩa em ngon ngọt

*Miệng nói thương em, mắt anh nhìn chỗ khác
Lên nhà chưa ráo chân đã vội quên lời” [25, tr.34].*

Nhân vật Nguyễn Trãi sau khi nghe Luru Nhân Chú thổi sáo đã nói về nét đẹp văn hóa dân gian của người Tày Thái Nguyên bằng sự cảm mến: “*Người Thỏ ở vùng Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng vốn có tập tục hát lượn trong ngày hội giữa nam nữ. Có một lần thần đã được dự một ngày hội như vậy. Vì thế mà hôm nay khi nghe tiếng sáo của Luru tướng quân, thần lại như thấy văng vẳng bên tai những câu hát giao duyên rất tình tứ của nam thanh nữ tú trong bản Thỏ: - Ong bướm bay đi về đại ngàn/ Biết ngày nào hoa rơi lại nở/ Ong lại được vui xuân cùng bạn/ Như em ước với anh cùng về”*. [25, tr.133]. Trò chuyện với Nguyễn Trãi, chính Lê Lợi cũng thốt lên khen ngợi: “*Khá khen thay ở chốn hang cùng ngõ hẻm mà người dân bản quê hương Luru tướng quân vẫn còn có những câu hát sâu sắc đến vậy.*” [25, tr.134].

Ở **Thái Nguyên -1917**, trong trận địa Gia Sàng, niềm tự hào của nhà văn về nét đẹp của quê hương được bộc lộ qua việc miêu tả cảnh các thiếu nữ vừa đào hào vừa hát lượn: “*Từ một chiến hào khác một điệu lượn bằng tiếng thỏ ngân nga:*

*Nghe tiếng lượn em xinh trắng ngần
Giọng em ngọt hơn đường hơn mật
Phải chim, bầy bắt về để ngắm
Phải quả, hái vào túi để xem
Phải sách, cất vào hòm khoá chặt
Tiếng lượn gió bay - thật đáng cay.” [27, tr.157].*

Nhìn về tiểu thuyết lịch sử ở các địa phương, chúng ta thấy nhà văn Nguyễn Trường Thanh là một trong những người say mê viết rất nhiều tác phẩm ở thể loại này. Tác phẩm của ông đã được các nhà nghiên cứu, lý luận phê bình và bạn đọc đón nhận và đánh giá cao. Giai đoạn 1982-2014, ông đã xuất bản 10 cuốn tiểu thuyết lịch sử: **Kỳ tích Chi Lăng, Hoa trong bão,**

Tướng không phong hàm, Một thời biên ải, Ngôi nhà của cha, Hương ngàn, Hoa bất tử, Phò mã động giáp, Dặm dài ải bắc, Mạch nguồn. Đối tượng phản ánh chính trong tiểu thuyết của ông là những sự kiện lịch sử của dân tộc gắn liền với mảnh đất Xứ Lạng và những anh hùng, những người con ưu tú của Lạng Sơn đã chiến đấu kiên cường và hi sinh. Nếu Nguyễn Trường Thanh là biểu tượng của tiểu thuyết lịch sử xứ Lạng thì Hồ Thủy Giang cũng chính là người đi tiên phong và bước đầu có sự thành công với thể tài đặc biệt này ở Thái Nguyên.

Như nhiều nhà văn của Lạng Sơn, trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Trường Thanh không chỉ phản ánh những sự kiện lịch sử, những người anh hùng của quê hương xứ Lạng mà còn thể hiện niềm tự hào về một vùng quê giàu truyền thống văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số của vùng biên ải. Điển hình như ở **Hoa trong bão**, ngoài ghi chép những câu chuyện kể về khởi nghĩa Bắc Sơn, về những người lãnh đạo đánh chiếm đồn Mỏ Nhài, Nguyễn Trường Thanh đã có những trang viết thú vị khi tìm hiểu phong tục, tập quán của bà con các dân tộc nơi đây.

So sánh tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Trường Thanh và Hồ Thủy Giang chúng tôi thấy: Hầu hết các cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Trường Thanh như **Mạch nguồn, Hoa bất tử, Hoa trong bão...** thuộc tiểu thuyết tư liệu khi viết về những nhân vật cách mạng có nhiều đóng góp trong lịch sử dân tộc như Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri... Có thể thấy tất cả những tư liệu lịch sử trong tiểu thuyết của ông đều đảm bảo tính chính xác, phù hợp với những sự kiện, tư liệu lịch sử của Đảng, của đất nước. Hồ Thủy Giang cũng đưa vào tiểu thuyết của mình những yếu tố, sự kiện lịch sử song chất tiểu thuyết đậm đặc hơn tính chất tư liệu. Trong các tác phẩm, ngoài việc thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tác phẩm của ông còn chứa đựng tinh thần luận giải lịch sử, sự nhìn nhận con người và lịch sử một cách toàn diện. Bên cạnh đó, ta cũng nhận thấy tiểu thuyết nói chung và tiểu thuyết lịch sử nói riêng

của Hồ Thủy Giang được thể hiện ngắn gọn, là cách tiếp cận mới mà văn học đương đại đang hướng tới. Trong khi **Giải phóng** của Hoàng Quảng Uyên, **Mạch Nguồn, Hoa Bất tử...** của Nguyễn Trường Thanh đều có dung lượng 500-600 trang, là tiểu thuyết mà chất tư liệu mang tính chính trị có phần lấn át thì cả 3 tiểu thuyết lịch sử của Hồ Thủy Giang đều được cô gọn trên dưới 200 trang sách.

2.2.2. Tinh thần luận giải lịch sử

Như đã nói ở trên, các nhà văn đương đại viết tiểu thuyết lịch sử đều trên quan điểm mượn chuyện xưa để nói chuyện nay. Họ nhận thức được rằng, lịch sử là cái đã qua không thể thay đổi được nhưng nhận thức của con người về lịch sử thì có thể đổi thay. Chính bởi vậy mà mỗi nhà văn không trung thành với sử liệu để bắt người đọc tuân theo một cách nhìn nhận đánh giá mà đưa ra hướng mở để người đọc đồng sáng tạo và có những phán xét nghiêm túc và khách quan.

Không đơn thuần đưa lại những sự kiện lịch sử gắn với các nhân vật lịch sử, ở trong mỗi cuốn tiểu thuyết của mình, Hồ Thủy Giang gửi gắm vào đó một thông điệp nhân văn sâu sắc qua sự luận giải lịch sử một cách chân thực, đầy đủ nhất. Trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, Nguyễn Trãi là người đưa ra và Lưu Nhân Chú là người thực hành triệt để triết lý “*tâm công*”, “*lấy chí nhân thay cường bạo*”, chính là tư tưởng hòa hiếu nhân văn của dân tộc Việt. Trong khi Lưu Nhân Chú tỏ ý lo lắng thông báo về việc vợ mình và Slao ở bản Nậm Cang chiêu mộ binh sĩ rèn luyện binh đao đã thu nạp được nhiều binh lính, có cả những đảng cướp thì Nguyễn Trãi đã khẳng định: “*Tướng quân chớ lo. Đó cũng là một ý tứ trong kế Bình Ngô sách của ta. Thực ra các đảng cướp nổi lên khắp nơi như bây giờ cũng đều do bọn giặc Ngô quá tàn bạo mà nên. Nếu ta biết khơi dậy lòng căm thù của những người như thế, có khi họ lại chính là một lực lượng mạnh mẽ trong chiến trận. Phu nhân tướng quân quả là người biết nhìn xa trông rộng.*” [25, tr.82].

Thực hiện tư tưởng “*Muru phat nhi tâm công bất chiến tự khuất*” - Thu phục lòng người thì không đánh mà tự quy thuận, trước khi đánh thành Lam Sơn, Lưu Nhân Chú khấn thiết đề xuất: “*Bấm chúa công, khi chiếm lại thành Lam Sơn ta không nên đánh thẳng vào binh sĩ. Thần đang nghĩ đến một chiến thuật không tổn binh đao mà giặc phải quy hàng.*” [25, tr.147]. Và ở trận chiếm thành Lam Sơn, thực hiện triệt để triết lý ấy, Nguyễn Trãi đã kêu gọi thành công hàng trăm binh sĩ trong thành ra hàng, tránh được cảnh “nồi da nấu thịt, huynh đệ tương tàn”.

Triết lý nhân nghĩa “*lấy chí nhân mà thay cường bạo*” được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tiểu thuyết. Trước trận Xương Giang, Nguyễn Trãi và Lưu Nhân Chú đề xuất không nên tiêu diệt tàn quân của Thôi Tụ và Hoàng Phúc: “*Lấy thành Xương Giang quả thực dễ như lật bàn tay. Nhưng quân ta đang ở thế thượng phong, chi bằng buộc chúng phải hàng, mở lượng hiếu sinh, tránh cuộc huyết chiến không cần thiết, cứu được hàng vạn sinh linh*”. [25, tr.174]. Vì: “*Chiến thắng không phải lúc nào cũng là giết giặc. Ta nên bỏ cái lợi nhỏ là sự trả thù để lấy cái lợi lớn đó là sự hòa hiếu. Đó mới chính là sách lược tâm công*”. [25, tr.175]. Song lời nói đó của Nguyễn Trãi cũng bị Lê Lợi và các tướng bỏ ngoài tai. Ở trận Xương Giang, trong khi nhiều người say máu lao lên chém giết giặc, thì Lưu Nhân Chú vẫn bình tĩnh yêu cầu viên tướng giặc Thôi Tụ: “*Làm chủ soái, nhìn thấy cảnh quân sĩ rụng đầu như rụng lá kia mà không động lòng sao? Người mau leo lên cái đài cao kia cầm loa hạ lệnh toàn bộ quân sĩ buông vũ khí quy hàng để chấm dứt cảnh đầu rơi máu chảy.*” [25, tr.178].

Sau chiến thắng Xương Giang, mặc dù quân ta tiêu diệt và bắt sống gần chục vạn lính Ngô nhưng Lê Lợi thì không yên giấc. Lòng ông nặng trĩu một nỗi buồn day dứt, bao ám ảnh về cái chết của hàng ngàn người như bóng đen đè lên người ông. Nhận thức được sai lầm của mình khi không thực hiện triệt để tư tưởng hòa hiếu nhân văn đó, Lê Lợi sau đó đã gặp Nguyễn Trãi để bàn về việc dụ hàng Vương Thông trong thành Đông Quan, tránh được cảnh mấy vạn đầu người phải rơi trong cảnh binh đao.

Sách lược “*tâm công*” còn được thể hiện rõ ở chương 12, khi Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú hội ngộ cùng Vương Thông để bàn hòa giữa hai nước. Ở đó, tác giả khéo léo lồng vào tiếng sáo của Lưu Nhân Chú, tiếng sáo mà Nguyễn Trãi bảo: “*Vương Tổng binh có biết rằng tiếng sáo của Lưu tướng quân chúng tôi đêm nay đã nói hộ nỗi buồn thương, ai oán của vạn vạn linh hồn trong chiến tranh của hai đất nước, hai dân tộc. Tiếng sáo có thể làm bớt đi bao nước mắt bi ai và máu nóng hận thù*”. [25, tr.190].

Qua lời Nguyễn Trãi và khi khi nghe tiếng sáo của Lưu Nhân Chú, Vương Thông đã ngộ ra: “*Chinh chiến ở Đại Việt bao năm, tôi những tưởng chiến tranh toàn là máu lửa và chém giết. Từ đêm nay, có lẽ trong con tim binh nghiệp sắt đá của tôi sẽ có thêm tiếng sáo của Lưu tướng quân... Sự tương giao giữa âm nhạc với chiến trận như vậy, đúng là sự kỳ lạ, chỉ ở Đại Việt mới có*”. [25, tr.190].

Hình tượng Lưu Nhân Chú và Nguyễn Trãi được tác giả xây dựng trong tác phẩm với mục đích chuyển tải một vấn đề lớn của dân tộc. Tác giả đã nhìn thấu lịch sử và luận giải về sự bao dung và tư tưởng hòa hiếu nhân văn trong tiểu thuyết chính là phẩm chất của dân tộc Việt từ ngàn đời nay. Tư tưởng ấy không chỉ là bài học của quá khứ mà vẫn là vấn đề thời sự của đất nước hôm nay.

Trong tiểu thuyết **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, tác giả còn đưa ra bài học về việc phát huy sức mạnh của nhân dân các địa phương, cơ sở để khởi nghĩa Lam Sơn đi đến thắng lợi. Bởi vậy, nhà văn đã sáng tạo thêm nhân vật Slao, để nàng cùng với Ngọc Tiêm - vợ của Lưu Nhân Chú làm nhiệm vụ tuyển chọn và rèn luyện nghĩa binh ở bản Nậm Cang. Slao là cô gái hồn nhiên, trong sáng, có lòng yêu nước, căm thù giặc. Từ một người yếu đuối, nhút nhát, nàng đã trở thành nữ tướng, trợ giúp đắc lực cho nghĩa quân Lam Sơn. Nàng cùng Ngọc Tiêm thu nạp được nhiều nghĩa binh, rèn luyện kiếm tài, huấn luyện ngựa chiến giỏi, nghĩ ra kế sách thông minh để tiếp tế lương thực cho nghĩa quân Lam Sơn ở núi Chí Linh. Khi được giao nhiệm vụ sát cánh bên Lưu Nhân Chú, nàng đã thể hiện hết

mình và chấp nhận đón mũi tên của giặc, hy sinh thay Lưu Nhân Chú. Cái chết của nàng thật đẹp, bi tráng. Slao là biểu tượng một nhân dân Đại Từ nói riêng và cả nước nói chung, luôn tiềm ẩn sức mạnh bên trong, sẵn sàng đem mọi sức lực, của cải và tính mạng phục vụ cho đất nước để đánh đuổi giặc Ngô.

Không dừng lại ở việc luận bàn về vấn đề lớn của lịch sử, dân tộc, tiểu thuyết lịch sử của Hồ Thủy Giang còn nhìn nhận lịch sử và con người chân thực như nó vốn có. Ở **Tể tướng Lưu Nhân Chú và Những người mở đường**, tác giả nêu lên bi kịch của người anh hùng trong và sau chiến tranh.

Trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú** không chỉ có hào quang chiến thắng mà còn là bi kịch số phận con người. Thời chiến, Nguyễn Trãi và Lưu Nhân Chú không ít lần đau khổ, bất lực khi tư tưởng hòa hiếu, bao dung mà mình theo đuổi không được thực hiện toàn vẹn. Điều đó giúp cả hai sớm nhận ra sự khốc liệt của chiến tranh, nó không chỉ khiến con người đau xót khi mất đi người thân mà còn khiến họ luôn bị ám ảnh bởi sự chết chóc kinh hoàng. Thời hậu chiến, Nguyễn Trãi cũng bất lực trước cái chết đầy oan khiên của Lưu Nhân Chú. Còn Lưu tể tướng đến lúc này mới nhận ra bi kịch đời tư còn xót xa, day dứt hơn nhiều so với bi kịch lịch sử mà mình từng ném trái. Xây dựng được những bi kịch ấy trong tác phẩm, Hồ Thủy Giang đã thể hiện sự tiếp thu quan điểm mới mà văn học đương đại hướng tới trong sáng tác của mình.

Về cái chết của Lưu Nhân Chú, lịch sử ghi lại, năm 1433, Lê Thái Tổ mất, Lê Thái Tông lên thay còn nhỏ, Tư đồ Lê Sát làm phụ chính. Vốn ghen ghét Tể tướng Lưu Nhân Chú từ lâu nên Lê Sát đã sai người đánh thuốc độc, giết hại ông. Khác với những tư liệu lịch sử ít ỏi còn ghi lại được về cái chết của vị tể tướng đại tài, nhà văn Hồ Thủy Giang đã đi sâu miêu tả tâm trạng của Lưu Nhân Chú vào cái đêm mà ông bị hạ rượu độc.

Đối diện với cái chết, Lưu Nhân Chú nhận ra “*cái kết cục bi thảm của những người làm tướng*” như ông sau cuộc chiến. Dường như trong lòng vị tướng quân còn bao nỗi ân hận, dày vò vì chưa làm tròn trách nhiệm với vợ -

Ngọc Tiêm, cảm thấy mắc nợ vì chưa đáp lại tấm chân tình với nàng Slao. Qua lời độc thoại nội tâm Lưu Nhân Chú, nhà văn gửi gắm nỗi niềm thương xót của hậu thế dành cho vị tướng tài đức vẹn toàn, như lời nhân vật Nguyễn Trãi kêu than: “*Tướng quân Lưu Nhân Chú không có tội! Nỗi đau lịch sử này ngàn năm khôn rửa!*”. [25, tr.195].

Trong **Những người mở đường**, tác giả nêu lên những bi kịch đời thường cay đắng của bao thanh niên xung phong khi trở về sau cuộc chiến. Họ rơi vào bi kịch cuộc sống khốn khó, thiếu công bằng; bi kịch khi đấu tranh để lựa chọn giữa đổi mới hay lạc hậu trong xã hội mới.

Nhân vật Tâm suy tư rất nhiều về bi kịch ấy của mình và đồng đội: “*Những thanh niên xung phong một thời không tiếc máu xương phá bom, mở đường, vào sinh ra tử, mà nay đang phải âm thầm đơn phương gồng mình đấu tranh với thương tật, với đói nghèo, cô đơn trước sự dửng dưng của rất nhiều người, thậm chí của cả các cấp chính quyền.*” [24, tr.92]. Qua lời nhân vật Tâm và từng phân đoạn cảnh, ta nhận ra bi kịch về sự mất mát không nhỏ của những thanh niên xung phong Tâm, Hồi, La, Tâm, Vinh... Tâm bao năm sống lặng lẽ một mình, không chồng con, người thân. Hồi hai lần bị thương nặng nhưng khi giám định thương tật chỉ ảnh hưởng 17% sức khỏe, không đủ quy định hưởng chế độ. La, một nữ thanh niên xung phong ở thôn Bộc Lâm, xã Nà Phặc, huyện Nà Pheo, tỉnh Bắc Thông bị mất 81% sức khỏe. La từng được hưởng tiêu chuẩn thương tật cao nhất song khi chia tách tỉnh Bắc Thông và Vĩnh Giang, do sự trách nhiệm của những người làm chế độ chính sách mà La vô cớ bị cắt hỗ trợ. Kết cục, La bị chết khi nhảy vào đám lửa để cứu các bé ở trường mầm non, để lại mẹ già ốm yếu, con nhỏ bỏ học từ sớm, vất vả lao động. Nhân vật Vinh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phú Vinh là một doanh nhân thành đạt nhưng luôn mang trong mình nỗi đau riêng sau cuộc chiến. Ông luôn ánh mắt, lo sợ mọi người biết được sự thật trước đây khi còn là thanh niên xung phong đã bị kỷ luật, khai trừ khỏi Đảng... Xây dựng các nhân vật với số phận đời tư bi kịch sâu sắc, tác giả thể hiện sự xót xa, thương cảm.

Trong đời thực, trước mắt mát quá lớn, trách nhiệm quá lớn trong sự kiện 61 thanh niên xung phong hy sinh trong đêm Nô en năm 1972, đã có hàng loạt câu hỏi được đặt ra: Ai cho phép Đại đội 915 làm việc sau 19 giờ? Tại sao không di chuyển đội hình về nơi trú ẩn đã quy định? Ai phải chịu trách nhiệm về sự hy sinh to lớn này? Và những câu hỏi đã không được giải đáp kịp thời, sự hy sinh của những thanh niên xung phong Bắc Thái khi xưa đã không được tôn vinh xứng đáng. Cũng vì vậy mà trong nỗi đau chung, còn có niềm đau riêng. Bà Thái Thị Vĩnh, vợ Đội phó Nguyễn Thế Cường suốt mấy chục năm chưa nguôi ngoai đau xót. Ông Cường đã hy sinh với tâm thế của người lính sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, vậy nhưng bao năm vẫn phải chịu án phạt vô hình: không chấp hành mệnh lệnh, tự ý chỉ đạo đội viên làm quá giờ quy định. Trong những người hy sinh tại ga Lưu Xá đêm 24-12-1972, ông cũng là người cuối cùng được công nhận liệt sĩ.

Trong tiểu thuyết **Những người mở đường**, tác giả cũng lý giải thấu đáo vấn đề oan khuất lịch sử đó của ông Nguyễn Thế Cường và các đội viên thanh niên xung phong Đại đội 915. Nhân vật Thịnh sau bao năm luôn ôm niềm ân hận vì đã quá sất đá khi xin cấp trên kỷ luật những chiến sĩ đã dám làm trái lệnh dẫn tới sự hy sinh của cả Đại đội. Mặc dù Cường đã hy sinh song với ông Thịnh cái án kỷ luật Cường vẫn phải được thi hành. Đến khi hòa bình, ông mới Thịnh thăm thía việc Cường và các đồng đội làm trước đây đều tất cả cho tiền tuyến. Và sự hy sinh dũng cảm của họ đáng được công nhận chứ không phải khiển trách. Bởi vậy mà bao năm ông Thịnh sống trong day dứt: *“Suốt ba mươi lăm năm trời hình ảnh đôi giày cooc - sê- ghin rách bươm của Cường và chiếc bát sắt vẫn nắm chặt trên tay cô Sao vào đêm hôm ấy luôn hiện về ám ảnh tôi.”* [24, tr.58].

Như một cách để chuộc lỗi, như được tiếp thêm sức mạnh từ các đồng đội nên ông Thịnh đã tìm mọi cách để giữ lại khu Đất thiêng- nơi những đồng đội đã hy sinh nơi trước khỏi tay những doanh nghiệp đang muốn tranh giành mua để xây dựng trung tâm thương mại. Ông xót xa khi nghĩ đến 10 cô gái

thanh niên xung phong ở ngã ba Đồng Lộc được cả nước tôn vinh, còn 61 thanh niên xung phong trong Đại đội ông giờ chỉ có tấm bia sơ sài ghi danh những người đã ngã xuống. Tên tuổi và chiến công bi tráng của họ đã mờ dần và đang có nguy cơ bị chìm vào quên lãng.

Rơi vào bi kịch tâm hồn, ông Thịnh nhìn rõ hơn con người hẹp hòi, thiếu lòng độ lượng, bảo thủ, lạc hậu của mình. Ông trở thành lạc lõng trong xã hội mới. Đối với Vinh, ông khâm phục người đồng đội đã và đang trở thành nhân tố sáng của cựu thanh niên xung phong trong giai đoạn đất nước đang phát triển. Thừa nhận đã hiểu lầm đồng đội suốt hơn ba mươi năm qua, ông Thịnh đã đến công ty gặp và xin lỗi Vinh. Sau cái bắt tay, mọi hiểu lầm, khúc mắc giữa hai người đồng đội được giải tỏa.

Với nhân vật Tâm, cũng phải mất mấy chục năm từng trải, bà mới nhìn thấu những lầm lỗi trong cuộc đời. Trước đây, Tâm tán thành quan niệm thời chiến cần nghiêm khắc trong yêu đương. Vì thế việc bà Xuân “đột nhập vào phòng đội trưởng”, nằm cạnh ông Thịnh để xin một đứa con ngày ấy đã bị Tâm và mọi người lên án gay gắt. Vậy nhưng sau này, khi gặp bà Xuân trong thân hình tàn tạ, cô đơn, không người nương tựa, trái tim bà Tâm như bỗng như tan nát. Đến lúc này bà mới hiểu, nỗi đau đớn về tinh thần còn lớn hơn cả sự thiếu thốn về vật chất mà con người phải chịu đựng sau chiến tranh.

Nhân vật Phú Vinh thì rơi vào bi kịch của một doanh nhân thành đạt nhưng luôn lo lắng sợ mọi người biết quá khứ bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng. Trong lòng ông có những lúc đã trách cứ ông Thịnh đã đẩy mình vào hoàn cảnh éo le khi xưa. Thế nhưng bao năm từng trải ông đã hiểu, sự bao dung với đồng đội là điều cần thiết. Xuất phát từ trái tim nhân đạo, ông dành toàn bộ tiền để xây đài tưởng niệm đồng đội đã hy sinh, giúp đỡ một số người có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

Bi kịch của người anh hùng sau chiến tranh cũng là điều ta gặp trong nhiều các sáng tác của nhà văn Chu Lai. Trong **Ăn mày dĩ vãng**, **Ba lần và**

một lần, người đọc nhận ra những người lính thời hậu chiến đang chết dần, chết mòn. Đó là cái chết của niềm tin, của hạnh phúc cá nhân và đau xót nhất là cái chết trong nhân cách. Chiến tranh khiến Hai Hùng, Tám Tính, Hai Hợi (**Ăn mày dĩ vãng**) không chỉ bị thay đổi hình dạng mà còn mất cân bằng về tâm sinh lý khi về đời thường: Hai Hùng thi thoảng trong cơn nóng giận lại bốc cháy “dòng máu sát nhân” trong huyết quản; Hai Hợi biến đổi ngoại hình, lao vào cuộc bắn giết như đàn ông, có sở thích ngồi ngắm những lính trẻ bị thương lên bàn mổ; Tám Tính bi đát hơn khi mắc bệnh “vò” phụ nữ... Ở tiểu thuyết **Cuộc đời dài lắm**, Chu Lai cũng nhìn nhận người lính thời bình với bi kịch của cái mới, cái tiến bộ.

Cùng nói về bi kịch của con người khi lựa chọn giữa cái mới và cái cũ nhưng nếu Hồ Thủy Giang nhìn nhận và xử lý bi kịch của nhân vật Thịnh, Tâm, Vinh (**Những người mở đường**) nhẹ nhàng, lạc quan hơn thì ở Chu Lai sự thật thời cơ chế thị trường với người lính đấng chát đến phũ phàng như nhà văn từng tâm sự: *“Trong cuộc sống thời bình, đôi khi mình nằm ngay trong lòng ngực và lúc nó nổ thì không có chỗ nào để ẩn náu cả”*.

Khác với **Tể tướng Lưu Nhân Chú** và **Những người mở đường**, ở tiểu thuyết **Thái Nguyên - 1917**, tinh thần luận giải lịch sử lại rất mờ nhạt. Thấp thoáng trong tác phẩm, ta thấy có sự chiêm nghiệm của nhân vật Lương Ngọc Quyến nói với Đội Giá về chuyện tình yêu trong chiến tranh: *“Hôn nhân đâu có hại gì trong cuộc chiến... Không phải chỉ có những chiến công oanh liệt làm nên lịch sử mà còn ở tình yêu của con người với con người và cả những tình cảm luyến ái nam nữ nữa chứ!”* [27, tr.158-159]. Với tác phẩm này, nhà văn chỉ tập trung miêu tả diễn biến của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 khi giành được thắng lợi ban đầu chứ không viết về giai đoạn sau đó khi cuộc khởi nghĩa đã tan rã. Bởi vậy mà nhìn vào tác phẩm, người đọc chưa thấy được tinh thần luận giải nguyên nhân thất bại của cuộc chiến, bài học lịch sử cho thời đại.

Đọc **Hồ Quý Ly** (Nguyễn Xuân Khánh), ta thấy tác phẩm không đơn thuần kể lại câu chuyện của thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV mà nhà văn đang “ôn

cố tri tâm”. Tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh ngoài khắc họa chân thực không khí thời đại còn đưa ra rất nhiều điểm nhìn mới về cuộc cách tân ấy của Hồ Quý Ly. Đứng trước vận mệnh của dân tộc, người ta phải lựa chọn: hoặc là đổi mới hoặc là bại vong. Lựa chọn đổi mới đồng nghĩa với việc từ bỏ những quyền lợi của một tổ chức cầm quyền để thực hiện một cuộc cách mạng toàn diện là điều cần thiết. Nhà Trần không dám dừng cầm thực hiện sứ mạng ấy và chuốc lấy bại vong, là điều đương nhiên. Bài học tác giả đưa ra ở **Hồ Quý Ly** còn là bài học về lòng dân. Sai lầm nghiêm trọng của Hồ Quý Ly là việc cho xây thành Tây Đô giữa lúc ngân sách quốc gia thiếu hụt trầm trọng, người dân đang sống trong cảnh lầm than. Quan trọng hơn cả, chính tầng lớp trí giả thời ấy cũng không đồng tình với hiến pháp của Hồ Quý Ly. Bởi vậy, khởi nghĩa của nông dân nổi lên khắp nơi cùng với việc giặc phương Bắc dòm ngó, cha con Hồ Quý Ly cuối cùng vẫn chung một kết quả bại vong với nhà Trần.

So sánh tiểu thuyết lịch sử Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh và Hồ Thủy Giang, ta thấy cả hai tác giả đều có những thành công riêng khi viết về đề tài lịch sử bằng ngòi bút soi chiếu, nhận thức lại nhiều vấn đề của dân tộc. Ở **Hồ Quý Ly**, Nguyễn Xuân Khánh xây dựng số lượng lớn nhân vật (trên dưới 50 nhân vật từng tồn tại trong lịch sử và hơn 30 nhân vật hư cấu) để làm nổi bật không khí thời đại cùng những triết luận sâu sắc, rộng mở. Còn trong tiểu thuyết của nhà văn Hồ Thủy Giang, mỗi cuốn chỉ trên 20 nhân vật lịch sử và hư cấu, lại giúp người đọc tiếp cận vấn đề một cách nhẹ nhàng, thâm thúy. Lựa chọn cách thể hiện vấn đề theo hướng sáng tạo riêng, mỗi nhà văn đã hút được một lượng độc giả riêng của mình.

2.3. Cảm hứng thế sự, đời tư

Cũng giống như các thể loại văn học khác, tiểu thuyết không đơn thuần là tiểu thuyết mà còn là cuộc đời, nó chứa đựng những số phận, tâm tư của con người. Sau năm 1975, con người Việt Nam phải đối mặt với một hiện thực mới, với những thử thách khốc liệt không ở trong hòng súng mà là sự cay cực, thiếu

thôn triển miên của đời sống cơm áo thời hậu chiến. Và lúc cơ chế quan liêu bao cấp được thay thế bởi cơ chế thị trường thì, cùng với sự thay da đổi thịt của đời sống vật chất, bộ mặt xã hội thời mở cửa cũng kịp “phô” ra biết bao sự xô bồ, ác hiểm. Điều này khiến cho các nhà văn như Hồ Thủy Giang đã phải nhanh chóng điều chỉnh nhận thức về đời sống. Tác giả đã phản ánh chân lý: đồng tiền, danh vọng và tính dục làm cho nhân cách con người trở nên thấp kém, hèn hạ. Ông cũng đề cập đến nỗi đau số phận, tâm tư sâu kín tâm hồn con người dưới góc nhìn đa chiều. Đọc **Mắt rừng, Con đường cát bụi**, ta thấm thía về sự băng hoại đạo đức của con người trong xã hội khi đồng tiền, địa vị, danh vọng và sắc dục chi phối, khiến hành trình kiếm tìm hạnh phúc cá nhân và lý tưởng của con người đầy những khó khăn.

2.3.1. Sự băng hoại đạo đức của con người trong xã hội mới

Sự phát triển như vũ bão của xã hội là những điều kiện có thể đưa con người ngự trị trên những vinh quang nhưng cũng sẵn sàng tước đoạt đi cả nhân tính thiêng liêng của mỗi người. Bằng trực cảm và trí tuệ sắc sảo, Hồ Thủy Giang nhận ra, đứng trước vòng xoáy của đồng tiền, địa vị, danh vọng, sắc dục, đạo đức con người bị đẩy lùi; cái ác, cái xấu tăng thêm, con người dễ dàng bị tha hóa. Trong hơn ba trăm tác phẩm ở 13 tập truyện ngắn của mình, Hồ Thủy Giang đã thể hiện rất thành công vấn đề này. Ở các truyện ngắn **Tình phụ tử, Tro tàn, Nỗi ám ảnh của một tử phú...** tác giả đã chỉ ra đồng tiền, địa vị, danh vọng có thể chi phối mọi mối quan hệ cha con, vợ chồng, bạn bè, đồng nghiệp.

Tiếp nối mạch cảm hứng từ truyện ngắn, Hồ Thủy Giang đưa những vấn đề ấy vào tiểu thuyết, với sự chiêm nghiệm về đời sống và con người sâu sắc hơn, khiến người đọc nhận ra chân lý cuộc sống thấm thía hơn. Nhìn nhận bi kịch đời tư của con người, tác giả đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và lý giải về sự tha hóa ấy. Trong xã hội đảo lộn bởi đồng tiền, địa vị, danh vọng và sắc dục, con người ta một là nạn nhân của hoàn cảnh dẫn đến tha hóa, hai là do tính cách và không làm chủ được mình mà bị tha hóa.

Ở **Con đường cát bụi**, tác giả vẽ lên khung cảnh bộn bề của cuộc sống nơi trường học, tòa soạn báo, nhà chứa, nhà tù, vùng vàng Thần Hóa... Tất cả như chao đảo bởi đồng tiền, người ta yêu nhau vì tiền, ghét nhau, thậm chí đánh đổi cả tính mạng chỉ để có tiền. Tiền có thể giúp người ta mua nhân phẩm, lương tâm người khác, biến dối trá thành sự thật. Tác giả nhận ra đồng tiền đã biến con người trở thành nạn nhân của sự tha hóa, điển hình là nhân vật Thấm.

Vì cái nghèo, vì bị đũa mọi thế lực (Lan và “lũ bò đưng mỡ” bạn học; Bách Trưởng phòng Tổ chức Trường Đại học Y đạo đức giả, vừa hám tiền...) hãm hại, từ một sinh viên giỏi, Thấm đã bị đẩy khỏi trường đại học và sa chân vào chốn bùn lầy như nhóp làm gái mại dâm. Tiểu thuyết mở đầu từ khung cảnh trong Trường Đại học Y, Lan đã hết lần này đến lần khác giảng bầy Thấm và Liễu, bỏ tiền thuê lũ côn đồ để hãm hiếp Liễu và Thấm nhưng bất thành. Ganh ghét trước cô sinh viên nghèo nhưng học giỏi, Lan bỏ hàng chục triệu đồng thuê một phóng viên biến chất viết bài báo chung chung về tình trạng sinh viên trường y hoạt động mại dâm trá hình với những cái tên như Th, L viết tắt... để mọi người lầm tưởng đó chính là Thấm và Liễu. Đồng tiền đã biến một câu chuyện bịa vu vơ, dối trá đã trở thành sự thật. Ngay sau khi bài báo đăng, một cuộc điều tra ngầm của trường được mở ra, những ánh mắt soi mắt, những cái nhìn, lời nhận xét thiếu thiện cảm về hai cô sinh viên Thấm và Liễu ngày một nhiều lên.

Chưa hết, Thấm chỉ vì một miếng bánh trót lấy trộm khi đói mà đã bị kỷ luật. Gặp trưởng phòng tổ chức, Thấm từ chối đánh đổi thân xác để xóa án kỷ luật nên đã bị đuổi học với lời phê trong học bạ: *“Một sinh viên vô đạo đức, mắc những khuyết điểm mà một con người mới, một sinh viên mới không được phép mắc phải”* [23, tr.334.]... Hoàn cảnh đã biến Thấm thành con người khác. Uất ức, tủi hờn, Thấm tìm mọi cách trả thù lũ bạn. Cô trang điểm, ăn mặc xinh đẹp để dụ dỗ bạn trai của Lan, biến Lan thành trò cười khi bị phụ tình. Đỉnh điểm hơn là sau cái án đuổi học khỏi trường với lý lịch không còn trong sạch,

bị đưa vào hộp đêm mại dâm trá hình và dàn dựng để cướp đòi con gái, Thấm như con thú bị thương đã chấp nhận làm gái mại dâm. Dần dần, cô mất đi sự hiền lành, ngây thơ, trở thành người có tính toán mưu mô sắc sảo. Cô thân nhiên nhận những đồng tiền bo, thậm chí còn tìm mọi cách để moi tiền của khách. Trong cô lúc nào cũng là ý định trả thù những kẻ hãm hại mình. Biết Bách đến quán tìm gái, Thấm đã đặt máy ghi âm lại toàn bộ cuộc nói chuyện nhằm vạch trần con người ham tiền, đê tiện, chuyên ăn hối lộ để nhận học sinh thiếu điểm thi vào học, thường xuyên vào hộp đêm... Thấm còn lớn tiếng đe dọa, tố cáo Bách và đòi 80 triệu đồng tiền phạt vì đã đuổi học cô. Chính cuộc sống nơi góc tối tăm nhất của xã hội đã cho Thấm sự từng trải, suy nghĩ uất ức hận đời nhưng cũng biết bao xót xa, tủi hờn: *“Cái lưng không của lão trưởng phòng vừa khuất sau cánh cửa, Thấm nằm xoài ra trên giường mà cười. Cô cười sặc sụa. Thật đáng đời con dê cụ. Không ai đi chơi gái mà đau hơn hoạn như lão. Ô không thể ngờ con Thấm nhà quê khờ khạo ngày nào lại trở thành kẻ tống tiền có tầm cỡ như vậy. Thấm cười ung ức trong cổ họng. Càng cười, nước mắt cô càng đỏ đọt. Rồi những hàng nước mắt cứ thế ằng ặc tuôn ra. Đó đâu chỉ là những giọt nước mắt của kẻ chiến thắng mà còn là những giọt nước mắt mặn chát của kiếp giang hồ”* [23, tr.336]. Hoàn cảnh, môi trường sống đầy những bất trắc rình rập, với những kẻ trong lòng đầy ganh ghét, đố kỵ, với cái đói, cái nghèo bủa vây đã khiến Thấm trượt dài trên con đường tha hóa. Đọc đến chi tiết Thấm vì đói quá mà liều lấy trộm miếng bánh của Lan nhưng không may bị bắt gặp và tố cáo lên Ban Giám hiệu Nhà trường không hiểu sao tôi lại nhớ đến nhân vật Giăng Văn Giăng trong tiểu thuyết **Những người khốn khổ** của nhà văn Victor Hugo. Hai tác giả, ở hai đất nước, hai thời đại cách xa nhau nhưng đều có chung niềm thương cảm trước số phận bi kịch của những con người là nạn nhân của cái nghèo, cái đói và cái ác. Sau này, Thấm đã chấp nhận làm vợ Huỳnh, một tay chân dưới trướng của lão Sách, một người có thật nhiều tiền đã giúp cô thoát khỏi chốn bùn lầy nhơ nhớp. Nhưng kết thúc tiểu thuyết, tác

giả không hề nhắc đến Thẩm và người đọc có quyền hoài nghi không biết cuộc sống của một người vợ của trùm buồng vàng liệu có hạnh phúc hơn?

Ở **Mắt rừng**, ta cũng bắt gặp Bính, một nạn nhân của sự tha hóa bởi hoàn cảnh. Bính, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Sơn Động vốn là một cán bộ nghèo, liêm khiết chưa từng bị lâm tặc mua chuộc để làm ngơ cho những chuyến gỗ lậu của chúng. Nhưng khi vợ anh lâm bệnh hiểm nghèo cần một trăm triệu để phẫu thuật tim, anh bất lực bởi trong tay không có đủ số tiền ấy. Vừa thương vợ, vừa sĩ diện và nhục nhã trước lời đay nghiến của mẹ vợ, Bính quyết làm liều. Bính thương lượng với lâm tặc nếu chúng giao 100 triệu đồng thì anh sẽ đồng ý cho chuyến 3 xe gỗ qua trạm. Nào ngờ, bọn lâm tặc đã ghi hình việc Bính nhận tiền hối lộ và đe dọa tố cáo lên cấp trên. Anh như người đâm lao phải theo lao. Bính bị tha hóa, dần mất đi nhân cách, làm theo mọi sự điều khiển của bọn lâm tặc Đắc. Trong bữa tiệc nhậu cùng Đắc và lũ lâm tặc, Bính cảm thấy ghê rợn khi anh bị chúng bóng gió sỉ nhục là một loại lâm tặc cao cấp. Anh nhận ra mình chính là đồng bọn của chúng, sự tha hóa, biến chất chỉ trong phút giây, quả thật không sai. Nhưng bước chân đã dính bùn sao có thể dễ dàng để rửa sạch. Anh tiếp tục tha hóa ở mức độ cao hơn bởi sợ mọi người biết sự thật, để mỗi ngày dấn sâu hơn vào đường dây khai thác gỗ của bọn lâm tặc.

Không chỉ miêu tả những nạn nhân của hoàn cảnh mà dẫn tới tha hóa, Hồ Thủy Giang cũng xây dựng khá nhiều nhân vật do không làm chủ được mình mà bị tha hóa, biến thành con rối của đồng tiền, địa vị, danh vọng và sắc dục. Đó là Hạp, Sênh, Quân... (**Mắt rừng**).

Hạp từng là Tổ trưởng tổ cơ động kiểm lâm. Không lung lạc trước đồng tiền của Đắc, trùm lâm tặc song Hạp lại bị gục ngã bởi quá đắm đuối với sắc dục: *“Từ trước đến nay, những lời tán tỉnh và cái bả tiền bạc của Suối đưa ra, dù hấp dẫn đến bao nhiêu đi nữa vẫn chưa bao giờ làm Hạp nao núng, vậy mà không hiểu sao mỗi khi cái thân hình nây nây, rục rủa của Suối chạm vào là*

Hạp lại không thể kiểm soát nổi bản thân mình. [22, tr.189] Vì Suối, Hạp sẵn sàng để những chuyện gỗ của lâm tặc được vận chuyển trót lọt. Chìm trong nhục dục, ru mình bằng những lời ngon ngọt của Suối mà Hạp quên đi người thân, quên quê hương bản xứ. Anh không đoái hoài gì đến người mẹ già bệnh tật đang sống cùng người anh cả nghèo ở quê. Đã nhiều lần mẹ đi viện, ông anh nhắc Hạp về hay khi mẹ báo tin sẽ từ anh nhưng anh vẫn không rời được tấm thân ngà ngọc của Suối. Đến lúc lương tri thức tỉnh, anh muốn quay trở về làm một cán bộ kiểm lâm liêm khiết nhưng đã muộn. Anh bị chính bọn lâm tặc tố cáo việc anh ngoác nôi, làm tay trong để chúng vận chuyển gỗ lậu. Bị kỷ luật và đuổi việc, Hạp cay đắng phát hiện ra Suối là nhân tình của Đắc. Thì ra, bao lâu nay Suối chỉ đóng kịch để lợi dụng anh. Anh đã đau đớn thốt lên: *“Sắc dục không có ổ khóa nào nhưng có thể giam hãm người ta chắc hơn tất cả các ổ khóa”*. [22, tr.192]. Bi kịch đau đớn tột cùng của Hạp còn là khi trở lại quê, anh biết tin con lũ vừa qua đã phá nát ngôi nhà và cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của mình.

Không chỉ những cán bộ đội cơ động, hạt trường mà thậm chí cả chi cục phó cũng lại bị lâm tặc thao túng bằng tiền và gái, trở thành người biến chất, tha hóa. Có ai ngờ Sếnh, đường đường một Chi cục phó Chi cục kiểm lâm tỉnh, từng khét tiếng chống lâm tặc, ngoài miệng luôn hô hào rất máu lửa: *“Đất nước này dù xuất hiện hàng ngàn, thậm chí hàng triệu tên lâm tặc thì chúng ta vẫn phải bắt hết, nhốt tù hết, xử lí hết! Thậm chí, nếu là tôi, tôi cho bắn hết!”* [22, tr.31], nhưng lại là người làm “tay trong” cho trùm lâm tặc. Tất cả các cuộc thanh tra, truy bắt của chi cục do Sếnh điều hành chỉ là trận giả, một sự phối hợp ăn ý với lâm tặc. Ngay trong cuộc họp triển khai công việc quan trọng của cơ quan, Sếnh bỏ ngoài tai tất cả, ngồi chống cằm lơ mơ nhớ lại những lần ân ái với Suối. Mỗi lần chỉ huy chiến dịch truy quét lâm tặc là một lần Sếnh diễn một vở hài kịch. Như đợt Sếnh thanh tra tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Thượng. Đằng sau những buổi làm việc mang tính chất phô trương thanh thế lại là sự

ngoắc nói với Đắc đề đánh lạc hướng cán bộ kiểm lâm, tạo cơ hội cho lâm tặc vận chuyển gỗ lậu thuận lợi. Và Sếnh thì ung dung thưởng thức đặc sản và gái đẹp do đàn em cung phụng.

Trong khi bọn lâm tặc tiền nhiều, của lăm, trăm mưu ngàn kế, nói làm là vung ngay tiền thuê trai tráng của bản chặt gỗ thì phía kiểm lâm muốn làm gì cũng phải xin chủ trương. Và bộ máy công quyền do phó chủ tịch Quân đại diện với tính cách quan liêu, tự mãn lại đang gián tiếp tiếp tay cho lâm tặc: *“Chi cục kiểm lâm khi muốn thực hiện một điều gì đó hệ trọng đều phải chờ những thông tư, chỉ thị, nghị quyết gì đó của biết bao nhiêu ban ngành, vụ này, cục nọ.”* [22, tr.52]. Tác giả đã miêu tả Quân có con đường hoạn lộ thăng tiến vù vù như có người trải sẵn thảm đỏ để anh cứ thế bước đi. Hời Đại học, lực học hạng xoàng nhưng Quân được thầy cô, đặc biệt là Hiệu trưởng yêu mến nên liên tục là lớp trưởng, Phó Bí thư Đoàn trường. Tốt nghiệp Đại học Nông lâm với tấm bằng loại trung bình, được giữ lại làm giảng viên nhưng anh đã xin về làm phòng nông nghiệp ở một huyện phía Nam của tỉnh. Rồi chỉ sau 3 năm, Quân trở thành Trưởng phòng trẻ nhất tỉnh, 5 năm sau là Phó Chủ tịch rồi Chủ tịch UBND huyện, đến Phó Chủ tịch UBND tỉnh có thâm niên. Là một lãnh đạo song với tính cách quan liêu, thiếu thực tế lại luôn tự mãn về mình, không dám và không chấp nhận sự đổi mới, Quân bị tha hóa từ lúc nào không rõ, trở thành kẻ vô tình tiếp tay cho lâm tặc.

Trước bao tâm huyết của Hòa, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm tỉnh Bắc Nguyên, cũng là người bạn học cùng đại học ở Đề án: *“Giao rừng tự nhiên triệt để cho người dân đang sinh sống xung quanh vùng có rừng”*, Quân phủ nhận hoàn toàn. Anh cho rằng đề án thể hiện sự mất niềm tin vào việc giữ rừng của cán bộ ngành kiểm lâm, là đổ hết trách nhiệm giữ rừng cho người dân. Ý nghĩ của Hòa về việc lâm tặc lợi dụng và biến người dân thành lâm tặc còn được Quân nhận định là điên rồ: *“Nghĩ tới cái đề án vớ vẩn mà hôm trước Hòa trình bày mà Quân ngao ngán. Hãy đợi đấy ông Chi cục trưởng ạ! Sẽ có bộ phận giúp việc về lâm nghiệp của Ủy ban*

ngiên cứu. Quân bật cười. Mà thời buổi này thì không ít cán bộ chuyên trách chỉ thích “ngiên cứu” ở sân ten - nít và quán bia hơi thôi. Ngần ấy năm làm lãnh đạo, Quân còn lạ quái gì cái đức của các cán bộ dưới quyền”. [22, tr.143].

Ngoài mặt, Quân thuộc lòng những bài học: “*Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*” nhưng thực chất Quân sống xa dân và có quan điểm lãnh đạo kiểu: “*Làm quan mà không biết đem đến cho dân chúng nỗi sợ cùng niềm hi vọng mỗi mòn thì chỉ là một ông quan hạng bét.*” [22, tr.143]. Chuyến thị sát ở Nà Pheo của Quân khi có nhiều đơn tố cáo Hòa Chi cục trưởng kiểm lâm tự ý giao rừng cho dân quản lý chứa chan tinh thần hài hước, thể hiện rõ bản chất của vị lãnh đạo này. Quân gặp và chuyện trò với Chính và Sính, tưởng rằng được nghe lời nói chân thành và sát thực tế của người dân nhưng nào ngờ đó chính là hai lâm tặc mà Đắc cài vào hồng che mắt vị lãnh đạo. Chính sự quan liêu, thờ ơ, tự mãn, tự bằng lòng với chính mình đó mà Quân đã lớn tiếng phê bình cán bộ và nhân dân xã Nà Pheo đang làm sai chủ trương của tỉnh. Ngay khi trở về từ chuyến thị sát, Quân đã báo cáo lại với Chủ tịch tỉnh về chuyến đi cùng những bằng chứng về cái sai của chính quyền Nà Pheo và Chi cục kiểm lâm khi tự ý thí điểm giao rừng tự nhiên cho người dân quản lý.

Bên cạnh nhân vật Phó Chủ tịch tỉnh Quân, tác giả còn xây dựng các nhân vật phụ như Tình, Bộ, Hải... với tính cách xu nịnh, vì tiền, vì địa vị mà đã đã bị tha hóa, trở thành cán bộ biến chất.

So sánh với tiểu thuyết **Bão rừng** (Phạm Đức), ta thấy giữa hai nhà văn có sự tương đồng trong nhìn nhận về những con người tha hóa. Tuy nhiên, mỗi nhà văn lại có cách thể hiện riêng độc đáo, bộc lộ quan điểm nhìn nhận về cuộc đời, con người sâu sắc. Trong **Bão rừng**, tác giả Phạm Đức kể lại cuộc chiến một mất một còn giữa các chiến sĩ kiểm lâm với bọn lâm tặc, đứng đầu là tên Lê Văn Quát, một thanh tra giao thông biến chất. Thừa dã tâm và mưu mô qui quyệt, trên con đường làm ăn phi pháp của mình, Quát đã mua chuộc được

nhiều cán bộ, chiến sĩ kiểm lâm, công an, thậm chí là một số người có chức sắc ở địa phương bằng tiền bạc, gái đẹp, bạo lực.

Nhận thấy những bi kịch của con người tha hóa do hoàn cảnh, chỉ ra nguyên nhân sâu xa của sự tha hóa ấy là vấn đề không mới trong văn học Việt Nam. Vấn đề này đã được nhiều nhà văn trong các giai đoạn trước phân tích, lý giải khá sâu sắc. Trong tiểu thuyết của Chu Lai, ta thấy tác giả đề cập đến sự tha hóa của con người trước sự cám dỗ của vật chất và danh vọng. **Phố** dựng lên bi kịch của người lính thời bình khi đối mặt với cái nghèo đói. Thảo vì hoàn cảnh đã thoát ly xuất khẩu bên Đức để kiếm tiền về xây đắp tổ ấm của mình. Nhưng khi có trong tay nhiều tiền, Thảo đã dần dần bị tha hóa từ quan niệm sống đến cách sống. Về nước, Thảo lao vào ngoại tình. Kết cục, hạnh phúc gia đình Thảo - Nam đổ vỡ nhanh chóng và kinh hoàng. Thảo chết ngoài biển khơi, để lại Nam- chồng cô gục khóc trong căn nhà mới được xây dựng khang trang. Trong **Ăn mày dĩ vãng**, Ba Sương lại bị tha hóa bởi danh vọng. Từ người lính sống hết mình với lý tưởng trong chiến tranh, khi về đời thường với tên gọi Tư Lan- giám đốc sở nông lâm để leo lên đỉnh cao của danh vọng, Ba Sương chấp nhận đi chung đường với Địch - kẻ thù một thời của cô và đồng đội. Tư Lan còn đồng ý làm nhân tình của hắn và không biết từ lúc nào đã yêu hắn *“như yêu chính cái phần đen đúa của chính mình”*.

Nếu như trong tiểu thuyết của Chu Lai, tác giả tập trung phản ánh bi kịch tha hóa của những người lính trong và sau chiến tranh thì ở tiểu thuyết Hồ Thủy Giang, ông quan tâm đến số phận con người ở mọi tầng lớp, từ nông dân đến trí thức. Đọc **Mắt rừng**, ta thấy không chỉ giới trí thức bị mua chuộc bởi đồng tiền khiến nhân cách biến chất mà cả những người dân cũng đều mờ mắt vì tiền, trở thành người tiếp tay cho lâm tặc phá rừng. Tiền mà Đắc và bọn lâm tặc vung tay ra đã biến Páo và những thanh niên dân tộc vùng Sơn Thượng trở thành người “cõng rắn cắn gà nhà”, tự tay hủy hoại màu xanh của những cánh rừng tự nhiên cạnh mình. Cả những đệ tử dưới trướng của Đắc như Lư, Khút...

cũng bị đồng tiền chi phối. Vì mong muốn hưởng thụ nhiều hơn sức lực bỏ ra mà họ đã tìm mọi cách để khai thác gỗ lậu.

Đề cập đến vấn đề xã hội đảo lộn khi đồng tiền lên ngôi khiến đạo đức của con người xuống cấp, nhà văn Hồ Thủy Giang đã bộc lộ cái nhìn khách quan và sắc sảo trước cuộc đời. Ông không ngần ngại đi vào những góc ngách sâu kín nhất của xã hội để phơi bày những cái xấu, cái chưa được, đồng thời gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh: Ai cũng có thể tha hóa trước hoàn cảnh nên mỗi người hãy biết kiểm soát và kiềm chế dục vọng của mình để không đánh mất lương tâm, đạo đức.

2.3.2. Gian nan hành trình kiếm tìm hạnh phúc của con người

Trong những cuốn tiểu thuyết về thế sự, đời tư của mình, Hồ Thủy Giang luôn đau đầu một câu hỏi, hạnh phúc là gì, con đường con người tìm đến hạnh phúc ra sao? Lý giải trong từng cuốn tiểu thuyết theo một cách riêng, với hướng mở, ông muốn người đọc đồng sáng tạo, tự rút ra những bài học chiêm nghiệm về hành trình kiếm tìm hạnh phúc của chính mình.

Tác phẩm **Con đường cát bụi** đề cập đến những thân phận con người trên hành trình đi tìm hạnh phúc, đi tìm đích đến của cuộc đời: đó là thiếu phụ tuyệt thế giai nhân Hoàng Mơ sống giữa nhung lụa với kẻ hầu người hạ trong khu biệt thự trăm tỷ nhưng cô đơn không biết hạnh phúc là gì; là nhà báo Phi Hải, cựu sĩ quan an ninh có đời sống nội tâm đa cảm; là trùm tướng cướp Sách có trong tay tất cả nhưng lại không có nỗi hạnh phúc trần thế của một người đàn ông; là cô sinh viên Y khoa xinh đẹp giỏi giang Thẩm bị dòng đời xô đẩy thành gái điếm... Tác giả đã miêu tả mỗi người một thân phận, một hoàn cảnh sống, mỗi người mang một nỗi ảm ức sâu thẳm của bi kịch đời tư.

Hoàng Mơ, thiếu phụ ngoài 30 tuổi xinh đẹp, giản dị, chất phác, có vẻ đẹp bình dân của một cô gái thôn quê. Sống trong ngôi biệt thự đầy đủ tiện nghi, thừa tiền nhưng thiếu tình cảm, nàng rơi vào trạng bi kịch của sự cô đơn, bất an. Như lời nhân vật Vũ Hoàng nhận xét, Mơ là “*một con công nhót trong*

chiếc lồng bằng vàng sống ở ngôi biệt thự “quí ám” [23, tr.20]. Nàng chưa thể hiểu hết Sách- người nàng lấy làm chồng, cũng là người đã cứu giúp mẹ con nàng ra khỏi kiếp người nghèo đói, khổ cực. Sống trong nhung lụa, Mơ nhận ra hạnh phúc đích thực không phải có vật chất đủ đầy như mình từng mơ ước trước kia. Lấy chồng 10 năm nhưng Mơ vẫn còn trinh và chưa một lần được làm “đàn bà” bởi Sách không có khả năng đàn ông. Nàng khao khát kiếm tìm hạnh phúc trần thế và cuối cùng trái tim đã hé mở với Phi Hải. Khi gặp Phi Hải, nàng không chỉ sống nhân hậu hơn, trái tim biết cảm thụ văn chương hơn mà đã biết rung động. Nàng mở xưởng bện chổi tạo việc làm cho hàng trăm người lao động nghèo, bỏ hàng chục tỷ đồng để hỗ trợ trẻ khuyết tật trong tỉnh. Với khao khát một lần làm mẹ, nàng đã nhận bé Huy - người làm trong biệt thự làm con nuôi, cho Huy đi học hành tử tế. Khi Sách phát hiện và hỏi rõ mối quan hệ tình cảm giữa nàng và Phi Hải, Mơ đã không ngại ngần thổ lộ, nàng lấy Sách vì nghĩa, không bao giờ có ý định phản bội và bỏ chồng nhưng quả thực nàng đã có cảm tình với Phi Hải. Trái tim cô đơn, yếu mềm của một người phụ nữ đã giúp Mơ nói ra sự thật. Cuối cùng nàng sẵn sàng hy sinh thân mình để bảo vệ người mà mình yêu. Việc làm đó thể hiện tình yêu mãnh liệt nhưng còn là sự bất lực của Mơ trước hoàn cảnh không thể nào vượt thoát khỏi bi kịch của chính cuộc đời mình. Kết thúc tiểu thuyết, tác giả xây dựng chi tiết trong công viên thơ mộng mà gia đình Sách - Mơ hiến tặng xã hội, Phi Hải đặt bức tượng Hoàng Mơ. Bệ tượng chỉ cao nửa mét, người chiêm ngưỡng có thể nắm được bàn tay của tượng. Đó là cách để an ủi một con người nhỏ bé, bất hạnh và mong muốn vẻ đẹp, sự nhân hậu của nàng sẽ sống mãi với thời gian. Dường như, tác giả muốn đưa đến một thông điệp: Dưới chân mỗi người là con đường cát bụi đầy trắc trở. Chỉ có trái tim nhân hậu mới làm cho cuộc sống này tốt đẹp.

Nhân vật Phi Hải được miêu tả là người đã từng trải qua cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, sống tinh tế, cẩn thận song tình duyên lại chưa tới. Gặp Hoàng Mơ, anh nhận thấy trái tim mình loạn nhịp, muốn che chở và nâng đỡ

cho cuộc đời người phụ nữ yếu ớt, cô đơn. Song mỗi tình ấy lại dẫn đến kết cục bi thảm. Khi anh sang biệt thự để cùng Mơ bàn kế hoạch ngăn Sách tự tử thì Mơ vì cứu anh mà đã đỡ viên đạn của Sách rồi ra đi.

Ăn ức với trùm tướng cướp Sách có lẽ khó thể chia sẻ và diễn đạt rành rõ bằng lời. Tưởng rằng có trong tay biết bao tiền bạc, của cải, gái đẹp, người thân cận cung phụng, Sách sẽ là người hạnh phúc nhất. Nhưng không, khi đối diện với bản thân, với cuộc sống trần thế Sách lại là người bất hạnh nhất. Sách đã từng nói với Thẩm về bi kịch của đời mình: *“Ta không có quyền lực gì khác ngoài đồng tiền”* [3, tr.353]. Sự thật hé lộ khi Sách kể với Trường rằng căn bệnh hồi nhỏ đã cướp đi quyền làm đàn ông của Sách. Nỗi bất hạnh đó đã dày vò Sách nên khi càng kiếm được nhiều tiền, Sách càng rơi vào bi kịch: Lấy người vợ trẻ nhưng không thể đem lại hạnh phúc cho vợ. Để giải thoát khỏi bi kịch đó, Sách đã trốn khỏi ngôi biệt thự, quăng thân lên vùng vàng Thần Hóa đầy cát bụi, nguy hiểm. Trên bãi vàng, Sách luôn mang theo bên mình bức hình người vợ trẻ đẹp mà hấn ngưỡng mộ, tôn thờ. Mỗi lần nhìn bức hình, Sách lại thấy trái tim mình đau đớn, bất lực. Sách cũng thương cảm hơn cho người vợ trẻ hơn 10 năm vẫn chẵn đôn, gói chiếu, không được hưởng niềm hạnh phúc làm vợ và làm mẹ. Vậy nhưng khi phát hiện sự thật về quan hệ của vợ mình và nhà báo Phi Hải, Sách đã định kết liễu cả hai người. Chợt nhận ra mình là người thua cuộc, mình mới là người thứ ba phá vỡ hạnh phúc của Mơ, Sách cao thượng đồng ý cho Mơ đến với Phi Hải. Trong lúc từ quán rượu trở về, Sách bất ngờ thấy hai người lén lút gặp nhau nên đã rút súng bắn Phi Hải nhưng Mơ lại lao ra đỡ lấy. Mơ chết, Sách bị bắt giam. Kết thúc tiểu thuyết, Sách trốn khỏi nhà tù về gặp Phi Hải để giao toàn bộ số vàng của mình làm từ thiện cho trẻ em nghèo. Ngôi biệt thự tráng lệ của Sách được hiến cho thành phố làm công viên thiếu nhi. Rồi Sách quay trở lại vùng vàng, dùng tính mạng của mình để cứu cứu vạn rồi bị sập hầm chết. Cũng như Mơ, bi kịch của Sách chỉ được giải quyết bằng cái chết. Mơ và Sách chọn cái chết nhằm giải thoát, xóa đi những bi kịch đau đớn trong cuộc đời mình.

Đọc tiểu thuyết này, ấn tượng đọng lại trong lòng người đọc là những xót xa thương cảm cho số phận của Mơ, Sách, Thắm, những con người khát khao đi tìm hạnh phúc cuộc đời nhưng sao hành trình ấy quá khó khăn và hạnh phúc tưởng chừng dễ có được lại rất mong manh...

Trong tiểu thuyết **Mắt rừng**, tác giả đề cập đến chủ trương quản lý và bảo vệ rừng thật hiệu quả. Những con người như Chi cục trưởng Trần Hòa, đội trưởng đội cơ động Trung, hay Cự, Chi cục phó sắp về hưu, Ma Đình Huyền, chủ tịch xã Nà Pheo, nông dân Triệu Lường, xã Nà Nặm... đã sống và chiến đấu vì lý tưởng của mình là bảo vệ màu xanh của những cánh rừng. Đó là mục tiêu sống, là niềm hạnh phúc mà họ theo đuổi trong cuộc đời của mình. Cuốn tiểu thuyết đưa ra một triết lý sâu sắc: chỉ khi giao rừng cho người dân quản lý, chăm sóc thì rừng mới được bảo vệ tốt nhất.

Người nông dân Triệu Lường, ở xã Nà Nặm, nơi được thí điểm chính sách giao rừng cho nhân dân quản lý thành công đã nói lên chân lý ấy thật giản dị: *“Xã tao nhà nào cũng có rừng, nhà nào ít cũng chục hecta. Cả bản cả làng cùng giữ rừng, giặc ngoại xâm cũng không vào nổi chứ nói gì đến bọn lâm tặc”*. [22, tr.170]

Trong tiểu thuyết, tác giả đã khắc họa rõ nét những khía cạnh để người đọc hình dung được vì sao mà bao năm qua, cùng với sự phát triển hùng hậu của lực lượng kiểm lâm thì diện tích các cánh rừng bị phá hoại lại càng ngày một nhiều lên. Nạn phá rừng, lũ lụt vẫn luôn hoành hành người dân. Đó là bởi lâu nay, lực lượng kiểm lâm, cùng với chính chính sách mà ngành này tham mưu cho tỉnh giữ rừng là phải bắt lâm tặc, bắt gỗ lậu không cho khai thác mới là giải pháp tối ưu. Nhân vật Sính, Chi cục phó Chi cục kiểm lâm tỉnh và bao nhiêu cán bộ tỉnh, cán bộ kiểm lâm trong ngành đúc kết chân lý hoạt động: *“Nhiệm vụ của chúng ta là ngăn chặn bọn phá rừng, giữa gìn màu xanh cho đất nước. Đất nước này dù xuất hiện hàng ngàn, thậm chí hàng triệu tên lâm tặc thì chúng ta vẫn phải bắt hết, nhốt tù hết, xử lý hết. Thậm chí nếu là tôi, tôi cho bắn hết!”* [22, tr.31].

Trong hoàn cảnh ấy, Trung- Đội trưởng Đội cơ động, Hòa - Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm, Cựu- Chi cục phó Chi cục kiểm lâm cay đắng nhận ra, lâm tặc có phải từ trên gòi rơi xuống hay lâm tặc cũng từ dân mà ra? Triết lý lấy dân làm gốc được tác giả đưa ra thật hài hước khi đề cho tên Đắc, trùm buôn lậu gỗ cười ha hả và cho rằng mình vận dụng khéo léo hơn cả những lãnh đạo, người ở cơ quan Nhà nước. Đó là sự thật biết bao chua xót, sự thật đằng sau những cánh rừng trụi...

Trước tình trạng ấy, Hòa, Trung và Cựu đã quyết tâm thực hiện đổi mới trong cơ chế, chính sách quản lý, bảo vệ rừng. *“Hòa đã nhận thức rất rõ, công cuộc bảo vệ rừng phải bắt đầu từ con người chứ không phải bằng luật pháp và súng đạn. Có thể bắt nhốt hàng trăm, hàng nghìn lâm tặc nhưng làm sao “nhốt” nổi một môi trường nuôi dưỡng lòng tham và sự phá hoại trong cuộc mưu sinh đầy khắc nghiệt này”*. [22, tr.154]. Khi đi thực tế cùng Trung, chính Hòa cũng thốt lên: *“Các trạm của rừng không phải là đặt ở những nơi xung yếu nhất mà phải đặt trong lòng dân.”* [22, tr.117]. Khát khao tìm kiếm chân lý, Trần Hòa và Trung đã dồn tâm huyết để viết và thuyết trình về đề án *“Giao rừng tự nhiên triệt để cho người dân đang sinh sống xung quanh vùng có rừng”*, bởi họ hiểu: *“Giao rừng cho dân chính là đã biến rừng thành chính mái nhà của họ. Không có kẻ trộm nào, dù tinh vi đến mấy có thể lọt vào ngôi nhà của họ để ăn trộm được”*. [22, tr.118].

Trung đã báo cáo với Hòa về phát hiện của mình: hiện ở huyện Sơn Đông đang có một ổ lâm tặc lớn. Điều bất ngờ, hài hước và bi kịch chính là chúng hoạt động được bởi chúng biết dựa vào dân, chúng biến dân trở thành lâm tặc. Trong khi đó, ngành kiểm lâm chỉ đang quan tâm nhất là truy đuổi, chặn bắt trên các ngã đường hoặc thu giữ ở trạm. Như thế, nghĩa là ngành kiểm lâm chỉ đang làm ở phần ngọn. Truy đuổi lâm tặc luôn là vấn đề nóng bỏng được đặt lên hàng đầu. Hàng tuần, hàng tháng, trong các đợt sơ kết, tổng kết của ngành thì những số liệu về các vụ bắt giữ, xử lý lâm tặc hoặc số liệu về cơ

số gỗ quý được thu về cho ngân sách luôn là biểu hiện của thành công hay thất bại của các đơn vị và các cán bộ, chiến sĩ ngành kiểm lâm. Những con số ấy càng nhiều, càng lớn thì thành tích của Chi cục càng to, càng được cấp trên và xã hội tôn vinh. Sự trưởng thành của ngành kiểm lâm tỷ lệ thuận với số gỗ mỗi năm thu được. Nhìn rõ điều ấy, Trung đã theo đuổi quan điểm: *“Song song với các biện pháp chống lâm tặc chúng ta vẫn đang làm, còn phải thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nữa là ngăn chặn không để người dân biến thành lâm tặc. Điều này còn cấp thiết hơn cả việc chống lâm tặc.”* [22, tr.51]. Anh còn đề cập đến vấn đề chính sách mới phải gắn với quyền lợi của người dân ở xung quanh những nơi có rừng: *“Đã bao giờ chúng ta đặt ra câu hỏi: Việc bảo vệ rừng đã đem lại những lợi ích thiết thực gì cho những người dân, đặc biệt là người dân ở xung quanh nơi có rừng, hay là chỉ tuyên truyền một cách rất chung chung theo kiểu đánh bóng mạ kền.”* [22, tr.58].

Trần Hòa thì luôn băn khoăn vì vòng nguyệt quế của ngành kiểm lâm luôn được quàng vào cổ những chiến sĩ dám xả thân trong công cuộc truy quét lâm tặc. Sau khi nhận ra ranh giới giữa người dân với lâm tặc thật mỏng manh, Hòa và Trung đã có chuyến thực tế khảo sát bí mật trong vai là các nhà văn hội văn học nghệ thuật tỉnh đi tìm hiểu văn hóa dân gian. Trong chuyến đi ấy, không chỉ thấu hiểu hơn về việc quản lý, bảo vệ rừng, hai người còn nhận ra, chống tận gốc lâm tặc là không có sơ hở để cho lâm tặc lợi dụng. Mà muốn thế thì bài học xương máu không bao giờ cũ là phải dựa vào dân, phải giao rừng cho dân giữ. Đúng như lời ông già Triệu Lường nói với Hòa và Cựu khi hai người về Nà Nặm: *“Nhà nước hờ hênh mới chịu mất rừng, chứ chúng tao mà ra tay giữ rừng thì bọn lâm tặc chỉ có ngồi mà khóc đấy vớ.”* [22, tr.171].

Trên con đường đi tìm chân lý, Hòa có Trung sát cánh, có Cựu ở bên. Chính Trần Hòa là người đã nhận ra Cựu, Chi cục phó sắp về hưu không phải là người vô trách nhiệm. Gần gũi tìm hiểu, Trần Hòa phát hiện bao năm qua Cựu đã mỗi một khi đơn thương chống lại những điều ngang tai trái mắt. Bằng

tình cảm chân thành, Trần Hòa đã khơi dậy lòng nhiệt huyết của người cán bộ kiểm lâm trong Cựu, và Cựu đã giúp anh rất nhiều khi thực hiện thí điểm giao rừng tự nhiên cho người dân xã Nà Pheo quản lý.

Thế nhưng hành trình đấu tranh vì lẽ phải, vì mục tiêu mang lại chính sách mới cho người dân tốt hơn của Hòa, Trung, Cựu, ... lại không hề đơn giản khi gặp bao thế lực cản trở. Đó là Đắc, một tay trùm giang hồ nhiều mưu lăm mọo, cùng với Khút, Lư những đồ đệ thân tín. Có tiền, gái đẹp trong tay, Đắc đã không khó để lôi kéo những người trong ngành kiểm lâm như Hạp, Bính, Sếnh và cả những người có địa vị cao hơn.

Chính vì vậy mà trong hành trình chống lâm tặc, Hòa, Trung đã gặp không ít cam go, thậm chí đổ máu và hi sinh. Ngay buổi ra quân đầu tiên, Trung suýt chết vì bị lâm tặc cắt gỗ sau xe máy khi anh đang truy đuổi chúng. Anh còn bị người yêu chia tay vì công việc quá nguy hiểm và nhàm chán, bị cấp trên cảnh cáo sẽ đuổi việc do quá thẳng thắn. Hòa tích cực lập đề án giao rừng cho dân, nhưng bị bạn cũ là Quân, Phó chủ tịch tỉnh gạt đi. Hòa đành phải thí điểm làm theo tinh thần của Bí thư Kim Ngọc khoán chui trong nông nghiệp rồi bị kẻ xấu đâm đơn tố cáo. Cuộc chiến giữ rừng của Hòa, Trung... được tác giả tường thuật ngày càng gay go, quyết liệt. Cao trào của chiến dịch là khi Trần Hòa bị đình chỉ công tác. Quân đi thị sát ở Nà Pheo với cái nhìn phiến diện và bị cho vào tròng của Đắc nên đã cho rằng cách làm của Hòa là sai lầm. Thậm chí thanh tra nghi rằng *“liệu chuyện giao rừng tự nhiên cho dân cai quản này có lợi ích cá nhân của các quan chức không”*? Còn Đắc, trùm lâm tặc đã triển khai thành công việc lập một đội trai bản chặt thuê gỗ ở chính khu rừng bảo tồn Sơn Thượng.

Cùng viết về đề tài kiểm lâm chống lâm tặc, nhà văn Hồ Thủy Giang và Phạm Đức đều có những sáng tạo riêng tạo hấp dẫn cho cốt truyện của mình. Trong **Bão rừng** (Phạm Đức), tác giả cũng đề cập lực lượng kiểm lâm không những đấu tranh với bọn lâm tặc mà còn phải đương đầu với những thế lực là một bộ phận quan chức cấp cao nhận hối lộ, bao che và tiếp tay cho những kẻ như Quát

lộng hành. Ngay cả khi Quát và đồng bọn bị tuyên án tù vì tội chống người thi hành công vụ vẫn có người giúp “chạy án” để Quát được hưởng án treo. Song kết thúc ở cả hai cuốn tiểu thuyết đều có hậu: những kẻ ác vẫn phải đền tội, công lý được thực thi. Cuộc chiến đấu của các chiến sĩ kiểm lâm không đơn độc, họ được sự ủng hộ của nhân dân, của những người lãnh đạo chân chính.

Trong **Mắt rừng**, để giải quyết dứt điểm cuộc chiến, tác giả đã xây dựng nhân vật nhà báo Huy Thọ, phóng viên báo Nông dân. Thực chất thì Thọ là sĩ quan cao cấp của Bộ công an điều về đột nhập bí mật để phá án. Nhờ sự khôn khéo của Thọ mà Đắc bị sập bẫy, bị bắt cùng với đầy đủ vật chứng. Những kẻ tiếp tay cho lâm tặc sau đó cũng đều bị trừng trị đích đáng. Cuối cùng, Hòa được đề bạt làm Phó Chủ tịch tỉnh, còn Trung là Chi cục phó Chi cục kiểm lâm. Đắc, trùm lâm tặc sau khi chịu án tù ra, mở công ty chuyên sản xuất vật dụng từ rừng làm ăn khá giả, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của kinh tế tỉnh nhà. Hạp, cán bộ kiểm lâm từng bị kỉ luật sa thải khỏi ngành, giờ làm chủ rừng, cung cấp nguyên vật liệu cho công ty của Đắc. Hạp tặng Đắc con dao mà anh đã từng có ý định dùng giết chết Đắc và Suối để trả thù. Một kết thúc khá bất ngờ và có hậu. Mọi việc đều đi theo trật tự. Chính sách giao rừng cho người dân được triển khai toàn tỉnh mang lại hiệu quả tốt. Triết lý luận đề tác giả đưa ra không chỉ đúng trong những năm 90 khi Nhà nước có chủ trương giao rừng cho nhân dân mà ngay cả bây giờ cũng vẫn còn nguyên giá trị.

Nếu ở **Bão rừng** tác giả xây dựng chi tiết cơn bão cuối cùng trong tác phẩm mang tính ẩn dụ: một trận bão của “luật nhân quả” đã kết thúc cuộc đời của Quát và nhân tình khi hắn vượt ngục trốn trong một cái lán giữa rừng thì ở **Mắt rừng**, kết thúc của Đắc và Hạp, hai con người từng một thời làm lỗi lại rất tươi sáng. Tính hiện thực và cũng rất nhân văn của tiểu thuyết chính là ở chỗ ấy. Xây dựng kết thúc này, tác giả Hồ Thủy Giang muốn gửi gắm thêm một thông điệp đến độc giả: con đường đến với hạnh phúc luôn mở rộng, hạnh phúc dành tặng cho bất cứ những ai có chí hướng thiện, kể cả con người một thời bị tha hóa.

Tiểu kết

Với hai nguồn cảm hứng chủ đạo: lịch sử và thế sự, đời tư, Hồ Thủy Giang đã có sự thành công với 5 tiểu thuyết trình làng trong thời gian ngắn (2015-2017).

Ở cảm hứng lịch sử, Hồ Thủy Giang đã sáng tác 3 cuốn tiểu thuyết với sự sáng tạo trên tinh thần luận giải lịch sử sâu sắc. Bên cạnh niềm tự hào về những người con anh hùng của quê hương đã có nhiều đóng góp vào nền độc lập của Tổ quốc, tác giả thể hiện quan điểm mới nhìn nhận con người, cuộc đời và phát hiện ra bi kịch số phận, bi kịch đời tư của con người lịch sử trong và sau chiến tranh.

Trong tinh thần dân chủ hóa phát triển cao độ, bằng con mắt tinh tế và sự nhạy cảm trước thời cuộc, Hồ Thủy Giang đã mạnh dạn đi vào những góc ngách sâu kín nhất của xã hội, phơi bày những cái xấu, cái chưa được trong xã hội hiện đại. Qua đó nhà văn muốn gióng lên một hồi chuông cảnh tỉnh với mỗi con người: Hãy biết kiểm soát dục vọng của mình để không bị đánh mất lương tâm, đạo đức bởi đồng tiền, danh vọng và sắc dục. Khám phá địa hạt sâu kín trong tâm hồn con người, nhà văn cũng nhận ra những bi kịch đời tư, những khó khăn trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc của mỗi người.

Chương 3

NGHỆ THUẬT TIỂU THUYẾT HỒ THỦY GIANG

3.1. Nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.1.1. Khái niệm nhân vật và vai trò của nhân vật trong tiểu thuyết

Từ điển Thuật ngữ văn học định nghĩa: “*Nhân vật văn học là con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. Khái niệm này có khi được sử dụng như một ẩn dụ, không chỉ một con người cụ thể nào cả, mà là một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm... Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật đầy tính ước lệ, không thể đồng nhất nó với con người có thật trong đời sống*”. [29, tr.235].

Từ điển Thuật ngữ văn học cũng khẳng định vai trò của nhân vật trong tác phẩm: “*Chức năng cơ bản của nhân vật văn học là khái quát tính cách của con người. Do tính cách là một hiện tượng xã hội, lịch sử nên chức năng khái quát tính cách của nhân vật cũng mang tính lịch sử... Vì tính cách là kết tinh của môi trường nên nhân vật văn học là người dẫn dắt độc giả vào các môi trường khác nhau của cuộc sống*”. [29, tr.236].

Nhân vật văn học luôn gắn chặt với chủ đề và cốt truyện của tác phẩm. Nhờ được miêu tả qua các biến cố, xung đột, mâu thuẫn và mọi chi tiết nên khác với hình tượng hội họa và điêu khắc, nhân vật văn học là một chỉnh thể vận động, tính cách được bộc lộ dần trong không gian, thời gian, mang tính chất quá trình.

Như vậy có thể khẳng định, nhân vật chính là “*linh hồn*” của tác phẩm văn học. Thông qua hệ thống nhân vật, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người và cuộc đời được bộc lộ, chuyển tải thông điệp rõ ràng nhất đến người đọc.

3.1.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.1.2.1. Khắc họa nhân vật qua yếu tố ngoại hình

Ngoại hình là dáng vẻ bên ngoài của nhân vật bao gồm y phục, cử chỉ, tác phong, diện mạo... Đây là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật. Nếu như văn học cổ thường xây dựng ngoại hình nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại thường đòi hỏi những chi tiết chân thực, cụ thể và sinh động. Nhân vật được đặc tả có những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười, khoe mắt.

Biệt tài của Hồ Thủy Giang là chỉ phác thảo, chấm phá những nét ngoại hình cũng làm nổi bật lên một phần nào đó tính cách, số phận nhân vật, dù là nhân vật chính diện hay phản diện. Thống kê việc miêu tả ngoại hình của các nhân vật trong tiểu thuyết, ta thấy tác giả Hồ Thủy Giang thường miêu tả ngoại hình theo lối truyền thống: chú trọng đến khuôn mặt, ánh mắt và những điểm dị biệt trong ngoại hình của nhân vật.

Hồ Thủy Giang chú ý khắc họa nhân vật qua sự đặc tả đôi mắt. **Trong Tể tướng Lưu Nhân Chú**, các nhân vật nam chính diện được tác giả miêu tả có ánh mắt rất sáng, thể hiện bản tính trung trực, quyết đoán. Như Lưu Nhân Chú là “*cặp mắt sáng quắc*”. Lê Lợi, người đứng đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và quân sư Nguyễn Trãi tuy được miêu tả rất ít về ngoại hình trong tiểu thuyết nhưng điểm nhấn chính là đôi mắt: “*Cặp mắt Lê Lợi bất ngờ sáng quắc như hai vì sao, ban lệnh rút quân về núi Chí Linh*”. [25, tr.126]; “*Ánh mắt Nguyễn Trãi lấp lánh cười*” [25, tr.187] trong cuộc trò chuyện với Vương Thông bàn kế hòa giữa hai bên. Cha của Lưu Nhân Chú là Lưu Nhân Trung cũng được miêu tả đôi mắt: “*mắt chột sáng rực lên*” khi thấy Lưu Nhân Chú nói về việc người dân khắp nơi trong huyện đều có lòng căm thù giặc Ngô, tiềm ẩn sức mạnh có thể giúp cha con ông sau này mưu thành việc lớn. Phạm Cuồng, em rể của Lưu Nhân Chú với tính cách bộc trực, nóng nảy thể hiện qua đôi mắt: “*Ánh mắt Phạm Cuồng vằn lên dữ dằn*” trước vẻ ngênh ngang của tên tướng nhà Minh; nghe tên tướng giặc quát cha mình, “*mắt Phạm Cuồng trợn ngược*”, anh rút soạt con dao nhọn dài bên người, nghiêng răng quyết sống mái với chúng một phen.

Ngược lại, đôi mắt của Lê Sát, tướng võ trong triều Lê Lợi, người luôn ganh ghét và đố kị với Lưu Nhân Chú thì: “*Ánh mắt thoảng tối lại một cách dữ dằn*” [25, tr.70] khi thấy Lưu Nhân Chú bắn cung trúng giữa hồng tâm trong lễ hội thi võ ở Lũng Nhai. Chính Nguyễn Trãi đã nhận ra ánh mắt ấy của Lê Sát và về sau đã nói với Lưu Nhân Chú nên đề phòng vị tướng võ này. Đôi mắt của Lê Sát “*vằn lên nhìn Nguyễn Trãi*” trong hội nghị bàn việc đánh giặc ở Lạc Thủy; “*trợn mắt đập tay vào đốc kiếm*”. Miêu tả ánh mắt của các nhân vật chính diện và phản diện trong sự tương phản “sáng - tối”, tác giả thể hiện tính cách và quan điểm trái ngược giữa hai loại nhân vật này.

Sách trong **Con đường cát bụi** thì được miêu tả có “*đôi mắt đỏ khé*”, “*đôi mắt như thú dữ*” nhưng có lúc cặp mắt ấy lại “*ngây dại*”, “*thăm thẳm buồn*”. Qua nét phác họa ấy, Sách hiện lên là một con người với nỗi đau sâu kín, rơi vào bi kịch tinh thần khủng khiếp: có nhiều tiền của và sức mạnh phi thường nhưng lại không thể có được hạnh phúc trần thế của một người đàn ông.

Chi tiết miêu tả đôi mắt của Hòa, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm tỉnh (**Mắt rừng**) lại thể hiện cái nhìn tinh tế của nhà văn. Cũng là đôi mắt sáng soi chiếu tính cách và ý chí của một cán bộ liêm khiết. Đôi mắt ấy được tả qua cảm nhận của ông Cự, Chi cục phó chuẩn bị nghỉ hưu trên quan điểm nhân tướng học: “*Bên trong đôi mắt trông rất dịu dàng của Hòa luôn ánh lên những tia sáng quyết liệt. Người có đôi mắt như thế, theo nhân tướng học thì dù chết cũng không bao giờ đầu hàng.*” [22, tr.39]. Từ đầu đến cuối tác phẩm, tác giả đã chứng minh nhận xét ấy của ông Cự về Trần Hòa là hoàn toàn khách quan và đúng đắn. Hiền lành nhưng không nhu nhược, đấng sao vẻ hiền lành ấy là một ý chí kiên cường, sẵn sàng chiến đấu tới cùng nhằm kiến nghị với tỉnh thực hiện một chủ trương, chính sách giao rừng tự nhiên cho người dân quản lý.

Ngoài miêu tả đôi mắt, tác giả cũng chầm phá những nét ngoại hình khác biệt của các nhân vật để làm rõ tính cách, số phận mỗi nhân vật. Lưu Nhân Chú được tả: đôi tay “*cứng như thép, có sức mạnh đáng nể*”, “*giọng nói hùng hồn*” [25, tr.1-2]; “*không có giáp trụ, cũng chẳng cầm long đao. Trên người lúc nào*

cũng mong manh tấm áo chàm.” [25, tr.85]. Cách xây dựng chân dung nhân vật theo lối truyền thống ấy đã giúp người đọc hình dung dễ dàng về một con người tuấn tú, cương trực, có sức khỏe phi thường có thể làm nên những việc lớn. Vị tướng ấy cũng giản dị, giữa chiến trận với hình ảnh tấm áo chàm mong manh- tấm áo mang hồn vía, bản sắc dân tộc của quê hương Đại Từ chứa đựng sức mạnh tiềm ẩn.

Miêu tả ngoại hình cha và em rể của Lưu Nhân Chú, tác giả đã dùng những câu từ hết sức ngắn gọn: “*Lưu Nhân Trung cao lớn, mình đầy lông đen, râu ria đầy mặt. Phạm Cuồng là con rể khoảng ngót 40 tuổi, dáng người lừng lững, lưng dày, bụng phệ, mặt tròn, dải tai thông xuống như ngọc châu. Trông cả hai na ná như nhân vật thời Tam quốc*”. [25, tr.16]. Chỉ qua vài nét phác họa về ngoại hình, người đọc đã có những hình dung về hai người con chính trực, có chí lớn, có thể mưu thành việc lớn. Sau này, cha con Lưu Nhân Trung đã luôn đồng hành với Lưu Nhân Chú trên con đường tìm về dưới trướng Lam Sơn, phụng sự hết mình giúp cho cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi.

Nhân vật Sách (**Con đường cát bụi**) lại được tác giả nhấn ở những điểm ngoại hình đặc biệt: “*Có thân hình lù lù như con gấu ngựa. Khuôn mặt chữ điền xù xì, râu ria đâm tua tủa như gai bươi*”, “*mặt dữ dằn.*” [23, tr.348]. Ngoại hình của Sách là dấu hiệu quan trọng để phân biệt với những nhân vật khác. Phác thảo đó ngầm dự báo về một con người với sức mạnh phi thường, có những việc làm khác thường sau này. Khi bị bắt giam trong nhà tù Lương Phú, bằng bản tính cương nghị và sẵn sàng ra tay cứu giúp người yếu thế, Sách đã khiến ông Hồi, Hưng, Huỳnh và bao tù nhân tâm phục, khẩu phục. Sách còn cứu giúp mẹ con Mơ khỏi cảnh nghèo khổ, chu cấp đủ tiền để Mơ sống trong biệt thự như một bà hoàng. Sau khi mãn hạn tù, Sách lên vùng vàng Thần Hóa, xây dựng một nơi làm ăn không có đâm chém, tranh giành mà hết sức quy củ, anh em sống với nhau như người thân. Biết vợ phản bội, Sách cao thượng nhận phần thua vì mình không đem lại hạnh phúc cho Mơ, quyết định nhường Mơ cho Phi Hải. Kết cục, không may nổ súng bắn chết Mơ rồi bị bắt, Sách tìm cách

ra khỏi trại để về đưa cho Phi Hải giấy ủy quyền dùng toàn bộ tài sản làm việc thiện, trao biệt thự cho thành phố làm công viên giải trí. Trở lại vùng vàng Thân Hóa, Sách liêu mình vào hang cứu anh em khỏi sập hầm khai thác vàng và bị chết. Tất cả điều đó chứng minh, Sách có nhiều nét tính cách phi thường, có số phận bi kịch.

Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm tỉnh Bắc Nguyên - Sính (**Mắt rừng**) được lột tả là “*người đàn ông to béo, cầm chày xệ*”, [22, tr.6] cánh tay có “*vết sẹo sần sùi dài tới mười lăm phân*”. [22, tr.8]. Dù rất ít chi tiết miêu tả ngoại hình nhưng qua đó, đủ để người đọc nhìn nhận về một vị lãnh đạo có có phần bội thực khi hưởng thụ quá nhiều. Sính rất khéo léo che mắt mọi người bằng vẻ ngoài chân chính, nóng nảy. Thế nhưng đằng sau vỏ bọc ấy lại là con người hoang dã vô độ, sẵn sàng bắt tay với lâm tặc để phá rừng; lừa phỉnh Hanh - một cán bộ kiểm lâm háo danh phục vụ mục đích riêng của mình; tìm cách hủy diệt Trung và Trần Hòa- những người không cùng phe... “*Vết sẹo ở cánh tay*” - chứng tích cách đây 15 năm Sính tham gia chống lâm tặc như một tín hiệu thâm mỹ được tác giả miêu tả với lối nhại hài hước giúp hình ảnh nhân vật này “đóng đinh” vào trí nhớ người đọc.

Để khắc họa nhân vật, Hồ Thủy Giang như nhiều nhà văn đương thời vẫn đi theo lối truyền thống khi dùng nghệ thuật cá thể hóa các chi tiết ngoại hình nhằm hé lộ, dự báo tính cách số phận nhân vật, khắc sâu nhân vật vào trí nhớ người đọc. Hầu hết 5 cuốn tiểu thuyết của ông đều có cách miêu tả theo thủ pháp truyền thống tạo nên hệ thống nhân vật đơn tuyến. Nhìn vào nhân vật của Hồ Thủy Giang, người đọc nhận ra ngay phẩm chất tốt - xấu. Các nhân vật xuất hiện chưa có sự lưỡng diện, phức tạp trong đời sống tâm hồn (cả tốt và xấu tồn tại trong một con người). Đó là điều mà Hồ Thủy Giang chưa vươn đến được trong quá trình cách tân nghệ thuật tiểu thuyết. Bởi trên thực tế, vẻ đẹp phẩm chất con người, nhất là con người hiện đại không phải bao giờ cũng trùng khớp với ngoại hình của họ.

3.1.3.2. Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật

Không chỉ đi vào khắc họa nhân vật qua ngoại hình, Hồ Thủy Giang cũng khá dụng công miêu tả tâm lý nhân vật qua lời trần thuật và độc thoại nội tâm.

Khái niệm nội tâm chỉ toàn bộ những biểu hiện thuộc cuộc sống bên trong của con người. Đó là tâm trạng, suy nghĩ, phản ứng tâm lí... của con người trước những cảnh ngộ, tình huống mà nó gặp phải trong cuộc đời. Bằng sự am hiểu sâu sắc cuộc sống và con người, Hồ Thủy Giang đã nắm bắt và miêu tả những biểu hiện, diễn biến dù nhỏ nhất của đời sống tâm hồn nhân vật trong các tiểu thuyết.

Khi viết tiểu thuyết lịch sử, Hồ Thủy Giang cấp cho nhân vật lịch sử gương mặt đời của họ, đào sâu những vấn đề từ đời sống cá nhân, nội tâm rất riêng tư của con người. Tể tướng Lưu Nhân Chú trong tiểu thuyết cùng tên là một anh hùng xông pha nơi trận mạc, một tướng võ hiển nhiên nhiều kẻ hay cho Bình Định Vương, cũng là một “văn nhân” rất đa cảm. Anh hát lượn hay, ném còn giỏi, thổi sáo tài. Trong cuốn sách, có 10 lần tác giả đề cập đến tiếng sáo của Lưu Nhân Chú. Qua tiếng sáo, người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về đời sống tâm hồn phong phú của vị tể tướng này. Đó là “*Tiếng sáo réo rất như mang một nỗi niềm nhớ nhung thầm kín*”, “*réo rất ngân nga bay vào tận rừng sâu*”, “*trong vắt vút lên, phá tan bầu không khí u tịch*”, “*bay cao đến tận bầu trời chi chít vì sao*”... [25, tr.45-54-79-83]. Nhiều lần trong chiến trận, Lưu Nhân Chú nhớ về quê hương, không chỉ có người vợ Ngọc Tiêm tảo tần, hết lòng vì chồng con mà còn có bóng hình Slao - người con gái anh cảm mến với hương sả ngan ngát ở mái tóc. Tiếng sáo như một minh chứng về tình cảm của anh với Slao. Chính anh đã phải bối rối khi: “*Bỗng trong tiếng sáo, anh chợt thấy mùi hương sả thoảng bay đâu đó. Chao ôi, cái mùi hương sả mà anh đã cố tình gạt bỏ ra khỏi tâm can mà sao không thể được. Anh hơi choáng váng như linh cảm rồi đây cái mùi hương sả ấy sẽ vương vấn trong hồn vía anh cả đời*”... [25, tr.54-55]. Hoặc: “*Đang thả hồn cùng những âm thanh du dương, chợt Lưu*

Nhân Chú thông tay buông cây sáo. Chàng hoảng hốt vì trong tiếng sáo chợt thấy mùi hương sả bay ra từ mái tóc mềm mượt của Slao, như văng vẳng tiếng nói của Slao hôm từ biệt chàng bên bờ suối”. [25, tr.90-91]. Cảm nhận được điều đó, trong lòng ngực Lưu Nhân Chú nhói lên một cảm giác tái tê: “Trời ơi, âm thanh từ cây sáo này có ma mị gì mà sao mỗi lần làn môi anh đặt lên lại văng vẳng những âm thanh làm anh phải bồn chồn, bối rối đến vậy. Có lẽ nào nó mang hồn vía của Nậm Cang từ thuở ấy.. [25, tr.91].

Tâm trạng của Lưu Nhân Chú “*bồn chồn, bối rối*”, “*hoảng hốt*”, “*choáng váng*”, “*vuơng vẩn*” mỗi khi thổi sáo lại nhớ đến hương sả ngan ngát ở tóc Slao cho ta thấy ít nhiều trong lòng vị tướng trẻ luôn có hình bóng Slao. Nhưng lý trí của Lưu Nhân Chú đã chiến thắng tình cảm. Vị tướng nhận thức rõ ràng: trước tình cảm của Slao anh chỉ được phép coi như một cơn mưa bóng mây, như một giấc mộng Lưu Nguyễn xưa kia mà thôi.

Đi sâu miêu tả nội tâm nhân vật, nhất là dụng công miêu tả tiếng sáo của Lưu Nhân Chú, nhà văn Hồ Thủy Giang thể hiện quan điểm không thần thánh hóa nhân vật lịch sử. Lưu Nhân Chú hiện lên trong tiểu thuyết là một anh hùng nhưng cũng đồng thời là một con người với những nét tâm lý rất đời thường.

So sánh với cách miêu tả tâm lý nhân vật lịch sử của Hồ Thủy Giang với Võ Thị Hảo (**Giàn thiêu**) chúng tôi nhận thấy, cả hai nhà văn đều đã xây dựng nhân vật của mình có tính cách, số phận và đời sống nội tâm phong phú, thể hiện quan điểm nhìn nhận mới về lịch sử và con người. Tuy nhiên, nhân vật lịch sử của Hồ Thủy Giang nội tâm có phần đơn giản hơn còn nhân vật của Võ Thị Hảo lại bao chứa sự phức tạp hơn nhiều. Từ Lộ trong **Giàn thiêu** ở giai đoạn là vị đại sư núi Sài đứccao vọng trọng có tâm lý rất phức tạp khi nghi ngờ chính lòng tin của mình. Trong tâm can ngài, lòng ham sống đời sống trần gian vẫn còn quá sâu nặng. Ở mạch truyện về sau, sinh ra làm công tử Lý Dương Hoán, sau này lên ngôi làm hoàng đế thứ 5 nhà Lý với tên gọi Thần Tông, nhân

vật này cũng có nội tâm hết sức bí ẩn. Kiếp đầu thai mới, nhân vật vẫn theo đuổi tham vọng sống trong quyền lực, thoả mãn khát vọng cao sang, quyền quý và kết cục phải chết bi thảm. Đọc **Giàn thiêu**, ta nhìn nhận thật hơn về số phận bi kịch của một con người lịch sử. Đúng như tác giả Lại Nguyên Ân trong bài nghiên cứu **Tiểu thuyết và lịch sử (nhân đọc Giàn thiêu của Võ Thị Hảo)** đã nhận xét: *“Không thể nói nhân vật Từ Lộ ở tiểu thuyết này đã được xây dựng thành nhân vật tốt hay nhân vật xấu. Chỉ có thể nói đó là một con người với số phận, tính cách của mình”*. [3].

Ở **Con đường cát bụi**, nhà văn Hồ Thủy Giang nhiều lần miêu tả nhân vật Sách với những nét tâm trạng bộn bề, đau đớn. Nhiều lần tác giả để Sách tự dần vật mình, cảm thấy bất lực khi không thay đổi được số phận, không mang lại hạnh phúc cho Mơ. Ở tù ra, đối diện với Mơ, với khát khao làm vợ, làm mẹ của Mơ, Sách thấy cổ họng mình như nghẹn đắng lại. Tác giả tả sự chết lặng trong tâm hồn của Sách vào đêm đó: *“Bước vào phòng ngủ mà Sách cảm thấy nặng nề, tê tái gấp nghìn lần cái hôm bước vào trại giam. Mơ đã vào nằm trong giường ngay từ chập tối, hướng cái nhìn đầy khao khát về phía chồng. Sách vờ như không để ý, lặng lẽ bước tới cái bàn nước nhỏ kê ở đầu giường. Giấu một tiếng thở dài tê tái, Sách lấy điều thuốc run run trong bao mà mấy lần mới bật được”* [23, tr.250]. Cảm giác của Sách khi rơi vào hoàn cảnh trở trêu ấy sao mà nặng nề, tê tái khiến hẳn lặng lẽ nén tiếng thở dài bất lực. Sách cay đắng khi nằm cạnh vợ mà giống như một tên tội phạm sắp phải ra pháp trường để xử bắn. Đoạn văn thể hiện nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật hết sức tinh tế của nhà văn. Đi sâu vào góc khuất nhất trong tâm hồn con người, tác giả khắc họa đằng sau vẻ dữ dằn, ghê tợn, bề ngoài xấu xí của một tướng cướp oai hùng có sức mạnh, lăm tiền, nhiều của lại là số phận con người bi thảm và yếu đuối hơn bao giờ hết. Qua đó, người đọc thấu hiểu và chia sẻ hơn về bi kịch tinh thần ghê gớm của con người hiện đại.

Không chỉ phân tích tâm lý nhân vật qua lời trần thuật, tác giả còn đẩy các nhân vật của mình vào tình huống bi kịch, gay cấn, thử thách để nhân vật

độc thoại nội tâm thể hiện sự lựa chọn của mình. Phần lớn độc thoại nội tâm trong tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang phơi bày sự mâu thuẫn, dằn vặt, giằng xé của nhân vật.

Kết thúc tiểu thuyết, khi bị hãm hại, phải chết trong nhà giam, Lưu Nhân Chú (**Tể tướng Lưu Nhân Chú**) đã hai lần độc thoại. Bên cạnh việc chấp nhận cái chết như một thảo dân hoàn thành nghĩa vụ với đất nước, ta thấy trong vị tể tướng còn một tâm trạng rối bời. Đầu tiên là việc Lưu Nhân Chú nhận ra bi kịch của cuộc đời mình: *“Có lẽ nào Slao đã đoán được cái kết cục bi thảm của những kẻ làm tướng như ta? Không! Slao đâu phải là nhà tiên tri, cũng đâu phải kẻ có đầu óc trác việt để đoán định nổi sự đời. Câu nói cuối cùng của Slao nói với ta chỉ là tiếng nói từ con tim, từ lòng ngực của một người đã dám lấy cái chết để ta được sống, được lưu danh.”* [25, tr.194]. Để rồi Lưu Nhân Chú đau đớn thốt lên: *“Anh có tội với Ngọc Tiêm! Anh có tội với Slao! Một tội lỗi ngàn năm khôn rửa”*. [25, tr.194]. Lời độc thoại nội tâm thể hiện sự ân hận của Lưu Nhân Chú khi bao năm qua hết mình phụng sự tổ quốc mà chưa làm tròn trách nhiệm của một người chồng. Đồng thời cũng thể hiện sự day dứt, mắc nợ khi được Slao cứu mạng mà chưa báo đáp được tấm chân tình Slao dành cho. Lời độc thoại nội tâm của Lưu Nhân Chú thể hiện sự nhìn nhận đầy xót xa của nhân vật anh hùng khi rơi vào bi kịch đời tư của con người thời hậu chiến. Tuy nhiên, Hồ Thủy Giang mới chỉ nêu lên vấn đề mà chưa đi sâu phân tích, lý giải nguyên nhân của bi kịch đời tư. Phải chăng, tác giả muốn gợi mở để người đọc đồng sáng tạo, cùng suy ngẫm và đưa ra lời luận giải của riêng mình về bi kịch của nhân vật này.

Nếu miêu tả nội tâm nhân vật lịch sử có phần đơn giản, một chiều thì khi miêu tả nhân vật trong xã hội hiện đại, nhà văn Hồ Thủy Giang đã có cái nhìn tinh tế, sắc sảo, soi tỏ những điểm sâu kín nhất của tâm hồn con người. Thế giới nội tâm của con người hiện đại được nhà văn phản ánh trong các cuốn tiểu thuyết ở cảm hứng thế sự, đời tư đầy sự phức tạp, bí ẩn.

Để trốn tránh Mơ, Sách (**Con đường cát bụi**) đã quăng mình lên vùng vàng Thần Hóa. Bên người Sách luôn mang theo khung ảnh có hình của Mơ, một bí mật mà Sách không muốn bất cứ ai biết. Trong khi bọn cướp dưới trướng đang hò reo ăn mừng vì trúng ụ, Sách lặng lẽ vào lán đóng chặt cửa, nằm trên sàn, ôm lấy khung ảnh trong đau đớn. Những ngón tay sần sùi to như quả chuối mẫn của Sách rờ rẫm trên mặt kính khung ảnh. Thỉnh thoảng, Sách lại nâng khung ảnh lên ngắm nghía trong một niềm cảm thương da diết. Tác giả để một đoạn dài Sách đọc thoại nội tâm: *“Sách nhìn Mơ, nói một giọng rầu rĩ: Ta biết ta có lỗi với em nhiều lắm nhưng không biết làm sao được. Ta biết là kiếp này ta không thể làm cho em hạnh phúc. Ông trời bắt tội ta. Nhưng lưỡi dao ác nghiệt của ông trời không thể cắt rời tình em với ta được. Dù chỉ là hình bóng nhưng em phải là của ta. Em phải thuộc về ta”*. [23, tr.163]. Vẫn nằm trong lán và ôm lấy bức ảnh, chốc chốc Sách lại hôn lên đôi môi của Mơ trong ảnh. Rồi Sách khóc: *“Chao ôi! Thế là có đến hai năm bốn tháng một ngày ta không được thấy hình bóng em, được thấy hương thơm ngọt ngào tỏa ra từ đôi môi chín mọng của em...”* [23, tr.165]. Miêu tả hai đoạn đọc thoại nội tâm nói trên, tác giả đã thành công khi thể hiện tâm trạng bộn bề, phức tạp trong tâm hồn Sách. Nghĩ đến vợ, ban đầu Sách ân hận, thấy có lỗi khi không mang lại hạnh phúc cho Mơ. Không ít lần Sách đã dằn vặt mình như thế: *“Làm vợ ta xin nàng đừng bao giờ nghĩ đến niềm hoan lạc và hạnh phúc sinh tồn của người đàn bà”* [23, tr.251]. Thế nhưng, Sách lại muốn độc chiếm Mơ, để Mơ là của riêng mình: *“Dù chỉ là hình bóng nhưng em phải là của ta. Em phải thuộc về ta”*. Tình cảm của Sách với Mơ vừa đáng thương vừa đáng tội. Bởi lẽ, biết Mơ làm vợ mình là đau khổ song khát khao hạnh phúc, muốn vượt thoát khỏi bi kịch đã biến Sách trở thành người ích kỷ. Sách không thể chấp nhận được việc giải thoát cho Mơ.

Khi cái lán cháy, bất chấp mọi hiểm nguy, Sách đã lao vào ôm bức ảnh Mơ ra ngoài, bị bỏng nặng, phải nhập viện. Hành động ấy khiến những người

khác hiểu lầm Sách đang cố giữ một vật báu hiếm có. Có ai ngờ vật báu là bức hình của Mơ, chứa đựng một bí mật khủng khiếp và không kém phần đau trong cuộc đời của tên tướng cướp.

Trong tình huống kịch tính biết vợ phản bội mình, có tình cảm với nhà báo Phi Hải, Sách trở về ngôi biệt thự Hoàng Mơ, nơi ấy có người vợ luôn mòn mỏi chờ đợi chồng. Tác giả đã miêu tả những dòng đặc tả nội tâm Sách hết sức phong phú và bi kịch: *“Chao ôi! Ngôi nhà của ta kia. Ngôi nhà sang trọng vào bậc nhất thành phố này. Trong ngôi nhà ấy có người vợ của ta cũng đẹp nhất thành phố này. Vậy mà mỗi lần trở về, bàn chân ta không bước nổi qua cái bậc thấp tè của cánh cổng sắt kia. Ta đã bao lần đứng tựa vào cánh cổng sắt ấy như một tên ăn trộm đau đớn ngược nhìn vào trong để mong nhìn thấy hình bóng em. Ôi! Em là ánh hào quang của đời ta, nhưng đêm đêm, ánh hào quang ấy lại biến thành trăm nghìn tia lửa thiêu rụi trái tim ta. Em thừa biết ta vì sao phải chạy trốn em. Ta không muốn ánh mắt cháy bỏng ái ân của em nhìn thấu cái hình hài trơ trụi như bộ xương khô của ta. Đúng! Ta là một kẻ sĩ diện. Ta sĩ diện nhưng ta không yếu hèn, ta yêu thương em hơn cả bản thân ta. Em thừa biết điều ấy. Vậy mà bây giờ em nỡ phản bội ta. Một thằng hảo hán như ta chịu sao nổi bị kẻ khác cầm sừng. Ta phải xử cái thằng khốn nạn ấy. Phải cho nó biết oai hùm của ta!”* [23, tr.385]. Đoạn độc thoại nội tâm của Sách thể hiện một con người yếu đuối và vô cùng đáng thương khi rơi vào bi kịch tình yêu, hạnh phúc lừa dối: tưởng chừng có trong tay tất cả nhưng thực tế hạnh phúc lại mỏng manh, hư ảo, vô nghĩa. Càng trốn chạy khỏi bi kịch ấy, Sách càng đau đớn hơn. Tư tưởng độc chiếm Mơ khiến Sách căm giận khi bị “cầm sừng”. Sách quyết tâm sẽ giết kẻ thứ ba xen chân vào mối quan hệ giữa mình và Mơ.

Vậy nhưng tâm trạng Sách khi gặp Mơ hỏi chuyện đã hoàn toàn thay đổi. Mơ trách móc Sách bỏ mặc vợ đi biệt tăm bao năm qua, không hề đoái hoài đến sự sống, chết, nhất là suy nghĩ, hạnh phúc của Mơ. Cái tài tình của tác giả khi miêu tả những diễn biến tâm lý hết sức phức tạp của nhân vật Sách khiến độc

giả đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, không đoán định trước được những diễn biến tâm trạng tiếp theo của nhân vật. Những lời thằng thẩn của Mơ khiến Sách bưng tỉnh về tình trạng và mối quan hệ giữa hai người. Đối diện với Phi Hải, người đàn ông đã đánh cắp trái tim của vợ mình, Sách càng ngỡ ngàng, chua xót nhận ra mình mới là người thứ ba xen chân vào hạnh phúc của Mơ. Để rồi, người đàn ông khốn khổ ấy đã có một việc làm khác thường: trái với dự định ban đầu là giết Phi Hải, Sách đã chấp nhận để Mơ và Phi Hải đến với nhau nhưng với giao kèo, qua đêm hai người mới được gặp nhau. Trong trạng thái không bình thường ấy, Sách bước ra quán rượu và uống cho say mèm, trong đầu lên sẵn kế hoạch tạt sạt. Trở về từ quán rượu, thấy Mơ và Phi Hải lén lút gặp nhau, sự tức giận, sĩ diện dâng lên, chưa kịp hỏi rõ sự tình, Sách rút súng bắn Phi Hải nhưng Mơ đã lao ra đỡ viên đạn và chết.

Cũng ở tiểu thuyết **Con đường cát bụi**, nhân vật Thắm được nhà văn quan tâm, miêu tả nhiều nét tính cách, số phận qua những đoạn độc thoại nội tâm. Sau thời gian trở thành gái làng chơi sành sỏi, biết mọi thủ đoạn để khách vừa lòng hòng moi được nhiều tiền hơn, Thắm sống bất cần. Những suy nghĩ trong trẻo, non nớt và thánh thiện của cô sinh viên hiền lành, học giỏi ngày nào đã không còn. Nhận tiền “boa” của khách, Thắm lạnh lùng, thản nhiên cho rằng đó là cái giá xứng đáng cho đời con gái đã bị cướp mất của mình. Với cô lúc này, tiền là trên hết. Đồng tiền dù chân chính hay bất chính sẽ giúp cô và gia đình thoát khỏi cảnh nghèo hèn. Đoạn độc thoại nội tâm sau thể hiện rõ tâm trạng ấy của Thắm: *“Hỡi những đồng tiền, dù chân chính hay bất chính, dù sạch sẽ hay bẩn thỉu hãy cứ rơi vào túi của tao đi! Tao đang khát tiền hơn bao giờ hết. Tao đang cần tiền, rất nhiều tiền để nuôi tám thân đau khổ, nhục nhã của tao, để cứu cái gia đình đói rách của chị tao?”* [23, tr.328]. Nhưng thực tế, Thắm hiểu rõ đồng tiền không thể trả lại nhân cách cho mình, không thể xóa sạch vết nhơ làm gái mại dâm của cô. Với số tiền hơn 200 triệu đồng hiện nay, Thắm có thể mua được hàng trăm nghìn chiếc bánh mì ngày nào cô đã ăn trộm

của Lan trong ký túc xá. Nhưng số tiền ấy dù lớn đến đâu cũng không thể thay đổi được việc cô bị kỷ luật, đuổi khỏi trường đại học. Càng có nhiều tiền, Thắm càng thấm thía sự tủ nhục, cay đắng. Sau khi thực hiện thành công việc ghi âm để tố cáo và đe dọa, tổng tiền Bách, Thắm cười hả hê mà nước mắt cứ nghẹn ngào. Thắm thấu hiểu cuộc sống nhục nhã, tủi hờn của mình, chua xót cho thân phận bị tha hóa đến đỉnh điểm của mình. Cuối cùng, Thắm đồng ý với đề nghị của Sách chấp nhận làm vợ Huỳnh, một tay chân dưới trướng của Sách với số tiền không lồ. Thắm nghĩ có thể đây chính là bước ngoặt để thay đổi cuộc đời: *“Từ nay về già cũng muốn một chỗ nương thân để tu nhân tích đức. Ô! Kể làm vợ ông ta cũng hay đấy nhỉ. Biết đâu ta sẽ trở thành một bà chủ kéch xù. Ta sẽ ngẩng mặt lên và nhổ vào mặt lũ bò đưng mỡ kia”* [23, tr.351]. Nhưng khi Sách đi rồi, trong lòng Thắm lại đầy những suy tư bất an. Thiếp vào giấc ngủ nhưng Thắm vẫn không sao thoát được cảm giác lo lắng mơ hồ. Rồi sau này, cuộc sống của Thắm có khá hơn hay cũng mịt mù, tăm tối...

Từ một số phân tích nói trên có thể thấy, Hồ Thủy Giang đã quan tâm đến việc miêu tả tâm lý của nhân vật trong các tiểu thuyết của mình theo hướng tiếp cận của các nhà tiểu thuyết đương đại. Thông qua lời trần thuật và độc thoại nội tâm nhân vật, người đọc có thể vén sâu bức màn bí mật khám phá thế giới sâu kín và phức tạp của con người một cách chân thực. So với cách miêu tả nội tâm nhân vật ở các cuốn tiểu thuyết lịch sử có phần đơn giản, một chiều thì các nhân vật hiện đại trong tiểu thuyết về đề tài thế sự, đời tư đã được đặc tả đậm đặc hơn với cái nhìn đa chiều trước “Cuộc đời đa sự, con người đa đoan”.

3.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.2.1. Khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật

Theo **Từ điển thuật ngữ văn học** “*Ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản của văn học, vì vậy văn học được gọi là nghệ thuật ngôn từ. M.Gorki khẳng định ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học*” [29, tr.25].

Ngôn ngữ nghệ thuật là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện “*cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn*”. Thường mỗi tác phẩm tự sự

bao giờ cũng có ngôn ngữ người trần thuật và ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ người trần thuật có vai trò then chốt trong tác phẩm tự sự, thể hiện cái nhìn, giọng điệu và phong cách tác giả. Ngôn ngữ người trần thuật bao gồm lời dẫn truyện, lời miêu tả bức tranh tự nhiên và xã hội, có khi là trữ tình ngoại đề, lời khắc họa chân dung, tâm trạng nhân vật... Ngôn ngữ này mang thêm các sắc thái, quan điểm bổ sung do lập trường, đặc điểm tâm lý, cá tính của nhân vật - người kể chuyện mang lại.

Khái niệm ngôn ngữ nhân vật nhằm chỉ những lời nói của nhân vật trong tác phẩm. Lời nói đó phản ánh kinh nghiệm sống cá nhân, trình độ văn hóa, tư tưởng, tâm lý, thị hiếu... Qua ngôn ngữ, nhân vật bộc lộ tính cách rõ rệt. Ngôn ngữ nhân vật bao gồm ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại.

3.2.2. Ngôn ngữ nghệ thuật đa dạng trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.2.2.1. Ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống

Vốn sống phong phú và tầm hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của lịch sử, cuộc sống là thuận lợi giúp nhà văn Hồ Thủy Giang đưa vào các trang viết của mình ngôn ngữ tươi rói của hiện thực, giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống.

Trong 3 cuốn tiểu thuyết lịch sử, tác giả sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh thời đại có sự xuất hiện của các nhân vật. Đọc **Thái Nguyên - 1917**, ta thường thấy những từ như huynh, đệ, bác, tôi... của Đội Cán, Đội Trường, Cai Mánh, Đội Giá... Còn ở **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, tác giả tái hiện lại sự kiện và con người lịch sử ở thế kỷ XV, bởi vậy, cách xưng hô giữa các nhân vật thường là: chàng, nàng, thân phụ, đại huynh, minh chủ, chủ tướng, chúa công, tướng quân, quân sư, tỳ nữ, thị vệ...

Trong **Những người mở đường**, đoạn Tâm dẫn ông Thịnh tới quán bán bánh cuốn mà trước đây các cô cùng đồng đội vẫn thường ăn, tác giả sử dụng những cái tên gọi nhắc về hoạt động của các đội viên thanh niên xung phong: *“Bát đựng quả trứng nổi lệnh phênh trong nước xương này gọi là món “phà đã qua sông”, còn món có mấy cái bánh dài vắt lên nhau xung quanh cái đĩa to*

này là món “*Báo cáo! Đường đã thông*”... [24, tr.100]. Cách đặt tên món ăn gắn liền với công việc gian khổ nhưng cũng rất đỗi tự hào của thanh niên xung phong như “*phà đã sang sông*”, “*đường đã thông*” đã chứng tỏ sự lạc quan yêu đời của những nữ cựu thanh niên xung phong đơn thân. Đúng như nhân vật Tâm nói, ở hoàn cảnh khốn khó hiện nay, nếu không tự động viên, khích lệ nhau bằng những tiếng cười, có lẽ họ đã chết rục vì sầu não.

Ở 3 tiểu thuyết lịch sử của mình, ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh của Hồ Thủy Giang đã cho người đọc nhìn nhận chiến tranh với những gì chân thực nhất. Qua các lớp ngôn ngữ ấy, ta nhìn thấy không phải chiến thắng nào cũng lấp lánh hào quang kiêu tiểu thuyết sử thi, bởi chiến trường vốn dĩ rất khốc liệt. **Tể tướng Lưu Nhân Chú** có nhiều đoạn tường thuật diễn biến trận đánh Lạc Thủy, Xương Giang, Chi Lăng sinh động, với biết bao bi kịch về sự chết chóc thê thảm. Trận Lạc Thủy được tả lại: “*Lê Sát chém quân giặc như chém chuối. Máu giặc thấm đầy võ phục.*” [25, tr.110]. Hay: “*Giữa trận địa Xương Giang, Lê Sát cầm đại đao vừa thét to vừa chém quân Ngô như chém chuối, máu giặc tuôn như suối. Nhiều binh lính Ngô giơ tay hàng, có đưa quỳ hẳn xuống xin tha tội nhưng lưỡi đao của Lê Sát vẫn liên tục vung lên. Đầu lính Ngô từng loạt lăn xuống đất*” [25, tr.178]. Chỉ một đoạn văn ngắn nhưng tác giả đã sử dụng số lượng lớn các động từ mạnh như “*chém*”, “*thét*”, “*vung lên*”, “*tuôn*”, “*lăn xuống*” để đặc tả tướng Võ Lê Sát - một người say máu chiến thắng, lấy việc chém giết làm thú vui. Hình ảnh so sánh “*chém giặc như chém chuối*”, “*máu quân giặc tuôn như suối*” càng làm hiện rõ khung cảnh khiến trường tang thương với đầy cảnh chém giết.

Nhận thức về chiến tranh, chính Lê Lợi sau cuộc chiến cũng thấy ám ảnh bởi cảnh chết chóc tang thương: “*Sau khi thực địa chiến trường la liệt xác người trở về, lòng ông chợt thấy nặng trĩu một nỗi day dứt không yên. Trong tâm trạng nửa ngủ, nửa mơ, Lê Lợi như nghe thấy tiếng grom đao và ánh lửa rần rật ở phía trời xa cùng những tia máu vọt lên. Lòng ngực ông bỗng trĩu*

nặng bởi hàng ngàn bóng người đen ngòm đè lên. Những cái bóng rú lên thê thảm...” [25, tr.180]. Ngôn từ được tác giả sử dụng hết sức linh hoạt trong đoạn văn này khi miêu tả tâm trạng của Lê Lợi. Với một loạt những từ láy và từ gọi hình ảnh và âm thanh, tác giả đã mang đến cho người đọc sự ám ảnh xót xa về chiến tranh với chét chóc bao trùm: “tiếng gươm đao”, “ánh lửa rần rật”, “những tia máu vọt lên”, “hàng ngàn bóng người đen ngòm”, “những cái bóng rú lên thê thảm”...

Ở **Những người mở đường**, qua hồi ức của nhân vật Tâm và Thịnh, không gian chiến trường khốc liệt được miêu tả chân thực với những âm thanh, hình ảnh giàu sức gợi: “*Những chiếc bát sắt đựng cơm tung tóe trên mặt đất. Tiếng bom rít lên xen lẫn tiếng máy bay gầm rú rợn người. Những tiếng nổ lộn óc, khói mù mịt. Mặt đất bị xói tung lên, chao đảo. Từ trên cao, một tiếng rít rợn người. Chỉ một tích tắc ngay sau đó, căn hầm lớn trúng bom, gạch, đất đá, tre nứa nảy tung lên cao...*” [24, tr.37]. Còn đây là cảnh khu nhà trẻ Lưu Sơn sau trận bom oanh tạc của giặc Mỹ được tả lại: “*Những đám cháy nhôm nhoam. Những đống lửa đỏ lòm trong đêm như những con mắt đang rỉ máu... Tâm đến gần một bờ tường vỡ nham nhở. Cô nhìn thấy rất nhiều ba lô xếp ngổn ngang dọc theo bờ tường... Mọi người xô đến, lấy tay đào bới điên cuồng. Bỗng từ phía dưới bật lên một chiếc chân xỏ giày cooc - sê - ghin... Ông Thịnh nâng bàn tay co quắp gỡ nhẹ chiếc bát sắt, nhưng những ngón tay của Sao vẫn quắp cứng không chịu buông rời.*” [24, tr.63-66].

Ở hai đoạn văn nói trên, nhà văn Hồ Thủy Giang sử dụng đậm đặc các từ láy “tung tóe”, “mù mịt”, “chao đảo”, “nhôm nhoam”, “nham nhở”, “co quắp” kết hợp với hàng loạt động từ mạnh ở mật độ dày đặc: “gầm rú”, “rít lên”, “xói tung”, “rỉ máu”, “nổ rợn óc”, “đào bới điên cuồng”, “bật lên”, “nảy tung”... Thông qua hệ thống ngôn từ biểu cảm ấy, người đọc hình dung rõ hơn về sự khốc liệt của chiến tranh. Sự ám ảnh về cảnh bom đạn, máu lửa, nhất là sự hy sinh của 61 đội viên xung phong càng được tô đậm hơn qua hình

ảnh “chiếc bát sắt đựng cơm tung tóe”, “chiếc chân xô giày cooc - sê - ghin”, “những chiếc ba lô xếp dọc dài dọc bờ tường”, hay bàn tay của cô Sao khi chết vẫn “quặp cứng” bát cơm không chịu buông rời... Tất cả như một lời tố cáo đanh thép nhất về cuộc chiến tranh phi nghĩa mà đế quốc Mỹ gieo rắc trên đất nước ta.

Đọc một số tiểu thuyết của nhà văn Chu Lai, điển hình là **Ăn mày dĩ vãng**, ta cũng thấy bên cạnh tư thế hy sinh đậm chất bi tráng được bao phủ bởi ánh sáng lãng mạn của cái nhìn sử thi còn có cái chết chiến trận được tác giả miêu tả bằng ngôn ngữ tả thực trần trụi, đau thương. Chi tiết Tuấn lỡ tay để súng cướp cò khiến đạn xuyên ngập vào bụng Bảo ám ảnh người đọc bởi bao phủ cả đoạn văn là máu: “*Bảo đang nằm giữa, đầu ngoẹo lên lưng anh, mắt chỉ còn đục lòng trắng trợn ngược, miệng sùi máu, đang thở hắt ra... Bảo vẫn chưa chết, cái miệng vẫn há ra ngáp ngáp để lộ ra cả hàm răng nhuộm máu. Máu vẫn đang phì bọt ở đằng mũi, máu ướt đẫm hai vạt áo, máu vọt vào cái bể nước ăn...*” [48, tr.87].

Miêu tả xã hội và con người hiện đại trong **Mắt rừng** và **Con đường cát bụi**, với sự am hiểu sâu sắc và vốn sống dày dặn, Hồ Thủy Giang đã sử dụng ngôn ngữ đời thường phong phú, ngôn ngữ hơi thở hiện thực. Lời nói của người nông dân, trí thức, tướng cướp, dân xã hội... trong khung cảnh nông thôn, thành thị, trường học, đến bãi vàng, nhà tù, nhà chữa... đều được nhà văn đưa vào những trang văn của mình một cách sinh động.

Tại cuộc nhậu nhẹt ăn mừng chiến thắng ở khách sạn Hương Lâm, tác giả để Đắc, trùm lâm tặc (**Mắt rừng**) xuất hiện với ngôn ngữ suồng sã: “*Chính anh đây đã biết lấy dân làm gốc chứ không phải thằng mã mẹ nào.*” [22, tr.45]. Và “*Đắc cười lớn: - Có tiền đi chơi gái chứ gì? Cứ nói toẹt ra cho nó tự do ngôn luận. Sợ đéch gì bố con thằng nào! Tốt! Chú nói đúng! Và có được điều ấy là bởi anh với các chú là anh em chiến hữu. Anh cho các chú gạo, tiền, quần áo, ti vi, tủ lạnh, xe pháo, nhà cửa chứ không cho các chú xoi khẩu hiệu và*

những lời giáo huấn, có phải thế không?”. [22, tr.46]. Trong câu chuyện với lũ đàn em, một loạt từ ngữ suồng sã được Đắc sử dụng như “*chơi gái*”, “*nói toẹt ra*”, “*xơi khẩu hiệu*”. Đắc cũng liên tục văng bậy “*thằng mả mẹ nào*”, “*sợ đéch gì*”.

Đọc những cuộc đối thoại của các nhân vật trên vùng vàng Thần Hóa (**Con đường cát bụi**) ta thấy nhân vật sử dụng ngôn ngữ suồng sã, đậm chất xã hội đen: “*Bính seọ ngán ngảm: - Không ngờ thằng khốn ấy tính khí lại như đàn bà. Ôn nghĩa đéch gì. Đồng tiền ngay trước mắt thế mà chịu bỏ. Ngu!*

- Hay biết rõ trình lão Sách, thằng Hưng rõ mắt vía? !

- Điều ấy cũng có thể. Nghe tiếng tăm của lão Sách thằng đ... nào chả rút bu - gi lại.” [23, tr.289]. Bính, một bường vàng trên Thần Hóa là người cục cằn, thô lỗ, tham lam, lời nói của nhân vật này được tác giả đặc tả với đầy tiếng lóng (*trình, rút bu - gi*) và chửi tục (*đéch gì, ngu, đ...nào*).

Tinh thần dân chủ trong văn học đương đại khiến các nhà văn đi sâu vào vấn đề bản năng của con người, nhạy cảm nhất chính là vấn đề tình dục mà văn học trước năm 1975 coi là “vùng đất cấm”. Trong tác phẩm của mình, Hồ Thủy Giang cũng đã mạnh dạn dùng những câu, từ để miêu tả vấn đề nhạy cảm ấy. Hạp (**Mắt rùng**) là một cán bộ kiểm lâm không để lâm tặc mua chuộc bằng tiền nhưng đã bị đốn ngã bởi gái đẹp. “*Không hiểu sao mỗi lần cái thân hình nây nây, rục lữa của Suối chạm vào là Hạp lại không thể kiểm soát nổi mình... Từ mùi hương thân thể tỏa ra, từ vóc người chắc nịch và cả cái cách làm tình kỳ diệu của Suối đã làm cho tâm trí anh nhão ra như tấm bánh đa gặp nước. Thấy bộ mặt cứ ghệt ra của Hạp, Suối càng uốn ẹo cọ cọ bầu vú núng nính vào ngực anh. Hạp như mê đi trước cú cọ sát điêu luyện của tấm thân ngà ngọc. Suối từ từ ngả người xuống chiếc ghế dài. Lập tức, Hạp cuống cuồng đề ập lên cái thân thể căng đầy ấy...”* [22, tr.189]. Trong đoạn văn, tác giả đã miêu tả cảnh nhục dục bằng những động từ “*làm tình*”, “*đề ập*”; danh từ tả thực “*bầu vú*”; nhất là các từ láy với mật độ dày đặc như “*nây nây*”, “*uốn ẹo*”, “*cọ cọ*”, “*núng nính*”,

“cuồng cuồng”... Qua đó, làm nổi bật Suối là người đàn bà đẹp, lẳng lơ, có sức hút khiến Hạp suốt ngày mê đắm. Tác giả cũng khẳng định bản năng tình dục có ma lực ghê gớm khiến Hạp từ một cán bộ kiểm lâm mãi cán dần dần tha hóa, biến chất từ lúc nào chẳng rõ.

Không chỉ Hạp, ngay cả Sênh, Chi cục phó Chi cục kiểm lâm cũng là người bị sắc dục làm cho mê đắm. Cả trong cuộc họp quan trọng của cơ quan, Sênh vẫn mơ màng nghĩ đến Suối: “*Sênh ngồi chống tay lên cằm lơ mơ nhớ lại những lần ân ái với Suối... Mà Suối làm chuyện ấy mới tài tình làm sao. Mắt Sênh mơ màng tưởng tượng lại bàn tay run rẩy của mình lần mò trên làn da mát rượi mà nồng nàn của Suối.*”. [22, tr.53]. Ở đoạn văn này, nhà văn cũng sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh để miêu tả cảnh tình dục một cách ý nhị như: “*ân ái*”, “*làm chuyện ấy*”, “*bàn tay run rẩy... lần mò trên làn da mát rượi mà nồng nàn*”...

Đi sâu miêu tả vấn đề nhạy cảm nhất trong bản chất mỗi con người bằng ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống, tác giả Hồ Thủy Giang phê phán những con người không làm chủ được bản năng để tự đánh mất nhân cách của mình, dẫn đến kết cục cay đắng. Tuy nhiên, so với nhiều nhà văn đương đại, ngôn từ của Hồ Thủy Giang khi miêu tả vấn đề này có phần hiền lành, chừng mực.

Ví dụ như ở các cuốn tiểu thuyết của mình, nhà văn Phan Thái chẳng ngại ngần đưa vào những trang văn cảnh ái ân với ngôn từ chân thực đến trần trụi. Trong **Đèn giờ**, tác giả miêu tả cảnh Phong và Huệ ái ân: “*Bàn tay Phong chưa kịp luồn xuống vạt váy, Huệ đã lăn đùng ra giường oằn oại như cơn động kinh... Phong thò tay vào cổ áo nắm bóp bầu vú nắn nắn sau vạt áo mỏng*”. [64, tr.76-77]. “*Chập choạng tối bên bờ sông, hai bóng đen chập vào nhau, tiếng hôn hít lan như cá đớp. Chỉ lát sau đã lại tiếng rên rỉ, tiếng hỗn hển loang ra bên sông như người bị trúng gió*”. [64, tr.91]. Một loạt động từ, từ láy được nhà văn Phan Thái sử dụng khi miêu tả cảnh tình dục của Phong và Huệ

gây ấn tượng và cảm giác mạnh cho người đọc như: “lấn đùng”, “oằn oại”, “nấn bóp”, “hôn hít”, “rên rĩ”, “hồn hển”... thậm chí tác giả còn tả thực bằng ngôn từ sống sượng như: “hai cơ thể trần truồng đê lên nhau”: “Một góc đình làng sụp xuống, dưới đồng đồ nát, hai cơ thể trần truồng đê lên nhau... mọi người tá hỏa phát hiện người nằm trên chính là Phong, Phó Chủ tịch xã, người con gái nằm dưới là Huệ, nguyên cán bộ địa chính xã”. [64, tr.229]. Đoạn văn tả cảnh Phong và Huệ do quá hứng tình nên đã thân mật trong đình làng Linh Vân nhưng không may đình làng bị sụp, họ bị chôn trong đồng đồ nát khi trên người không một mảnh vải che thân.

Cùng sử dụng ngôn ngữ tả thực ở vấn đề tình dục, nếu ngôn từ của Phan Thái mang tính biểu cảm mạnh, thậm chí gây sốc nhằm phê phán trực diện, mạnh mẽ những người không làm chủ được bản năng, để phần “con” bị lấn át dẫn đến tha hóa thì Hồ Thủy Giang với ngôn từ chừng mực vì thế sự phê phán trong tác phẩm của ông mang sắc thái nhẹ nhàng nhưng sâu cay.

Như vậy, dù tái hiện xã hội lịch sử hay hiện đại, nhà văn Hồ Thủy Giang đều sử dụng ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống. Nhờ đó mà người đọc được tiếp cận toàn diện một hiện thực chửa quây, sống động trên trang văn.

3.2.2.2. Ngôn ngữ đối thoại giàu chất điện ảnh

Nhà nghiên cứu lý luận Bakhtin từng nói: “*Phẩm chất nổi bật của ngôn ngữ là tính đối thoại*”. Soi vào các tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang ta thấy ông sử dụng ngôn ngữ đối thoại khá thành công. Như nhà văn tâm sự thì ông chịu ảnh hưởng của thủ pháp điện ảnh (nhất là 2 cuốn tiểu thuyết được chuyển thể từ kịch bản điện ảnh như: **Thái Nguyên - 1917** và **Tể tướng Lưu Nhân Chú**) nên ngôn ngữ đối thoại giàu chất điện ảnh được sử dụng đậm đặc. Qua đó, người đọc hiểu hơn về dấu ấn văn hóa vùng miền, có thêm âm áp thông tin, đồng thời tính cách, số phận nhân vật và tư tưởng của nhà văn được bộc lộ rõ.

Nhân vật Slao và Ngọc Tiêm (**Tể tướng Lưu Nhân Chú**), hai phụ nữ dân tộc Tày vùng Đại Từ thường dùng lối nói địa phương có những từ ngữ như

“đâu ló”, “ung cái bụng”: “Chưa nói được đâu ló. Phải chờ Slaο bàn bạc thêm để dân bản thuận cái bụng đã. Nhưng anh Cuồng, chị Ngọc Tiêm cứ yên tâm”. [25, tr.130]. Khi nói về thời gian, người Tày thường dùng ám chỉ bằng hình ảnh mùa trăng, mùa làm nương rẫy. Đọc lời thoại của Slaο và Ngọc Tiêm ta thấy rõ điều này: “Ồ, mà chị Ngọc Tiêm vừa nói em đã được chị luyện kiếm bảy mùa nương rồi à? Vậy là anh Lưu Nhân Chú cũng đã đi được bảy mùa nương rồi phải không chị?” [25, tr.61]. Và: “Slaο có biết không, cha chị với anh Lưu Nhân Chú đã đi được bảy mùa hoa mảy mạy rồi đấy.” [25, tr.65]. Lời thoại của hai người phụ nữ không nói trực tiếp mà thông qua hình ảnh “bảy mùa nương”, “bảy mùa hoa mảy mạy” để ám chỉ thời gian mà Lưu Nhân Chú rời quê đến với nghĩa quân Lam Sơn đã được 7 năm.

Trong **Mắt rừng**, ở các đối thoại của các nhân vật là người dân tộc, ta cũng thấy ngôn ngữ địa phương, dân tộc mang đậm sắc thái vùng miền được tác giả sử dụng. Lời của Ma Tiến Nung - Chủ tịch xã Phia Khao, trưởng bản Nà Cáy, nông dân Triệu Lường, thanh niên ở bản Sơn Thượng rất hay đậm từ của người dân tộc: “ây dà” “đâu ló”, “rời ló”, “rời vớ”, “đâu vớ”, “lắm vớ”, “đấy vớ”... Những hình ảnh mang tính chất biểu trưng được người miền núi sử dụng cũng được tác giả đưa vào tác phẩm như: “một mùa nương”, “lời nói ra như cung bắn khỏi nỏ”, “tàn mồi thuốc là chúng nó đến”... Ngôn từ phong phú, mang đậm đậm bản sắc văn hóa địa phương của Hồ Thủy Giang thể hiện sự hiểu biết và vốn từ giàu có của nhà văn về đời sống đồng bào dân tộc. Điều ấy, giúp người đọc khám phá và có cái nhìn toàn diện về người dân tộc ở các vùng miền, đồng thời góp phần chuyển tải thông điệp của nhà văn trong mỗi tác phẩm.

Sử dụng ngôn ngữ đối thoại trong tiểu thuyết, Hồ Thủy Giang còn muốn khắc họa sâu hơn bản chất của nhân vật. Ở **Thái Nguyên - 1917**, ta thấy bên cạnh những diễn biến nội tâm thì chủ yếu tác giả sử dụng ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật. Hãy xem cuộc nói chuyện giữa tên mật thám Pê

rô với mù đầm ở chương II khi hắn khai thác thông tin về các cai đội trong trại lính khổ xanh:

“- Trước hết là về Cai Mánh.

- Thừa đó là một con người hung hãn. Hắn có thù riêng với thầy phó Quản.... Cai Mánh tính khí du côn, liều lĩnh, lại giỏi võ.

- Hiểu rồi, thế còn Đội Cán?

- Thầy Đội Cán thì cả trại phải kính nể. Cai Mánh hung hăng thế nhưng lại thường nghe lời Đội Cán.

- Cô cũng có vẻ kính nể hắn?

Mụ đầm vô tư:

- Thầy Đội Cán đúng là một người như thế.

- Chà, ra vậy! Và chắc không chỉ có Cai Mánh nể phục Đội Cán phải không?

- Em cũng đoán vậy.

- Cái trại lính này hình như nghe theo lệnh của Đội Cán còn hơn cả thầy Phó Quản Lạp và ngài Giám binh Nô en phải không?

- Thừa, điều này thì em không dám nói.

Đôi mắt xanh như mèo của Pê rô lia qua lia lại:

- Tôi nghe nói, ngài Giám binh Nô en cư xử với binh lính một cách cứng nhắc phải không? Binh lính sợ ông ta như sợ cọp?

- Ngài Nô en và ngài Phó Quản Lạp chỉ thích dùng hình phạt thật nặng.

Năm ngoài ngài Nô en đã chôn sống cả vợ chồng một lính khổ xanh, sau khi đánh đập họ rất dã man. Chao ôi! Thật đáng sợ!”...[27, tr.38-40].

Đoạn hội thoại giúp người đọc nhận ra Pê rô là một tay mật thám lọc lõi và ranh ma. Cho dù cố tình che giấu, bản chất ấy vẫn lộ ra qua lời nói của hắn. Đồng thời, một loạt các nhân vật với tính cách hết sức rõ ràng cũng hiển hiện: Cai Mánh giỏi võ, du côn, liều lĩnh nhưng rất nghe lời Đội Cán. Đội Cán được binh lính kính nể và tôn trọng. Phó Quản Lạp và Giám binh Nô en độc đoán

chuyên quyền, cư xử cứng nhắc, hay dùng hình phạt nặng với binh lính khiến họ sợ hãi nhưng cũng rất bất bình...

Trong **Con đường cát bụi**, người đọc cũng có những cảm nhận thú vị giống như đang xem một bộ phim với đầy rẫy những đối thoại nhanh của các nhân vật. Diễn hình là cuộc nói chuyện giữa Sách, tướng cướp, trùm buong vàng Thần Hóa và Trường khi Trường bị bắt bãi vàng:

“Sách cười vang:

- Rất trung thực! Có vẻ mày là thằng khá đấy. Thôi, nghe tao hỏi tiếp.

Nghề nghiệp?

Trường cười khẩy:

- Xem ra ông lại u mê rồi. Đã có nghề nghiệp thì phải mò lên cái nơi thâm sơn cùng cốc này làm quái gì.

Dường như không chịu nổi, Huỳnh đá Trường ngã nhào. Sách vội bật dậy, gạt Huỳnh bắn ra xa:

- Thằng Huỳnh! Cấm mày không được làm gì khi chưa có lệnh của tao!

Nghe chưa?

Huỳnh cau có:

- Nhưng bầm ông nó hỗn xược quá, con không chịu nổi.

Sách cười hà hà:

- Tao cho thằng này ngoại lệ. Đỡ nó dậy!

Sách vỗ vai Trường:

- Mày nói có lý. Nhưng tao muốn hỏi là nghề nghiệp đã từng làm cơ.

Trường thản nhiên:

- Sinh viên năm thứ năm.

- Ghê gớm vậy sao? Trường nào?

Giọng Trường xen chút tự hào:

- Đại học mỹ thuật khoa Điêu khắc.

- Điêu khắc? Nghĩa là học để làm gì?

- Để làm ra những pho tượng. Với kiến thức của ông thì chỉ cần hiểu nôm na như thế là đủ...” [23, tr.185-186]. Đoạn đối thoại này đầy kịch tính, chứa đựng những thông tin hấp dẫn. Trong đó Sách, một tướng cướp hiện lên với vẻ ngoài dữ dằn nhưng lại rất trượng nghĩa. Còn nhân vật Trường- công an ngầm giả danh vào vùng vàng điều tra cũng đóng rất đạt vai diễn một thanh niên trẻ có tài nhưng cá tính ương ngạnh.

Dường như ở tất cả các trang viết trong 5 cuốn tiểu thuyết, ta đều nhận ra lối cấu trúc của những phân cảnh điện ảnh, thói quen lựa chọn từ ngữ, những câu văn chứa thủ pháp điện ảnh. Hình ảnh, âm thanh, tiếng động và lời thoại ngắn thường xuyên hiện diện trong các tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang. Điều ấy tạo cho người đọc ấn tượng về sự nhất gùg, rời rạc của những lời thoại trong phim ảnh. Cùng thủ pháp phân tích tâm lý thì việc miêu tả tỉ mỉ cử chỉ bên ngoài, nhất là những câu văn đối thoại ngắn gọn nhưng chứa nhiều thông tin khiến tác phẩm của Hồ Thủy Giang có sức hấp dẫn hơn với người đọc.

Bên cạnh những câu văn đối thoại ăm ắp thông tin, ta cũng thấy trong các tiểu thuyết của mình, nhà văn Hồ Thủy Giang đã bộc lộ quan điểm, suy nghĩ về cuộc đời, con người qua việc dùng ngôn ngữ đối thoại. Đúng như nhà nghiên cứu Mai Hải Oanh khẳng định: *“Tính đối thoại của ngôn ngữ trong tiểu thuyết không đơn giản là chuyện người này đối thoại với người kia một cách ngẫu nhiên, nhất thời mà điều quan trọng là đối thoại về tư tưởng, về quan điểm trong chính phát ngôn của họ. Các phát ngôn ấy luôn hướng đến nhau và có khả năng tự phê phán và phê phán lẫn nhau”*. [56, tr.243].

Trong **Mắt rừng**, nhiều đoạn đối thoại giữa Trung và Hòa, Trung với Quân, Hòa với Sính... không chỉ bộc lộ bản chất, tính cách nhân vật mà sâu xa hơn là thể hiện những tư tưởng, quan điểm về việc quản lý và bảo vệ rừng. Nếu đoạn đối thoại giữa Hòa - Trung, Hòa - Cựu, Hòa với người nông dân... thể hiện sự đồng quan điểm của những người có chung chí hướng thì đối thoại giữa Hòa - Quân, Hòa - Sính, Trung - Sính... lại chứa đựng sự trái ngược quan

điểm. Đoạn đối thoại giữa Quân, Phó Chủ tịch tỉnh và Hòa, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm trong **Mắt rừng** khi Hòa đến trình bày về đề án giao rừng tự nhiên cho người dân quản lý là một điển hình: “*Quân gõ gõ ngón tay xuống mặt bàn:*

- *Chẳng lẽ lực lượng kiểm lâm các anh định đẩy trách nhiệm giữ rừng cho người dân?*

- *Thưa anh, không phải là đẩy trách nhiệm mà là giao phó cho họ cái sứ mệnh thiêng liêng ấy. Đó cũng là tư tưởng lấy dân làm gốc mà Đảng và Nhà nước luôn quan tâm. Với công tác quản lý và bảo vệ rừng thì điều này càng chính xác tuyệt đối. Mất dân là mất tất cả! Xin anh hiểu cho điều này.*

Quân chém tay vào không khí: - Đúng thế! Bác Hồ cũng đã từng dạy: Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong. Nhưng mà này! Liệu các anh có phàn nàn gì về việc mấy năm nay tỉnh chưa xét số biên chế theo văn bản xin bổ sung mà các anh gửi không?

- *... Tôi không quá quan tâm đến chuyện số biên chế nhiều hay ít. Hôm nay tôi đến đây là để trình tỉnh và xin anh ủng hộ cái đề án này. Theo tôi nghĩ, rừng tỉnh ta còn hay mất là ở chỗ có giao rừng cho dân hay không chứ không phải ở chuyện lực lượng kiểm lâm dày hay mỏng.*

Quân đập nhẹ vào tập đề án đặt trên bàn: - Nói như ông liệu có thái quá không? Vậy lực lượng kiểm lâm rút đi đâu? Chẳng lẽ ông không tin vào những người như vậy?

- *Hơn ai hết, bao giờ lực lượng kiểm lâm cũng là lực lượng nòng cốt nhưng mong anh hiểu cho khi để dân biến thành lâm tặc thì đồng thời sẽ dẫn đến một chiến sĩ kiểm lâm thoái hóa cũng biến thành lâm tặc theo. Mà một chiến sĩ kiểm lâm hóa thành lâm tặc thì độ tàn phá rừng sẽ khủng khiếp hơn nhiều...” [22, tr.132-134]. Qua màn đối thoại, Hòa hiện lên là một cán bộ trách nhiệm, tâm huyết, từng lời nói ôn tồn, nhẹ nhàng bao nhiêu thì Quân lại là lãnh đạo quan liêu, thờ ơ, luôn tự mãn về mình bấy nhiêu.*

Đối thoại giữa Quân với Cựu, Chi cục phó Chi cục kiểm lâm và Huyền, Chủ tịch xã Nà Pheo trong chuyến thị sát về việc giao rừng tự nhiên do dân quản lý tại xã Nà Pheo, Quân tiếp tục được khắc họa bản chất quan liêu, thiếu thực tế:

“Quân dứ dứ ngón tay:

- Dựa vào nghị định nào, thông tư nào, chính sách nào, văn bản nào mà các anh cho triển khai việc này.

Cựu đứng lên xin nói:

- Báo cáo Phó Chủ tịch tỉnh và toàn đoàn thanh tra, trên thực tế chúng tôi chưa làm đại trà mà mới thí điểm trong phạm vi xã Nà Pheo này.

- Thí điểm! Chờ các anh thí điểm xong thì sai lầm này đã lan ra toàn tỉnh rồi.

- Anh Quân bình tĩnh nghe tôi trình bày đã. Sao anh chỉ nói đến sai lầm mà không chịu khó nhìn vào những cái được trong chủ trương giao rừng của Chi cục kiểm lâm chúng tôi? Giả sử đây là một việc làm đúng đắn thì chuyện lan rộng ra toàn tỉnh lại là điều tốt chứ sao, thưa anh?

- Bảo vệ rừng là một công việc cực kỳ quan trọng. Chính vì thế mà đồng chí Chủ tịch tỉnh đã phải cử tôi xuống đây để kiểm tra thực hư mọi chuyện. Rồi các anh sẽ khó ăn nói với đồng chí Hoàng Tâm, Chủ tịch tỉnh đấy.

Huyền đứng bật dậy: - Thưa đồng chí Chủ tịch tỉnh, dân Nà Pheo chúng tôi thấy đây là một chủ trương đúng đắn. Nếu việc này được thực thi một cách có bài bản thì tôi tin rằng rừng sẽ được bảo vệ tốt hơn rất nhiều so với trước đây!

Quân vẫy tay ra hiệu Huyền ngồi xuống:

- Tôi không ngờ đồng chí Chủ tịch xã lại ngây thơ đến thế. Đồng chí có biết rằng hiện nay cả một lực lượng kiểm lâm hùng hậu, được trang bị đầy đủ, hưởng lương và phụ cấp không hề thấp, vậy mà nhiều, rất nhiều những cánh rừng của tổ quốc vẫn bị tàn phá nghiêm trọng không? Hơn nữa, trên nguyên tắc, kiểm lâm chính là lính gác rừng rồi, sao lại phải giao rừng cho dân nữa?...” [22, tr.306-307].

Trong khi Hòa, Huyền, Cự nói năng hết sức bình tĩnh, sử dụng câu từ giản dị, dứt khoát thì Quân lại sử dụng những từ ngữ sáo rỗng, lý thuyết, đề cao tầm quan trọng của vấn đề như “*ngộ định*”, “*thông tư*”, “*chính sách*”, “*văn bản*”, “*cực kỳ quan trọng*”, “*hùng hậu*”, “*ng nghiêm trọng*”, “*nguyên tắc*”. Đối lập với sự thờ ơ, thậm chí có phần vô trách nhiệm của Quân, thì Hòa, Cự, Huyền - những con người dám tiên phong và chịu trách nhiệm đồng thời rất tin tưởng vào kết quả tốt đẹp khi thực hiện chính sách mới. Cả hai màn đối thoại, tác giả để cho các nhân vật ở quan điểm khác nhau cọ xát, tranh biện một cách ráo riết về vấn đề: nên hay không nên giao rừng tự nhiên cho người dân quản lý. Từng lời nói của các nhân vật Hòa, Huyền, Cự cứ đối nhau chan chát với Quân. Từ các màn tranh luận tư tưởng đó, nhà văn cũng mở ra cuộc đối thoại với độc giả, để người đọc đồng sáng tạo và tham gia tranh biện về các vấn đề của cuộc sống. Thông qua đó, nhà văn muốn gửi gắm một thông điệp nhân văn: rừng chỉ được giữ khi giao cho dân quản lý, khi những nhà lãnh đạo hoạch định và có chính sách mới phù hợp.

Đọc **Thời xa vắng** (Lê Lựu), ta thấy nhiều đoạn các giả cũng sử dụng ngôn đối thoại để bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, tranh biện nhau về một vấn đề trong đời sống. Đây là xu hướng mà nhiều nhà văn đương đại hướng tới và đưa vào tác phẩm của mình. Diễn hình như trong câu chuyện giữa Sài và Châu, ta thấy nếu Châu khôn khéo bao nhiêu thì Sài lại ngờ nghệch bấy nhiêu. Sự khác biệt đó giữa Châu và Sài không đơn thuần vì Châu là người thành thị, Sài là người nhà quê mà chính là do giữa họ có sự đối lập về suy nghĩ, quan niệm: một bên ích kỷ, giỏi che đậy bản chất còn một bên độ lượng, vị tha, nghĩ gì nói vậy.

Tìm hiểu ngôn ngữ đối thoại của Hồ Thủy Giang trong các cuốn tiểu thuyết chúng tôi thấy, nhà văn đã bước đầu chịu ảnh hưởng và có ý thức sáng tác với thủ pháp lai tạo giữa điện ảnh và tiểu thuyết. Bên cạnh sức hút của kết cấu lắp ghép, sự chuyển cảnh nhanh chóng, tiểu thuyết Hồ Thủy Giang hấp dẫn người đọc ở ngôn ngữ đối thoại ngắn gọn, âm áp thông tin và hướng đến tính chất luận đề, thể hiện tư tưởng, quan điểm riêng về cuộc sống, con người.

3.3. Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.3.1. Khái niệm giọng điệu nghệ thuật

Định nghĩa về giọng điệu, cuốn **Từ điển thuật ngữ văn học** chỉ ra: *“Giọng điệu trong tác phẩm gắn với cái giọng “trời phú” của mỗi tác giả nhưng mang nội dung khái quát nghệ thuật, phù hợp với đối tượng thể hiện. Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị thường đa dạng, có nhiều sắc thái trên cơ sở một giọng điệu cơ bản, chủ đạo chứ không đơn điệu”* [29, tr.135].

Như vậy giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn với hiện tượng được miêu tả trong lời văn. Nếu như ngoài đời sống, ta nghe giọng nói nhận ra con người thì ở văn học, giọng điệu giúp chúng ta nhận ra tác giả. Người đọc có thể thấy chiều sâu tư tưởng, thái độ, vị thế, phong cách, tài năng cũng như sở trường ngôn ngữ, cảm hứng sáng tạo của người nghệ sĩ thông qua giọng điệu. Giọng điệu phụ thuộc vào cảm hứng chủ đạo, bút pháp nghệ thuật của nhà văn.

3.3.2. Các sắc thái giọng điệu trong tiểu thuyết Hồ Thủy Giang

3.3.2.1. Giọng ngợi ca

Đọc tiểu thuyết lịch sử của Hồ Thủy Giang, chúng tôi nhận thấy giọng điệu ngợi ca mang âm hưởng sử thi, thể hiện niềm tự hào về những anh hùng đã có nhiều đóng góp cho dân tộc, địa phương là giọng điệu chiếm ưu thế.

Giọng điệu ngợi ca trong cuốn **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, tác giả dành nhiều đề miêu tả vị tướng tuổi trẻ, tài cao của quê hương Đại Từ. Ngay từ đầu tác phẩm, trong cuộc săn lợn rừng cùng thanh niên Thuận Thượng, Lưu Nhân Chú đã hiện lên là một con người có sức khỏe phi thường qua những lời văn thể hiện sự yêu mến, nể phục: *“Phía sau một tảng đá lớn, Lưu Nhân Chú - một thanh niên chừng hai mươi tuổi, cao lớn, gương mặt khôi ngô tuấn tú, đầu to, lông mày rậm, cặp mắt sáng quắc đang nhìn trừng trừng về phía con lợn lòi to như con trâu đang ngó nghiêng đầy cảnh giác... Bất thần, Lưu Nhân Chú nhảy vọt qua tảng đá, lộn người về phía con lợn lòi bị thương. Anh né tránh cú hất*

đầu của con thú rồi túm lấy hai chân sau của nó, vặn ngược. ... Nhanh như cắt, Lưu Nhân Chú cười lên bụng con thú, đè nghiêng xuống. Con thú giãy giữa nhưng không thể thoát khỏi đôi cánh tay cứng như thép của Lưu Nhân Chú bấu chặt lấy yết hầu”. [25, tr.1-2].

Với giọng điệu ngợi ca, tác giả còn khắc họa nhân vật Lưu Nhân Chú là một chàng trai có tài hát lượn, ném còn, thổi sáo giỏi khiến bao thiếu nữ mê đắm, trong đó có cô gái Tày Slao. Khi gia nhập vào nghĩa quân Lam Sơn, rồi trở thành một vị tướng lĩnh có nhiều đóng góp cho công cuộc đánh đuổi giặc Ngô và xưng vương của Lê Lợi, chàng đã thể hiện rõ là một vị tướng có tài văn, võ song toàn, nhất là tinh thần bao dung theo tư tưởng hòa hiếu của Nguyễn Trãi: *“muru phạt tâm công”* và *“lấy chí nhân mà thay cường bạo”*. Trong trận đánh Lạc Thủy, Lưu Nhân Chú chính là người đã hiến cho Lê Lợi dùng kế mai phục lấy ít địch nhiều, dụ giặc Ngô vào hẻm núi sâu rồi quân lính Lam Sơn tập kích bất ngờ. Chàng cũng dũng mãnh xông pha nơi chiến trận, giết nhiều tướng giặc khiến chúng khiếp sợ: *“Lưu Nhân Chú giữa người trên ngựa, khoa ngang thanh đao rồi bất ngờ lướt ngược lưỡi đao từ phía dưới lên. Đầu tên tướng giặc rơi xuống đất.”* [25, tr.112].

Bên cạnh ngợi ca Lưu Nhân Chú và các nghĩa binh Lam Sơn anh hùng, tác giả cũng thể hiện niềm tự hào về lòng yêu nước, dũng cảm đánh giặc của nhân dân Đại Từ, trong đó có Slao: *“Slao và tên tướng Ngô giao chiến dữ dội. Khoảng năm hiệp, Slao chém rơi đầu tên tướng. Liễu Thăng kinh ngạc, trợn mắt, tức tốc vác trùy lao về phía Slao. Lùi lại một bước, Slao vung kiếm nghênh chiến. Binh khí chạm vào nhau tóe lửa”* [25, tr.164]. Đoạn văn miêu tả trong trận Chi Lăng, Slao bằng tài năng, sự gan dạ của mình đã khiến quân giặc kinh sợ, trở thành nữ tướng phò tá đắc lực cho Lưu Nhân Chú. Trong thời gian ngắn *“khoảng năm hiệp”*, nàng giao chiến dữ dội, sau đó nàng đã *“chém rơi đầu tên tướng”*.

Ở **Thái Nguyên -1917**, những người con của đất Thái Nguyên và dư binh của khởi nghĩa Yên Thế đều được tác giả miêu tả với thái độ trân trọng,

ting thần ca ngợi tràn đầy trong mỗi chương, đoạn của tiểu thuyết. Đây là cảnh chiến thắng của binh lính sau khi chiếm được trại khố xanh: *“Tiếng hò reo tưởng đến vỡ trời. Trước không khí chiến thắng hào hùng của cuộc khởi nghĩa, Đại đô đốc Trịnh Văn Cán quyết định đọc bản tuyên ngôn sớm hơn dự định. Anh vào thay quần áo, tề chỉnh đứng trên cái bục gỗ cao vừa được dựng lên”*. [27, tr.138]. Đến đoạn Đội Cán oai nghiêm đọc bản tuyên ngôn thứ hai, tác giả cũng miêu tả với giọng điệu tràn đầy tinh thần ngợi ca: *“Trên sườn một quả đồi lớn, đại đô đốc Trịnh Văn Cán đang bắc loa đọc bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của cuộc khởi nghĩa. Giọng đọc sang sảng của anh vang vọng khắp núi đồi, nghe vừa hãnh diện vừa da diết. Mọi người tạm thời dừng tay để nghe bản tuyên ngôn trong một niềm vui khôn tả.”* [27, tr.151]. Lời trần thuật của tác giả mang đến cho người đọc không khí chiến thắng hào hùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Niềm vui, sự tự hào của nghĩa binh lan tỏa qua từng câu chữ.

Khi dẫn đoàn người xin gia nhập nghĩa binh, Huynh, một nghĩa quân của khởi nghĩa Yên Thế cảm thấy vô cùng phấn khởi trước khí thế hào hùng của cuộc khởi nghĩa. Lời văn bộc lộ tâm trạng Huynh phấn chấn, tự hào về lòng yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm của dân tộc: *“Nhìn đội quân đông đúc khí thế bừng bừng đứng chật cả cái sân rộng của trại lính khố xanh, Huynh chợt nhớ tới có một lần tướng quân Hoàng Hoa Thám đã hàn huyên cùng anh về tinh thần chống giặc ngoại xâm của dân ta. Tinh thần ấy như được truyền trong hương khói của bàn thờ tổ tiên nên cứ nối tiếp hết thời này đến thời khác.”* [27, tr.143].

Trong hai cuốn tiểu thuyết về cảm hứng thế sự, đời tư, tác giả cũng sử dụng giọng điệu ngợi ca để ca ngợi các nhân vật dũng cảm đấu tranh vì chính nghĩa, đồng thời thể hiện tinh thần lạc quan, niềm tin vào cái thiện sẽ chiến thắng cái ác.

Ở **Mắt rừng**, từ đầu đến cuối tác giả miêu tả Trung, Trần Hòa với giọng điệu khâm phục và ngợi ca. Hòa trong cảm nhận của Trung là người: *“Ngay lần*

gặp đầu tiên Trung đã bị Hòa “bắt mắt hồn” vì những ý tưởng luôn bất thường, không giống ai. Theo quan niệm của Trung thì những ý tưởng bất thường chỉ có ở những người tiên phong. Chính họ mới là những người cần thiết cho công cuộc đổi mới của đất nước” [22, tr.119]. Đoạn Hòa độc thoại nội tâm cũng bộc lộ tính cách dịu dàng nhưng kiên quyết của ông, một con người luôn đứng về phía chính nghĩa để bảo vệ một chủ trương, chính sách mới: *“Nhìn đăm đăm vào tấm bản đồ một lúc rất lâu, Hòa như tìm thấy một con đường cho riêng mình. Đúng rồi! Làm chui! Làm chui! Ngày trước ông Kim Ngọc chả đã khoán nông nghiệp chui là gì. Một khi cái tâm trong sách thì có chuyện gì phải run sợ nữa đâu. Sau một cú đập mạnh hai bàn tay vào nhau, anh quyết định sẽ bước vào trận chiến đầy gian nan và nguy hiểm ấy” [22, tr.149].*

Nhân vật Trung là một kiếm lâm mẫn cán và dám dũng cảm đương đầu với khó khăn trong cuộc chiến sinh tử với lâm tặc. Qua lời trần thuật và lời đối thoại với giọng điệu ngợi ca, Trung được đánh giá là một người trẻ đầy năng lực, có trách nhiệm. Từng lời nói, hành động của Trung đều thể hiện nét tính cách ấy trong con người anh. Tại cuộc họp của Chi cục bàn về đề án giao rừng tự nhiên cho dân, Trung đã khẳng khái phát biểu: *“Điều cần làm nhất là song song với các biện pháp chống lâm tặc, còn phải thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nữa là ngăn chặn không để cho người dân biến thành lâm tặc. Điều này còn cấp thiết hơn cả việc chống lâm tặc” [22, tr.51].*

Sau này, suốt hành trình đấu tranh cho lẽ phải để bảo vệ đề án giao rừng tự nhiên cho dân, Hòa cùng với Trung rong ruổi khắp các xóm, bản để thu thập thông tin. Hòa đã nhận ra thật may mắn khi có người đồng hành cùng anh trên con đường đầy gian khó và nguy hiểm này: *“Cũng chính cái lúc nước sôi lửa bỏng như thế này, Hòa mới thấy là mình cần những người đồng tâm hợp lực đến mức nào. Rất may anh có được Trung là người luôn kề vai sát cánh. Người như Trung giống như một món quà của tạo hóa ban tặng cho anh.” [22, tr.153].*

Mặc dù cuộc chiến đấu chống lâm tặc mà Hòa và Trung theo đuổi vô cùng nguy hiểm và khốc liệt, thậm chí cả đổ máu song cả hai vẫn quyết tâm

theo đuổi. Cuối cùng, phần thắng cũng thuộc về những người dũng cảm đấu tranh cho chân lý; những kẻ ác đều bị trừng trị đích đáng. Hòa được đề bạt làm Phó Chủ tịch tỉnh, Trung là Chi cục phó Chi cục kiểm lâm. Chính sách giao rừng cho người dân quản lý được thực hiện đại trà toàn tỉnh mang lại nguồn lợi lớn cho nhân dân.

Giọng điệu ngợi ca là một trong những giọng điệu quen thuộc của văn học truyền thống. Trong xã hội hiện đại thì giọng điệu này càng không thể thiếu, bởi nó thể hiện niềm tin, sự lạc quan của nhà văn trước cuộc đời và con người. Sử dụng giọng điệu ngợi ca trong các tiểu thuyết, Hồ Thủy Giang gửi gắm thông điệp với độc giả: hãy luôn sống với niềm tin và nghị lực, sự dũng cảm trên hành trình đấu tranh, tìm kiếm lý tưởng của mình.

3.2.2.2. *Giọng mỉa mai, trào lộng*

Trên tinh thần dân chủ phát triển mạnh mẽ, các nhà văn đương đại Việt Nam không nghiêng về ngợi ca một chiều mà đã hướng đến cái nhìn thực tế của cuộc sống với cả tốt và xấu, trong đó tập trung miêu tả và phê phán những cái xấu bằng cái nhìn hài hước. Đó là lý do để giọng điệu mỉa mai, trào lộng được nhiều nhà văn sử dụng ở các thể loại tự sự nhưng đậm đặc nhất là ở tiểu thuyết. Tiêu biểu là ở sáng tác của Lê Lựu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái.

Với Hồ Thủy Giang, ông rất tâm đắc và sử dụng khá thành công giọng điệu mỉa mai, trào lộng trong các tiểu thuyết của mình. Đậm đặc nhất là ở **Mắt rừng**. Điều này thể hiện quan điểm mới trong văn chương của ông đã hướng đến công chúng bạn đọc rộng rãi hơn. Không trực tiếp phê phán, đả kích nhưng qua ngôn ngữ trần thuật và đối thoại với giọng điệu trào lộng, các nhân vật đã tự bóc mẽ và tố cáo bản chất chính mình.

Chi tiết Đắc, trùm buôn lậu gõ cười ha hả và tự hào cho rằng y đã biết “dựa vào dân”, “lấy dân làm gốc” để chống lại kiểm lâm khéo léo hơn những cán bộ lãnh đạo: “*Vậy, anh là lâm tặc. Chú Lu chú Khút là lâm tặc, những*

thằng như Ma Văn Khì, Nông Văn Thử ở Khuôn Lĩnh và và rất nhiều thằng khác đã và đang trở thành lâm tặc... Cũng có nghĩa là lâm tặc được trưởng thành từ nhân dân, từ nhân dân mà ra! Như vậy hóa ra là anh đây, chính anh đây đã biết lấy dân làm gốc chứ không phải thằng mả mẹ nào cả” [22, tr.45]. Triết lý mỉa mai mà Đắc đưa ra đã chứng tỏ chính sách quản lý, bảo vệ rừng chưa hợp lý sẽ biến người dân thành kẻ phá rừng. Điều này thật hài hước nhưng cũng biết bao chua xót:

Giọng điệu mỉa mai, trào lộng được nhà văn Hồ Thủy Giang miêu tả đậm nét nhất qua nhân vật Sênh, Chi cục phó Chi cục kiểm lâm. Từng lời nói, hành động, suy nghĩ của nhân vật này trong các tình huống đều được miêu tả với sắc thái trào lộng. Diễn hình như khi chuẩn bị cùng đoàn thanh tra về làm việc tại huyện Sơn Thượng, Sênh đã có bài phát biểu động viên tinh thần anh em trước lúc ra quân với những từ ngữ sáo rỗng, hình thức. Chi tiết Sênh khoe vết sẹo sần sùi, dài mười lăm phân trên cánh tay là vết chém của lâm tặc khi ông thực thi nhiệm vụ gần 20 năm trước được tác giả nhắc đi nhắc lại với giọng điệu hài hước: *“Từ ngày đến công tác ở chi cục, lần này đúng tròn mười lần tôi được nghe ông Sênh giới thiệu về vết sẹo. Nhiều tiếng cười nhỏ cố nén lại.”* [22, tr.160]. Kết thúc bài phát biểu, tác giả để Sênh phất tay vào không khí và nói những lời sáo rỗng: *“Xin cảm ơn các đồng chí đã đến dự và động viên tinh thần những người ra đi làm nhiệm vụ. Tôi xin tuyên bố kết thúc cuộc họp. Xin mời các đồng chí đến bàn văn thư lĩnh tiêu chuẩn ăn trưa. Các đồng chí trong đoàn thanh tra ở lại hội trường để chuẩn bị xuất kích!”*. Chêm vào lời nhân vật Sênh là lời của nhân vật không tên: *“Một tiếng cười khúc khích và tiếng nói khẽ ở cuối hội trường: - Oách thật! Không khác gì những cuộc tiễn đưa bộ đội ra chiến trường thời chống Mỹ. Chỉ khác là hội ấy không có: Xin mời các đồng chí đến bàn văn thư lĩnh tiêu chuẩn ăn trưa thôi.”* [22, tr.162].

Những từ ngữ “oách thật”, “ra đi làm nhiệm vụ”, “chuẩn bị xuất kích” được tác giả sử dụng gắn với chi tiết “những tiếng cười nhỏ cố nén lại” và

“một tiếng cười khúc khích và tiếng nói khẽ ở cuối hội trường” với giọng điệu mỉa mai, trào lộng, phản ánh những đợt ra quân của Sính thực chất là màn hài kịch. Đoạn miêu tả Sính chỉ huy đoàn công tác truy quét lâm tặc ở khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Thượng, giọng văn của tác giả miêu tả thật hài hước: *“Trong ba ngày đầu làm việc của Đoàn thanh tra, Sính ra lệnh cho chiếc xe bảy chỗ của chi cục cùng chiếc u oát cà khố của Ban quản lý chạy đi chạy lại hàng chục lần quanh địa phận thị trấn và những đoạn đường xung yếu của huyện Sơn Thượng theo lối quảng cáo, bán vé của các đoàn nghệ thuật mỗi khi đến vùng đất lạ biểu diễn... Sang ngày thứ tư, trụ sở của Đoàn thanh tra không ở dãy nhà cấp bốn của ban quản lý khu bảo tồn nữa mà đã chuyển sang khách sạn Lá Cọ”*. [22, tr.196-197]. Thông thường các buổi thanh, kiểm tra được diễn ra với không khí nghiêm túc thì nay, tác giả lại miêu tả như vở diễn tuồng. Cung cách làm việc của đoàn thanh tra trông giống cò mớ được so sánh với hình ảnh hết sức ấn tượng là *“theo lối quảng cáo, bán vé của các đoàn nghệ thuật mỗi khi đến vùng đất lạ biểu diễn”*. Cảnh Sính kiểm tra tại Trạm kiểm lâm cửa rừng Nhị Hồ, cũng được miêu tả không kém phần hài hước: *“Sính khệnh khạng chui ra khỏi ô tô. Các chiến sĩ kiểm lâm mang sắc phục chỉnh tề đứng như xếp hàng xung quanh khẽ cúi chào. Hình như người ta chỉ có thể gặp cảnh tượng tự như thế này khi đón khách Trung ương hoặc quốc tế... Đang đi, Sính đột ngột dừng sững lại. Mấy chiến sĩ kiểm lâm đang lẻo đẻo bước theo Sính mắt đã ngả dúi dụi vào nhau. Mặt Sính vẫn tỉnh khô. Chao ôi! Thế mới là phẩm chất của người lãnh đạo chứ! Hơi một tý đã quan tâm đến những chuyện vặt vãnh như thế thì sao có thể cầm quân được.”* [22, tr.214-215]

Qua việc sử dụng giọng trào lộng, tác giả khẳng định những buổi làm việc, truy quét của Sính và đoàn thanh tra thực chất là hình thức che đậy những buổi liên hoan đặc sản, hưởng thụ gái đẹp. Trong khi đoàn thanh tra trông giống cò mớ giễu võ giương oai thì ở trong rừng kia, biết bao thước gỗ quý của khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Thượng đã bị cưa gục và được vận chuyển đi nơi

khác. Lời văn của tác giả tung tung, lạnh lùng nhưng đã bóc trần sự thật màn kịch Sính dựng lên. Bên cạnh việc phê phán những kẻ xu nịnh, luồn cúi thì lời tố cáo mạnh mẽ nhất là dành cho Sính- một cán bộ lãnh đạo bị tha hóa, biến chất cực điểm.

Trong **Đám cưới không có giấy giá thú** (Ma Văn Kháng), ta cũng thấy tràn ngập giọng điệu mỉa mai, phê phán, tập trung vào những nhân vật trí thức “rởm” như Bí thư Thị ủy Lại, Hiệu trưởng Cẩm. Điển hình là đoạn tác giả đã miêu tả nhân vật Bí thư Thị ủy Lại với bài phát biểu trong buổi lễ khai giảng trường cấp 3: *“Hôm nay, thị xã ta khai giảng trường cấp 3, rồi đây chúng ta sẽ mở trường cấp 4, cấp 5, cấp 6. Cũng như tỉnh ta hiện nay có giống lợn Mường Khương, nhiều mỡ, rồi đây ta sẽ có giống lợn kinh tế nhiều nạc, tăng trọng nhanh.”* [42, tr.102]. Với việc sử dụng giọng điệu mỉa mai, trào lộng, tác giả giúp người đọc nhận ra bài phát biểu với những ngôn từ ngô nghê phơi bày sự thật về cái dốt nát của vị lãnh đạo một cách hài hước.

Có thể thấy, nhà văn Hồ Thủy Giang đã có ý thức đưa vào tiểu thuyết và bước đầu có sự thành công khi sử dụng giọng mỉa mai, trào lộng. Giọng điệu này là thứ gia vị hấp dẫn mang đến cho người đọc tiếng cười sảng khoái. Đồng thời thể hiện nội dung, tư tưởng của tác phẩm cũng như quan điểm sâu sắc của tác giả về con người và cuộc đời.

3.3.2.3. Giọng chiêm nghiệm, triết lý

Chiêm nghiệm được hiểu là sự xem xét và đoán định của con người về các vấn đề của cuộc sống bằng kinh nghiệm, sự từng trải. Còn triết lý là những điều được rút ra bởi trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, trên cơ sở con người nhìn nhận các vấn đề và phát biểu ngắn gọn, súc tích. Triết lý trở thành kim chỉ nam cho cách xử thế, hành động hay lối sống của cá nhân, cộng đồng.

Giọng điệu triết lý được nhiều nhà văn đương đại đưa vào trong các tác phẩm của mình. Giọng triết lý gắn liền với cách cắt nghĩa mới hay cung cấp thêm ý nghĩa cho một khái niệm đã quen thuộc của nhà văn. Qua những chiêm

nghiệm về cuộc đời dâu bể, về ngọt ngào và cay đắng của số phận con người, nhà văn đúc rút những triết lý ngắn gọn, nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Điều đó đã mang đến cho người đọc cảm nhận thú vị, mới mẻ về cuộc sống.

Triết lý về con người và những vấn đề trong cuộc sống hiện đại là điều mà nhà văn Hồ Thủy Giang quan tâm đưa vào các tác phẩm của mình. Trong nhiều truyện ngắn, nhà văn đã không ít lần đưa ra triết lý thể hiện cái nhìn sâu sắc, tinh tế về đồng tiền và danh vọng: “*Đồng tiền luôn biết cách tìm những góc tối để sáng lên lấp lánh*”. Và “*Sự cám dỗ của đồng tiền và danh vọng thật khủng khiếp, nó giống như những chiếc bánh sắt đứng đưng và man dại của con tàu sẵn sàng nghiền nát tất cả để tiến lên phía trước.*” [16, tr.15]. Điều này đã được minh chứng qua hàng loạt tác phẩm như: **Sân ga, Tình phụ tử, Cỏ dại, Tro tàn...**

Ở tiểu thuyết, Hồ Thủy Giang tiếp tục sử dụng giọng điệu triết lý với những câu văn mang tính luận bàn, trao đổi, lật xới vấn đề để bàn về giá trị của đồng tiền, danh vọng nhưng ở mức cao hơn, sâu sắc hơn. Trong **Con đường cát bụi**, nhiều lần Hồ Thủy Giang sử dụng giọng điệu triết lý, phân tích khi nói về cái nghèo và thế lực của đồng tiền. Vì nghèo, không có tiền, Thắm bị bao thế lực đe dọa, vùi dập đến thảm hại khi từ cô sinh viên trong trắng, học giỏi trở thành gái làng chơi sành sỏi. Bởi thế, Thắm là người hiểu rõ giá trị như thế nào của đồng tiền trong xã hội thời mở cửa. Chính vì vậy, tác giả đã để nhân vật này nhiều lần triết lý về đồng tiền: “*Thời buổi này, những kẻ có tiền thường làm việc gì cũng được.*” [23, tr.128]. Miêu tả Thắm lúc cô đã có nhiều năm làm gái làng chơi, lời trần thuật đan xen vào lời nhân vật khiến ta không biết Thắm hay chính tác giả đã phải xót xa thốt lên: “*Chao ôi! Đúng như ai đó đã nói: đồng tiền vốn mỏng như một lưỡi dao cạo nên dễ dàng lọt vào lương tâm con người một cách sắc lẹm.*” [23, tr.329].

Các nhân vật như Lan, Hùng, Sách cũng đã nhiều lần nói về sức mạnh của đồng tiền trong xã hội. Có tiền, người ta có thể mua được sự thật, đổi trắng thay đen và khiến con người tha hóa chỉ trong vài phút giây ngắn ngủi. Triết lý mệnh đề về đồng tiền thường được tác giả sử dụng gắn với các từ quen thuộc

“*có tiền*”, “*đồng tiền là*”, “*có nó*” “*thời buổi này*”, “*thời buổi thị trường*”... Nhân vật Lan từng dùng tiền thuê một nhà báo viết phóng sự về nạn mại dâm ở trường đại học y với những tên viết tắt sinh viên Th, L làm gái mại dâm để ám chỉ Thẩm và Liễu đã vênh mặt nói với lũ bạn: “*Thời buổi thị trường, cứ có tiền là có tất*”. [23, tr.115]. Nhân vật Sách, tướng cướp trong cuộc trò chuyện với Huỳnh trên bãi vàng cũng khẳng định: “*Những người như chúng ta chỉ có sức mạnh duy nhất là đồng tiền. Có nó thì mới chiếm lĩnh được thiên hạ*” [23, tr.376]. Nhân vật Hùng, chủ quán cà phê Sơn Ca cũng có triết lý sâu sắc về đồng tiền: “*Có những đồng tiền biến quý thành người và có cả những đồng tiền biến người thành quý*” [23, tr.327]. Thông qua việc sử dụng giọng điệu triết lý bàn luận về giá trị của đồng tiền, nhà văn thể hiện quan điểm suy tư trước cuộc đời và lên tiếng cảnh tỉnh mỗi con người hãy biết vượt lên chính mình, không bị tha hóa trước đồng tiền.

Ở tiểu thuyết luận đề **Mắt rừng**, giọng điệu chiêm nghiệm triết lý được tác giả sử dụng đậm nét. Vấn đề mà nhà văn Hồ Thủy Giang đưa ra ở tiểu thuyết này để phân tích, bàn luận là vấn đề sức mạnh của đồng tiền, của sắc dục khiến con người dễ dàng tha hóa; sâu xa nhất là triết lý về việc quản lý và bảo vệ rừng. Để chuyển tải thông điệp của mình, tác giả đã cho nhiều nhân vật nói lên triết lý ấy bằng giọng điệu phân tích, lý luận.

Trung là một cán bộ trẻ đầy năng lực, có trách nhiệm và sẵn sàng cống hiến sức mình để bảo vệ màu xanh của những cánh rừng. Lời phát biểu của anh trong cuộc họp tại Chi cục bàn về đề án giao rừng tự nhiên cho dân đã nhìn thẳng vào sự thật trong việc chống lâm tặc của ngành kiểm lâm hiện nay: “*Điều cần làm nhất là song song với các biện pháp chống lâm tặc đang làm, còn phải thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nữa là ngăn chặn không để cho người dân biến thành lâm tặc. Điều này còn cấp thiết hơn cả việc chống lâm tặc*”. [22, tr.51]. Cùng quan điểm ấy với Trung, Hòa, Chi cục trưởng cũng đã suy nghĩ: “*Công cuộc bảo vệ rừng phải bắt đầu từ con người chứ không*

phải bằng luật pháp và súng đạn". [22, tr.154]. Triết lý ấy của anh được phân tích thấu đáo: *"Có thể bắt nhốt hàng trăm, hàng nghìn lâm tặc nhưng làm sao "nhốt" nổi một môi trường nuôi dưỡng lòng tham và sự phá hoại trong cuộc mưu sinh đầy khắc nghiệt này"*. [22, tr.154]. Khi đi thực tế cùng Trung, chính Hòa là người đã suy tư trăm trở và khẳng định: *"Các trạm cửa rừng không phải là đặt ở những nơi xung yếu nhất mà phải đặt trong lòng dân."* [22, tr.117].

Giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý cũng được nhà văn Hồ Thủy Giang sử dụng thể hiện tư duy, quan điểm đổi mới của nhà văn ở các tiểu thuyết lịch sử khá thành công. Trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú**, Nguyễn Trãi và Lưu Nhân Chú là người nói lên những suy tư, triết lý về lịch sử và con người. Bởi vậy mà đoạn văn có sự xuất hiện của hai nhân vật này, tác giả đều sử dụng giọng điệu triết lý.

Để ngăn Lê Lợi không tiêu diệt tàn quân của Thôi Tụ ở thành Xương Giang mà nên lấy sự hòa hiếu làm đầu, Nguyễn Trãi đã nói: *"Chiến thắng không phải lúc nào cũng là giết giặc. Ta nên bỏ cái lợi nhỏ là sự trả thù để lấy cái lợi lớn là sự hòa hiếu. Đó mới chính là sách lược "tâm công"* [25, tr.175]. Khi tâu với Lê Lợi về việc tiêu diệt thành Đông Quan, Nguyễn Trãi đã khấn khoản: *"Chiến tranh là bắt buộc nhưng mỗi bước đi của chinh chiến lại luôn cần hướng tới sự hòa hiếu chứ không phải là thù hận nối thù hận muôn đời"*. [25, tr.183].

Sau chiến thắng vang dội, tiêu diệt được nhiều giặc Ngô ở Xương Giang, chính Lê Lợi nhận ra mình đã không thực hiện triệt để tư tưởng hòa hiếu, chính sách tâm công khiến nỗi ám ảnh về bao cảnh chết chóc vây bủa làm ông day dứt. Lê Lợi khi nghe tiếng sáo của Lưu Nhân Chú bỗng nhớ thương nàng Ngọc Trần và tướng quân Lê Lai cùng bao người đã khuất của nghĩa quân Lam Sơn. Ông chiêm nghiệm: *"Chỉ có những ai từng mất đi những người ruột thịt, thân yêu thì mới có nỗi đau như thế"* [25, tr.181-182]. Để rồi, ông đã thẳng thắn bộc bạch lòng mình với Nguyễn Trãi: *"Trận Xương Giang thắng lớn nhưng quả là ta đã sai vì không nghe theo kế "tâm công" của quân sư"*. [25, tr.182].

Giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý trong **Tể tướng Lưu Nhân Chú** bị chi phối bởi cảm hứng chủ đạo của nhà văn. Từ điểm nhìn hiện tại, Hồ Thủy Giang muốn soi rọi về quá khứ với cái nhìn mới chứa đựng sự chiêm nghiệm, phân tích những bài học lịch sử. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến việc áp dụng tư tưởng hòa hiếu nhân văn của dân tộc như thế nào cho hợp lý. Bài học lịch sử về tư tưởng hòa hiếu bao dung ấy luôn là bài học đúng đắn cho mọi thời đại.

Đặt nhiều niềm tin và cũng là để Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú nói hộ mình những trăn trở, suy tư về cuộc chiến, tác giả đã xây dựng hai nhân vật này có sự đồng điệu về tâm hồn. Nguyễn Trãi khâm phục tài năng của Lưu Nhân Chú nhưng cũng là người đã nhìn ra trong hội thề Lũng Nhai, khi Lưu Nhân Chú bắn trúng hồng tâm, ánh mắt của tướng Lê Sát nhìn vị tướng này như thế nào. Ông đã khuyên Lưu Nhân Chú nên biết phòng thân. Ông mơ hồ lo âu về số phận của Lưu Nhân Chú sẽ không mấy tốt đẹp sau khi cuộc chiến thành công. Triết lý mà Nguyễn Trãi đưa ra quả thực thấm thía và khiến ta phải suy nghĩ: *“Cái khó không phải là việc đánh đuổi quân Ngô. Cái khó lại chính ở lòng người sau khi sự đã thành.”* [25, tr.81]. Và điều Nguyễn Trãi lo lắng cuối cùng đã đến. Chứng kiến bi kịch của Lưu Nhân Chú khi bị Lê Sát hãm hại trong tù ngục, Nguyễn Trãi kêu lên thảng thốt: *“Tướng quân Lưu Nhân Chú không có tội! Nỗi đau lịch sử này nghìn năm khôn rửa!”* [25, tr.195].

Ở **Những người mở đường**, nhà văn Hồ Thủy Giang sử dụng khá thường xuyên giọng điệu triết lý, chiêm nghiệm. Các nhân vật thanh niên xung phong sau khi đi qua cuộc chiến sau hơn 30 năm có cơ hội suy nghĩ thấu đáo hơn về cuộc đời, con người, nhận ra nỗi đau mát mát và những hạn chế của mình.

Nhân vật Đại đội trưởng Thịnh nhiều lần suy tư về quá khứ, nhận thức lại về những việc làm sai lầm của mình thời chiến. Như khi biết Cương, Đại đội phó đã hy sinh nhưng ông vẫn quyết định xin cấp trên kỷ luật Cương về hành vi không chấp hành mệnh lệnh. Sau này ông mới đau xót nhận ra triết lý đơn giản: *“Sao ngày ấy mình không hiểu được rằng, việc tuân thủ mệnh lệnh dù có quan trọng đến đâu thì*

cũng không thể đem ra so sánh với tình yêu Tổ quốc, với tinh thần tất cả tiền tuyến? Đúng là Cương và các đội viên Đại đội 15 ngày ấy đã hành động vì tiếng gọi của tiền tuyến và họ đã hy sinh anh dũng vì Tổ quốc. Vậy mà một tay ông đã xóa đi tất cả, ông đã đào huyệt chôn thêm đồng đội một lần nữa” [24, tr.95].

Ông Thịnh cũng thẳng thắn nhận mình là người có quan điểm bảo thủ khi quy kết Vinh buôn bán thời chiến là sai, thấy trước sự đổi mới của xã hội hiện nay thì ông trở thành lạc lõng: *“Không thể phủ nhận rằng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước thì ông và không ít cựu đội viên thanh niên xung phong đã không còn khả năng phát sáng. Nhưng trong hành trình đổi mới hôm nay, chính Vinh lại là một nhân tố mở đường” [24, tr.197] .*

Trong cuộc hội ngộ giữa các đồng đội thanh niên xung phong, chúng kiến sự hòa thuận giữa ông Vinh và Thịnh, nhân vật Tâm suy tư: *“Thì ra, có những người phải đi đến tận cuối những cung đường mới thật sự hiểu nhau”.* [24, 202]. Đoạn miêu tả tâm lý nhân vật Tâm sau đây chứa đựng giọng chiêm nghiệm sâu sắc: *“Ngày ấy, chính Tâm cũng là một trong số không ít người đã tán thành quan niệm thời chiến phải nghiêm khắc trong yêu đương. Với sự kiện đột nhập vào phòng đội trưởng của bà Xuân, Tâm thuộc về phe lên án người đàn bà trơ trẽn và ca ngợi sự trong sáng, đúng mực của ông Thịnh. Vậy mà hôm vừa rồi, nhìn bà Xuân trong thân hình tàn tạ, tuyệt vọng trước cô đơn, không người nương tựa, trái tim Tâm như vỡ thành từng mảnh.” [24, tr.138].*

Sự chiêm nghiệm của con người chỉ có được khi trải qua những biến cố, thử thách. Thời gian và từng trải giúp con người có cái nhìn khách quan hơn về nhân sinh, thế sự. Hồ Thủy Giang, bằng sự hiểu biết và tuổi đời kinh nghiệm đã đưa vào trang văn của mình những chiêm nghiệm, triết lý sâu sắc về nhiều vấn đề của đời sống. Giọng điệu triết lý, suy luận đã gia tăng tính hấp dẫn và giá trị nhân văn mỗi cuốn tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang. Nó thể hiện cái nhìn đổi mới của nhà văn về cuộc đời, con người, khẳng định tính sáng tạo không ngừng của ông khi sáng tác.

Tiểu kết

Tìm hiểu về phương diện nghệ thuật, chúng tôi thấy 5 cuốn tiểu thuyết của nhà văn Hồ Thủy Giang đã thể hiện sự nỗ lực của ông trên hành trình kiếm tìm, hội nhập và thử sức với những cái mới trong dòng tiểu thuyết hiện đại. Bên cạnh bút pháp truyền thống, ta thấy ông đã bước đầu dần thân vào sự đổi mới trong nghệ thuật thể hiện tiểu thuyết, thể hiện ở việc miêu tả tâm lý nhân vật. Qua đó, làm nổi bật số phận, tính cách và những bí mật sâu kín trong tâm hồn mỗi người.

Ngôn ngữ đối thoại ngắn gọn, đậm chất điện ảnh và ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh thể hiện vốn kiến thức sâu rộng và tài quan sát tinh tế của nhà văn khiến hiện thực cuộc sống hiện lên qua tiểu thuyết tươi mới, sinh động. Hồ Thủy Giang cũng sử dụng nhiều sắc thái giọng điệu khi sáng tác tiểu thuyết, trong đó giọng điệu ngợi ca; mỉa mai, trào lộng và triết lý, suy ngẫm là ba giọng điệu cơ bản tạo ra chất điệu riêng của nhà văn. Những đổi mới trong nghệ thuật tiểu thuyết Hồ Thủy Giang đã đưa tiểu thuyết của ông hòa vào dòng chảy của tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

KẾT LUẬN

Nếu coi tiểu thuyết Thái Nguyên là một bức tranh thì tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang là một gam màu sáng góp phần làm phong phú, đa dạng và hoàn thiện bức tranh đó. Hồ Thủy Giang là một nhà văn có niềm đam mê nghề nghiệp và ý thức sáng tạo. Mới bén duyên với thể loại tiểu thuyết, nhưng Hồ Thủy Giang đã đi được những bước đầu thành công khi đặt những viên gạch đầu tiên trên chặng đường đổi mới nội dung và nghệ thuật, tạo được ấn tượng trong lòng người đọc. Thành công của tiểu thuyết Hồ Thủy Giang đã khẳng định vị trí quan trọng của ông trong văn xuôi Thái Nguyên, để ông bước vào thế giới văn xuôi đương đại Việt Nam với những bước đi vững chắc hơn.

Về phương diện nội dung, ta nhìn thấy rõ hai mạch sáng tác của ông ở tiểu thuyết đó là cảm hứng lịch sử và cảm hứng thế sự, đời tư. Các cuốn tiểu thuyết lịch sử của Hồ Thủy Giang đã tái hiện lại những giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, địa phương, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Đồng thời, ở mỗi tác phẩm cũng chứa đựng những giải mã sâu sắc của tác giả, thể hiện sự nhìn nhận mới mẻ về các vấn đề của lịch sử đối với xã hội hiện nay.

Ở cảm hứng thế sự, đời tư, ngòi bút Hồ Thủy Giang đã len sâu vào những góc khuất nhất của xã hội để phơi bày những cái xấu, cái chưa được của con người khi nhân cách bị tha hóa bởi đồng tiền, danh vọng và sắc dục. Tiểu thuyết Hồ Thủy Giang cũng đã khám phá địa hạt bí ẩn nhất trong tâm hồn con người, miêu tả những diễn biến tâm lý phức tạp, nhất là nỗi đau, bi kịch mà con người không thể vượt thoát được trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc. Những quan điểm, tư duy mới thể hiện ở cách nhìn nhận cuộc đời, con người từ những bi kịch đã đưa tiểu thuyết Hồ Thủy Giang bước đầu hòa vào dòng chảy tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

Về nghệ thuật, tiểu thuyết Hồ Thủy Giang thể hiện sự nỗ lực tự đổi mới phương thức thể hiện không ngừng của ông trong thể loại này. 5 tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang đều sử dụng thành công nghệ thuật nhân vật xây dựng chân

dung nhân vật từ ngoại hình, nghệ thuật miêu tả tâm lý để làm nổi bật số phận và những đóng góp của nhân vật trong lịch sử. Tác giả cũng sử dụng nhiều sắc thái giọng điệu, mà giọng ngợi ca; mỉa mai, trào lộng và giọng chiêm nghiệm, triết lý là nét nổi bật trong phong cách tiểu thuyết Hồ Thủy Giang. Bằng vốn sống dày dặn, sự quan sát, giác quan tinh tế, Hồ Thủy Giang đã quan tâm sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật đối thoại ngắn gọn, đậm chất điện ảnh và ngôn ngữ tả thực, giàu hình ảnh, gần gũi với đời sống, góp phần chuyển tải thông điệp của nhà văn đến độc giả.

Mặc dù có những đổi mới nhất định song tiểu thuyết Hồ Thủy Giang cơ bản vẫn nghiêng về phía truyền thống. So với nền văn xuôi hậu hiện đại Việt Nam, nhà văn Hồ Thủy Giang vẫn còn ở khoảng cách khá xa. Điều ấy có thể được lý giải vì nhà văn mới bước sang địa hạt tiểu thuyết chưa lâu nên chắc chắn vẫn cẩn trọng và lựa chọn ở vị trí an toàn của đường biên hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Nhưng với những gì tác giả đã đạt được thời gian qua, chúng ta hoàn toàn có thể hy vọng tiểu thuyết của Hồ Thủy Giang sẽ có những bước tiến mới, thu hút đông đảo hơn nữa lượng độc giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại - Nhận thức và thẩm định*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
2. Lại Nguyên Ân (1990), *150 Thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lại Nguyên Ân, *Tiểu thuyết và lịch sử (nhân đọc Giàn thêu của Võ Thị Hào)*, <https://phebinhvanhoc.com.vn/>, cập nhật ngày 10/5/2012.
4. Lê Huy Bắc (1998), "Giọng và giọng điệu trong văn xuôi hiện đại", *Tạp chí văn học* số 9/1998.
5. Lưu Nhân Chú, <http://vi.wikipedia.org>, cập nhật ngày 22/2/2017.
6. Nguyễn Văn Chung (2006), *Tiểu thuyết Chu Lai thời kỳ đổi mới*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Ngữ Văn, ĐHSP Thái Nguyên.
7. Phương Dung, Lê Hằng (2005), *Đặc điểm truyện ngắn Hồ Thủy Giang*, Khoa ĐT.GV.THCS, ĐHSP Thái Nguyên.
8. Nguyễn Mạnh Dũng, *Tiểu thuyết Lạng Sơn với đề tài lịch sử*, <http://www.langson.gov.vn>, cập nhật ngày 27/12/2011.
9. Phan Cự Đệ (2002), *Một số vấn đề về lý luận và lịch sử văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Hà Minh Đức (1998), *Chặng đường mới trong văn học Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Phạm Đức, (2011), *Bão rừng*, Nxb Văn học.
12. Phạm Đức, (2014), *Giông gió làng chè*, Nxb Văn học.
13. Phạm Đức, (2016), *Vài cảm nghĩ về tiểu thuyết Tể tướng Lưu Nhân Chú của Hồ Thủy Giang*.
14. Hồ Thủy Giang (1989), *Con tàu đến muộn*, Nxb Văn học.
15. Hồ Thủy Giang (1990), *Bông hoa cô đơn*, Nxb Văn học.
16. Hồ Thủy Giang (2002), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Văn học.

17. Hồ Thủy Giang (2004), *Văn học Thái Nguyên tác giả - Tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
18. Hồ Thủy Giang (2005), *Mùa gió heo may*, Nxb Lao động.
19. Hồ Thủy Giang (2010), *Người đẹp thường nhiều bí ẩn*, Nxb Văn học.
20. Hồ Thủy Giang (2010), *Thái Nguyên- một dòng chảy văn chương*.
21. Hồ Thủy Giang (2015), "Văn xuôi Thái Nguyên- một năm nhìn lại", *Báo Văn nghệ Thái Nguyên*.
22. Hồ Thủy Giang (2015), *Mắt rừng*, Nxb Công an Nhân dân.
23. Hồ Thủy Giang (2016), *Con đường cát bụi*, Nxb Văn học.
24. Hồ Thủy Giang (2016), *Những người mở đường*, Nxb Văn học.
25. Hồ Thủy Giang (2016), *Tể tướng Lưu Nhân Chú*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
26. Hồ Thủy Giang (2016), "Văn xuôi Thái Nguyên: Thành quả và hy vọng", *Báo Văn nghệ Thái Nguyên*.
27. Hồ Thủy Giang (2017) *Thái Nguyên -1917*, NXb Đại học Thái Nguyên.
28. Đỗ Lâm Hà, *Tình yêu lớn nhà văn Nguyễn Trường Thanh dành cho xứ Lạng quê hương*, vanhien.vn, cập nhật ngày 13/9/2014.
29. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển Thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Nguyễn Đức Hạnh (2011), *Thế giới nghệ thuật trong tiểu thuyết của Chu Lai*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
31. Hoàng Quốc Hải, *Tiểu thuyết lịch sử là sự giải mã lịch sử*, <http://www.sggp.org.vn>, cập nhật ngày 25/8/2013.
32. Võ Thị Hảo (2005), *Giàn thiêu*, Nxb Phụ nữ.
33. Minh Hằng (2016), "Mắt rừng, cuộc chiến lâm tặc đầy cam go", *Báo Thái Nguyên chủ nhật*, số ra ngày 12-5-2016.
34. Minh Hằng (2016), "Vài điều đáng nói xung quanh cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên về danh nhân đất Thái", *Báo Thái Nguyên chủ nhật*, số ra ngày 31-5-2016.

35. Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên (2007), *Tuyển tập Văn xuôi Thái Nguyên (2001-2006)*.
36. Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên (2007), *Tuyển tập Văn xuôi Thái Nguyên (2006-2015)*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
37. Thê Hùng, *Mạch nguồn- tiểu thuyết lịch sử quý về vị Tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam*, baophunuthudo.vn, cập nhật ngày 18/12/2014.
38. Nguyễn Thị Mai Hương (2006), *Ngôn ngữ nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam*, luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường DHSPTN.
39. Nguyễn Thị Thu Hương (2010), *Về vấn đề nhân vật lịch sử trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh*, vanngheदानang.org.vn, cập nhật tháng 3-2010.
40. Trần Hình, *Khuyh hướng tiểu thuyết - điện ảnh trong văn học Pháp thế kỷ XX*, <http://khoanguvan.com.vn>, cập nhật ngày 3/5/2009.
41. Lê Minh Kha, Dịch liên ký hiệu: Giữa văn học và điện ảnh, <http://www.baobinhdinhh.com.vn>, cập nhật ngày 9/6/2015.
42. Ma Văn Kháng (1995), *Đám cưới không có giấy giá thú*, Nxb Văn học.
43. Ma Văn Kháng (2007), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Lao động.
44. Nguyễn Xuân Khánh (2002), *Hồ Quý Ly*, Nxb Phụ nữ.
45. Chu Lai (2003), *Nắng đồng bằng*, Nxb Hội Nhà văn.
46. Chu Lai (2003), *Cuộc đời dài lắm*, Nxb Hội Nhà văn.
47. Chu Lai (2004), *Phố*, Nxb Hội Nhà văn.
48. Chu Lai (2004), *Ấn mào dĩ vãng*, Nxb Hội Nhà văn.
49. Phong Lê (1985), *Trên hành trình bốn mươi năm văn xuôi: Ngôn ngữ và giọng điệu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
50. Lê Lựu (1998), *Thời xa vắng*, Nxb Hội Nhà văn.
51. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (2006), *Văn học Việt Nam sau năm 1975. Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

52. Dương Thị Hồng Liên (2008), *Nghệ thuật tiểu thuyết của Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSPTN.
53. Bùi Thị Tuyết Mai (2011), *Đặc điểm truyện ngắn Hồ Thủy Giang*, luận văn thạc sĩ, ĐHSPTN.
54. Đào Thủy Nguyên (2014), *Bản sắc Văn hóa dân tộc trong văn xuôi các nhà văn dân tộc thiểu số*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
55. Vũ Nho (2015), *Mắt rừng - cuộc chiến chống lâm tặc*, báo Công an Nhân dân.
56. Mai Hải Oanh (2009), *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, Nxb Hội Nhà văn.
57. Hồ Phương (2001), "Có gì mới trong tiểu thuyết về đề tài chiến tranh hôm nay", *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 4-2001.
58. Thái Sơn, *Bài học canh tân trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh*, chungta.vn, cập nhật ngày 2/2/2014.
59. Trần Đăng Suyền (2002), *Nhà văn hiện thực cuộc sống và các tính sáng tạo*, Nxb Văn học, Hà Nội.
60. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
61. Trần Đình Sử (1998), *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*, Vụ giáo viên, Hà Nội.
62. Trần Đình Sử, *Về tiểu thuyết lịch sử*, <http://khoavanhocngongu.edu.vn>, cập nhật ngày 4/1/2017.
63. Phan Thái (2015), *Sóng bên ngày nắng*, Nxb Hồng Đức.
64. Phan Thái (2016), *Đèn giời*, Nxb Hội Nhà văn.
65. Yên Thanh (2016), "Họ luôn là chiến sĩ thanh niên xung phong", *Báo Thái Nguyên chủ nhật*, số ra ngày 24-7-2016.
66. Bùi Việt Thắng, *Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ Đổi Mới (1986 - 2016): Những thăng trầm*, <https://www.vanhoanghean.com.vn>, cập nhật ngày 13/6/2016.
67. Bùi Việt Thắng (2005), *Tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, Nxb Quân đội Nhân dân.

68. Bùi Việt Thắng, *Mặt trời Pác Bó chiếu sáng con đường Giải phóng*, <http://trieuxuan.info>, cập nhật ngày 28/7/2013.
69. Thi Thi, *Văn học và điện ảnh: Những chuyển động thú vị*, <http://hanoimoi.com.vn>, cập nhật ngày 13/2/2016.
70. Bích Thu (1999), *Những nỗ lực sáng tạo của tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Viện Văn học.
71. Thư viện tỉnh Lạng Sơn, *Giới thiệu chùm sách của nhà văn xứ Lạng Nguyễn Trường Thanh*, <http://thuvienlangson.vn>, cập nhật ngày 27/9/2015.
72. Hoàng Quảng Uyên (2013), *Giải phóng*, Nxb Hội Nhà văn.
73. Đỗ Ngọc Yên, *Mối tơ duyên giữa điện ảnh và văn chương*, <http://vannghequandoi.com.vn>, cập nhật ngày 7/2/2012.
74. Phạm Vân, *Người chép sử vùng biên*, bienphong.com.vn, cập nhật ngày 22/8/2012.
75. Phạm Văn Vũ (2016), *Những kiến giải lịch sử trong tiểu thuyết Tể tướng Lưu Nhân Chú*, <http://vannghehainguyen.vn>, cập nhật ngày 26/5/2016.